diễn đàn

Số 54 / 1.7.1996 ISSN 1164-2378

F O R U M

ĐẤU VẬT, tranh khắc gỗ của ĐINH LỰC

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam
tin tức, kết quả, bình luận

4 Tin tức
15 Góp ý về chính sách kinh tế — Vũ Quang Việt
17 Mô phỏng mô hình kinh tế — Lê Văn Cường
18 Đầy vơi chai rượu vodka — Nguyễn Quang

văn hoá & nghệ thuật & khoa học

20 Hoàng Xuân Hãn : kích thước chính trị (2) — N.N.Giao
22 Tâm lý học trong đạo Phật — Bùi Mộng Hùng
26 *Thơ* — Nguyễn N. Thanh, Phạm N. Cảnh
27 Huyền thoại (*truyện ngắn*) — Nguyễn Thị Thu Huệ
28 Hạn hán và Cơn mưa (*bút ký*) — Nguyễn Duy

địa chỉ điện tử của Diễn Đàn : 106032.1560@compuserve.com

Đại hội 8 của ĐCSVN : *VẪN ĐỔI MỚI NHƯ CŨ*

Phong Quang

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (dưới đây sẽ viết tắt là ĐH8) của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCS) đã chính thức kết thúc chiều ngày thứ hai mồng 1 tháng 7-1996, sau khi đã chính thức khai mạc vào sáng thứ sáu 28.6.

Gần 1200 đại biểu đã tham gia với sự chứng kiến của 35 đoàn đại biểu nước ngoài. Đó là đại diện của những đảng cộng sản, nhưng không chỉ có vậy. Ngồi sát cạnh, bên phải tổng bí thư Đỗ Mười trên đoàn chủ tịch buổi sáng khai mạc, là Lý Bằng, trưởng đoàn đại biểu ĐCS, thủ tướng chính phủ Trung Quốc. Nhân vật này tất nhiên là *cái đinh* của sự chú mục, vì nhiều lẽ : tầm cỡ nhân vật, vai trò của ông ta trong vụ thảm sát Thiên An Môn năm 1989, và những câu hỏi mà giới quan sát đặt ra về mối quan hệ phức tạp giữa hai đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc, sau những thập niên *khắng khít môi răng, bên kia biên giới cũng là anh em*, chuyển qua *răng cắn môi, ngùn ngụt căm thù*, rồi từ năm năm nay, được bình thường hoá từng bước song vẫn còn khá mập mờ *nhiều mặt* (liên minh thì chẳng liên minh, miệng nói hoà bình nhưng vẫn cứ lấn đất, lấn biển như chơi).

Những câu hỏi chưa được trả lời minh bạch, nhưng sự có mặt của họ Lý rõ ràng là một sự kiện, vì đây là lần đầu tiên từ 36 năm nay (Đại hội III, 1960), ĐCS Trung Quốc mới cử đại diện tới dự đại hội của ĐCS Việt Nam (năm 1976, tuy ngoài mặt còn hữu hảo, song bên trong quan hệ đã hết sức căng thẳng, rồi mùa xuân 1979, chiến tranh bùng nổ).

Bản thân sự có mặt của ông Lý Bằng hẳn cũng là mối quan tâm của nhiều đại biểu nước ngoài. Vì trong những đoàn khách này, ngoài đại diện các đảng cộng sản có quan hệ từ lâu với ĐCS Việt Nam (Lào, Campuchia, Bắc Triều Tiên, Nhật Bản, Ấn Độ — cả hai ĐCS — Cuba, Nga, Pháp, Mỹ...), còn có — đây cũng là lần đầu tiên — đại diện của Mặt trận FUNCINPEC Cambốt (của quốc vương Sihanouk), của Đảng Quốc đại (I) Ấn Độ, Đảng UMNO Malaysia (ông

(xem tiếp trang 9)

Centre Culturel Franco-Vietnamien
24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)
programme de **juillet 1996**

EXPOSITION DE PEINTURE
ĐẶNG THỊ DƯƠNG
PHAN OÁNH
exposition du 5 au 31 juillet
vernissage : vendredi 5 juillet à 18 h

(Réouverture du centre : 1er septembre)

PARIS QUARTIER D'ETE
Múa rối nước
LES MARIONNETTES SUR EAU
DU VIETNAM
Bassin du Jardin des Buttes-Chaumont
du 16 au 27 juillet
Tél 43 83 64 40

Du 16 au 30 Juillet
1 9 9 6

L'UJVF organise cet été en Auvergne un Camp pour les 15-30 ans qui se déroulera en 2 parties indépendantes :

1ère SEMAINE
Randonnée "Tour des lacs d'Auvergne" (niveau moyen).

2ème SEMAINE
Camp fixe en pension complète au cœur de l'Auvergne près d'un grand lac avec base de loisirs et plusieurs circuits de promenade.

ACTIVITÉS PROPOSÉES
- Initiation à la topographie,
- Randonnée-découverte de l'Auvergne,
- Canoë kayak, VTT, Escalade...

ATTENTION
Nombre de places limité : Rando. 20 pl. / Camp fixe 45 pl.

Camp d'été

PRIX

La semaine de randonnée	500 Fr
La semaine en camp fixe	1 000 Fr
Les 2 semaines	1 450 Fr

- Le prix indiqué ne comprend pas le transport. Le billet SNCF pourra être réservé par nos soins, prix indicatif du billet aller/retour avec 50% de réduction : 350 Fr
- Le prix du Camp fixe ne comprend les activités payantes comme le VTT ou le canoë kayak.

RENSEIGNEMENTS
Hoang Nam : 16 (1) 47 02 34 73

thư bạn đọc

Tết Congo

Chúng tôi là những chuyên gia Việt Nam công tác tại Congo. Trước đây Diễn Đàn vẫn gửi báo cho toà đại sứ Việt Nam tại Congo. Tờ báo được các chuyên gia truyền tay nhau xem, rất thích thú. Diễn Đàn là tờ báo xây dựng đất nước thẳng thắn, có tầm nhìn sâu, rộng, tổng quát.

Một thời gian dài sau khi Sứ quán Việt Nam tại Congo đã đóng cửa, chúng tôi vẫn nhận được Diễn Đàn qua hòm thư cũ của Sứ quán BP 988 nhưng rồi cũng... thôi hẳn.

Xưa các cụ nhà ta đã có câu " *đi đày Congo* ", quả là đúng. Đất nước này tuy thiên nhiên vô cùng phong phú, song chúng tôi thiếu đủ thứ : thông tin, tình cảm quê hương, phương tiện vật chất, sự quan tâm của nhà nước ta và nhất là vấn đề tài chính. Sau khi tiền Franc CFA phá giá, lương của chuyên gia còn chẳng được là bao, mà nhà nước Congo thường " quên " trả lương, có khi tới cả năm liền.

Nghèo nhưng vẫn ham, nên chúng tôi mạnh dạn kiến nghị toà báo cho chúng tôi được " mua " báo theo hình thức chưa từng có : " mua chịu " và xin được khất nợ tới " Tết Congo ".

Chúng tôi hiểu là đề nghị của chúng tôi chẳng hợp lý chút nào và Diễn Đàn có vô vàn khó khăn và cũng nghèo. Biết nói sao đây khi những người nghèo tìm tới nhau !

Cám ơn nhiều cho những gì chúng tôi đã đọc và sẽ đọc ở Diễn Đàn.

Thay mặt các chuyên gia Việt Nam ở Congo
N.K. (*Brazzaville*, Congo)

Vì biết rằng báo đến tay các chuyên gia Việt Nam nên chúng tôi vẫn gửi tới hộp thư BP 988 Brazzaville cho đến khi hộp thư này bị đóng. Nay xin tiếp tục phục vụ bạn đọc ở Brazza cho đến... Tết Congo, hoặc ít nhất cho đến... ngày tận số (báo). Chỉ xin các bạn thông báo địa chỉ mới mỗi khi dọn nhà, và khi hồi hương, thì cho biết để chúng tôi cắt báo, hoặc gửi về địa chỉ của một bạn đọc khác.Những dòng thư dí dỏm của bạn là những viên thuốc bổ, nếu không làm cho báo sống lâu thì cũng làm cho chúng tôi sống vui. Đa tạ.

N.Q.T. OPTIQUE
Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé
SPECIALISTE VARILUX
Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.
Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)
137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

ĐẶNG THÁI SƠN

donnera un

Récital F. CHOPIN

11 juillet 1996, à 20 h 30

Grand Auditorium

Ecole Polytechnique

Route de Saclay, (91) **PALAISEAU**

sous les auspices de l'Ecole Polytechnique
et de l'Association culturelle d'Aubonne
entrée sur invitation individuelle nominale
(*dans la limite des places disponibles*) :
écrire (en joignant une enveloppe timbrée) à
Association d'Aubonne,
38 rue de Lozère, 91400 ORSAY

Cày lên sỏi đá

Cảm ơn quý bạn đã cho đăng bài *nhặt sạn* của tôi (số tháng 6.96, trang 22). Đáng tiếc là bản thảo đánh máy rõ ràng, bài chỉ có một trương, thế mà trên báo cũng có đến mấy chữ sai !

Cột 1, dòng 20, gấp khúc *lươn* (không phải *lượn*)

Cột 1, dòng 23, lạnh làm *mền* (không phải *nền*)

Cột 2, dòng 14, vật *hoán* tinh di kỷ độ thu (đánh lầm chữ *hoán* ra chữ *toán* làm chết cả câu thơ !)

Vẫn biết độc giả của ta rất tốt, sách báo in thế nào cũng được, không ai nói gì đâu. Nhưng vì đây là bài *nhặt sạn* nên tránh đưa *sỏi đá* vào.

Nguyễn Hữu Thành (*Paris*, Pháp)

Cám ơn ông đã nhặt cả sỏi đá cho báo Diễn Đàn. Hi vọng những đoạn thư trên không còn sạn và mong tiếp tục nhận được thư góp ý kiến của ông và của bạn đọc.

tin mừng

Được tin Trần Anh Hùng và Yên Khê đã thành hôn ngày 15.6.1996 tại Paris.

Ban biên tập Diễn Đàn chúc đôi trai tài gái sắc thật nhiều hạnh phúc trong cuộc sống và thành công trên đường nghệ thuật.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường
Tổng biên tập : Trần Hải Hạc
Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F
(*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo
lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Thuyền nhân, những ngày chót ?

Theo thông tấn xã Indonexia Antara ngày 18.6, chính quyền Jakarta đã thoả thuận với Hà Nội một chương trình đưa toàn bộ 4570 thuyền nhân Việt Nam còn trên đảo Galang về nước trước ngày 30.6, hạn đóng cửa các trại tị nạn của HCR. Một quan chức phụ trách các trại trên đảo cho biết trong số này có 1328 người ghi tên hồi hương theo chương trình HCR, 677 người khác ghi tên trong một chương trình Indonexia. Số còn lại, như vậy có thể được hiểu là sẽ bị cưỡng bách đưa về và không được hưởng quyền lợi nào của hai chương trình nói trên. Về phần Malaysia, ngày đóng cửa trại tị nạn cuối cùng đã được công bố là 25.6. Cũng trong những ngày cuối tháng 6, 99 thuyền nhân cuối cùng ở Singapore sẽ được đưa hồi hương. Trong tháng 6, nhiều chuyến máy bay Air Vietnam cũng đã chở hàng trăm người từ các trại tị nạn ở Philippin về nước. Philippin đã nhận cho khoảng gần 2000 người không muốn về quyền cư trú tại chỗ, nhưng không còn quy chế tạm trú chờ được đi định cư tại một nước thứ ba. Từ 3 tới 4 trăm người đã từ chối chọn lựa này và ghi tên thêm trong chương trình " hồi hương tự nguyện " của HCR.

Với những đợt hồi hương nói trên, sẽ chỉ còn các trại tị nạn ở Thái Lan (với khoảng 4000 thuyền nhân Việt Nam, không còn được tài trợ sau ngày 30.6 và sẽ giải quyết trong vòng vài tuần tới) và Hồng Kông (16 500 người, được gia hạn tài trợ của HCR thêm một năm) tiếp tục hoạt động sau ngày 30.6. Hồng Kông vẫn tiếp tục chương trình cưỡng bách hồi hương đã thoả thuận với Hà Nội, với đợt thứ 43 kể từ năm 1991 diễn ra ngày 21.6 vừa qua, bao gồm 122 người.

Theo các thống kê chính thức của HCR, từ 1975 đến nay đã có 840 000 thuyền nhân Việt Nam (chưa kể người Khmer, Lào) đã vượt biển đến các nước trong vùng, và 750 000 trong số đó đã đi định cư ở một nước thứ ba, phần lớn là Mỹ, Úc, Canada. Thống kê tất nhiên không tính được số người ra đi nhưng không bao giờ tới bến, và những thảm cảnh khác do đói khát, cướp biển gây ra. Từ năm 1989, một phần nhờ " chương trình hành động " mà HCR và các nước phương Tây đề ra, một phần nhờ những thay đổi trong nước, làn sóng người vượt biên này giảm xuống tới mức coi như chấm dứt hẳn. Chính trong hoàn cảnh đó, cộng với những khó khăn trong kinh tế thế giới, mà hạn 30.6.1996 được đề ra, kết thúc chương trình tài trợ của HCR cho các trại tị nạn ở các nước châu Á, trừ Hồng Kông được kéo dài thêm một năm như đã nói trên. (tin tổng hợp 13-21.6.1996)

Xã hội : tệ nạn khắp nơi

Diễn Đàn mấy số gần đây đã đưa nhiều tin tức về bầu không khí xã hội nặng nề trước đại hội 8, với những chiến dịch khủng bố chính trị, thanh lọc văn hoá... Sẽ là thiếu sót lớn nếu không kể trong danh sách các chiến dịch " chuẩn bị đại hội " nói trên chiến dịch " thanh lọc xã hội " kéo dài từ đầu năm nay, mà báo Nhân Dân trong số ra ngày 7.6 đã đưa ra vài kết quả bằng số. Theo tờ báo, 71 000 cuộc kiểm tra đã được công an thực hiện ở các quán cà phê, karaoke, phòng mát-xa hoặc cửa hàng cho thuê băng hình. Hơn 4000 cơ sở kinh doanh loại này đã bị buộc phải đóng cửa tức thời, 23 200 người đã bị công an lập biên bản, nhưng tờ báo không cho biết bao nhiêu trong số này bị giam giữ hoặc sẽ phải ra hầu toà vì vi phạm luật pháp. Công an đã phát giác 890 vụ mại dâm, hơn 800 vụ mua bán hoặc tiêu thụ ma tuý và 4 500 vụ cờ bạc. Tang vật bị tịch thu và tiền phạt lên tới 900 000 đôla.

Những con số kể trên chỉ nói lên hiện trạng tệ nạn xã hội nổi lên khắp nơi (xin hiểu ngầm : cùng với các chính sách " mở cửa " về kinh tế !). Thành phần xã hội của những người phạm pháp đáng kể nhất, và những ô, dù che chở họ, dù có bị lập biên bản hoặc bị gọi ra toà, không được đề cập đến. Một ví dụ đọc trên Tuổi Trẻ ngày 19.6 : một bí thư đảng uỷ huyện Dac R'lap, người phụ trách " chống tiêu cực xã hội " trong huyện đã bị bắt quả tang đang làm tình với gái mại dâm ngay trong cơ quan ! Liệu một chính quyền thường xuyên tự cho phép mình vi phạm cả những luật lệ do chính mình đặt ra có thể bài trừ những tệ nạn tràn lan ấy ? Câu trả lời hầu như quá rõ với kinh nghiệm của những đợt chống tham nhũng rầm rộ trong mấy năm qua... (theo tin AFP 7 và 19.6.1996)

Tiểu học : Lạm phát học sinh xuất sắc

Theo bộ giáo dục và đào tạo, vừa qua hơn 1,5 triệu học sinh đã dự thi tốt nghiệp tiểu học quốc gia. Kỳ thi đã diễn ra " đúng qui chế ", với những hội đồng thi liên trường và giám thị hoán vị, có giám sát và xử lý vi phạm. Trước đó, bộ trưởng Trần Hồng Quân đã ra văn bản kêu gọi ngành giáo dục và chính quyền các cấp thực hiện " một mùa thi nghiêm túc ".

Bản thông báo của bộ còn cho biết tỷ lệ học sinh được xét " miễn thi " tiểu học đi từ 1,7 % ở Hà Bắc, 1,8 % ở Thanh Hóa đến 21,8 % ở Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui chế mới của bộ những học sinh lớp 5 đạt danh hiệu " học sinh xuất sắc " (có điểm trung bình cộng các môn từ 9 điểm trở lên và không môn nào dưới 8 điểm) đã được xét miễn thi.

Sau khi báo chí Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh hiện tượng " lạm phát học sinh xuất sắc ", dư luận không khỏi nghi ngờ tính trung thực của việc xếp loại này. Đối chiếu với kết quả thi tốt nghiệp tiểu học của năm trước ở Thành phố Hồ Chí Minh, báo Tuổi Trẻ và Phụ nữ TPHCM nêu rõ nhiều điều bất bình thường. Năm 1995, tỷ lệ thí sinh được công nhận là " giỏi " (điểm trung bình 9 điểm trở lên) là 3,4 %. Vậy mà chỉ một năm sau, tỷ lệ học sinh đó đã nhân lên gấp hơn 6 lần ! Xét theo từng quận, kết quả càng đáng ngạc nhiên hơn nữa. : dẫn đầu thành phố năm nay là quận 5 với tỷ lệ 46,8 % học sinh xuất sắc, trong khi năm trước tỷ lệ này là 3,5 % ; ở quận Bình Thạnh năm nay, có đến 40,8 % học sinh xuất sắc, năm trước tỷ lệ chỉ 5,7 %. Một số trường (Thực nghiệm sư phạm, Trung Nhất, Trần Quốc Thảo ...) có lớp đến

100 % học sinh xuất sắc. Riêng trường Bế Văn Đàn (Bình Thạnh) có đến 95,4 % học sinh lớp 5 được miễn thi tiểu học (trong đó có 3 lớp được miễn thi 100 %) ! Để đạt được những thành tích ngoài sức tưởng tượng đó, nhiều trường lớp đã nâng điểm trong những môn khó kiểm tra như thể dục, hát, vẽ, thủ công ... ; có học sinh chỉ có 4 điểm môn toán hay 6 điểm môn tiếng Việt cũng được xếp loại " xuất sắc " ; thậm chí, có những trường hợp cạo sửa điểm trên hồ sơ !

Trước phản ứng của công luận, bộ giáo dục đã cử đoàn kiểm tra đến 4 trường Bế Văn Đàn, Thực nghiệm sư phạm, Trần Quốc Thảo và Trần Quốc Tuấn. Song kết luận của đoàn kiểm tra là " không nhận thấy và không có cơ sở xác định hiện tượng tiêu cực ". Bày tỏ sự không đồng tình với kết luận đó, các nhà báo đã nêu lên ba câu hỏi : 1/ Tại sao bộ lại kiểm tra chất lượng học sinh xuất sắc với những tiêu chuẩn của phổ cập tiểu học ? 2/ Tại sao bộ chỉ kiểm tra hai môn trong khi chương trình học gồm nhiều môn khác ? 3/ Tại sao bộ không kiểm tra ở quận 5 là nơi có tỷ lệ học sinh được miễn thi cao nhất ? Đoàn kiểm tra của bộ giáo dục đã tránh không họp báo để khỏi phải trả lời những câu hỏi nói trên.

Điều cần nói thêm là học sinh được miễn thi tốt nghiệp tiểu học sẽ được ưu tiên nhận vào lớp 6 của hệ trường công lập, số học sinh còn lại sẽ tùy theo điểm thi mà được phân phối vào trường công lập (học phí thấp) hay trường bán công (học phí cao). Trong điều kiện đó, nếu bộ giáo dục duy trì chủ trương miễn thi tiểu học cho học sinh xuất sắc – trong khi không có khả năng kiểm tra nghiêm túc việc thi hành – thì hiện tượng " lạm phát học sinh xuất sắc ", sang năm, chỉ có thể tăng tốc.

Và tiếp theo cuộc thể nghiệm vừa qua ở cấp tiểu học, người ta e ngại một chủ trương mới khác của bộ giáo dục nhằm tuyển thẳng học sinh vào đại học đối với những thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi toàn quốc cũng như những thí sinh tốt nghiệp trung học loại giỏi (đạt từ 36 điểm trở lên ở kỳ thi tú tài) sẽ dẫn đến tình trạng lạm phát tú tài hạng " giỏi ". (Tuổi Trẻ 16 và 21.5 ; Phụ nữ TPHCM 22.5 ; Người Lao Động 24.5 và 1.6 ; Lao Động 6.6.96)

Đại học : nhất Luật ...

Theo số liệu của bộ giáo dục và đào tạo, cả nước có đến 669 nghìn lượt người đăng ký dự thi vào các trường đại học và cao đẳng cho năm học 1996 - 1997. Ở các tỉnh phía Bắc, có tỷ lệ tuyển chọn cao nhất là những trường đại học Luật Hà Nội với 34162 người đăng ký thi cho 1200 chỗ (28 lấy 1), Giao thông vận tải (17 lấy 1), Công đoàn (13 lấy 1), Sư phạm Vinh (10 lấy 1), Kinh tế quốc dân Hà Nội (8 lấy 1). Ở các tỉnh phía Nam, các trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký 25 666, tuyển 1500, 17 lấy 1), Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (10 lấy 1), Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (8 lấy 1) có tỷ lệ chọn cao nhất.

Trong khuôn khổ của chủ trương mới tuyển thẳng học sinh giỏi vào đại học, hơn 400 học sinh lớp 12, đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi toàn quốc vừa qua, đã được nhận thẳng vào đại học. Hai trường đại học Ngoại thương và Ngoại giao đã thu hút nhiều học sinh giỏi nhất. (Lao Động 21 và 23.5.96)

Tham nhũng : ai sẽ trả những món nợ ?

Hai tháng trước khi họp đại hội đảng cộng sản Việt Nam, bộ chính trị đã ra " nghị quyết " về tham nhũng để giải quyết " nghiêm minh, dứt điểm " các vụ án được phát hiện nhưng xử lý chậm trễ hay không triệt để, " dư luận xã hội không đồng tình ". Bản nghị quyết chỉ ra những lĩnh vực " trọng điểm " trong đấu tranh chống tham nhũng là : đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, giao thầu, tài chính, ngân hàng, hợp tác đầu tư, xuất nhập khẩu, hải quan, các khâu cấp phép, quản lý tài sản công, quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước, hoạt động tư pháp.

Nhân dịp này báo Tuổi Trẻ nhắc lại một số vụ án đang để lại những hậu quả nặng nề cho xã hội : Tamexco (Phạm Huy Phước) với tổng số nợ lên đến 25,8 triệu đô la và 33,9 tỷ đồng ; Trần Xuân Hoa (công ty Quyết Thắng) với tổng số tài sản lừa đảo lên tới hơn 139 tỷ đồng ; Dương Thanh Cường chiếm đoạt trên 53,5 tỷ đồng ; Ngô Lực Tải (Saigon Ship) làm tổn thất trên 1 triệu đô la ; Đông lạnh Hùng Vương (Dương Ngọc Minh) gây thất thoát 90 tỷ đồng ; Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (bà Ba Thi Nguyễn Thị Ráo) nợ 44 triệu đô la và 196 tỷ đồng ...

Ai sẽ trả những món nợ nói trên ? Theo phó viện trưởng kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh Đặng Công Tâm, trước hết, đó phải là những cơ quan chủ quản : trong trường hợp Tamexco là ban tài chính quản trị Thành uỷ đảng cộng sản ; đối với Công ty lương thực là uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ; đối với Đông lạnh Hùng Vương là uỷ ban nhân dân quận 6 ... Tuy nhiên ông Đặng Công Tâm thừa nhận " khả năng thu hồi tài sản bị thất thoát rất thấp ". Trong điều kiện đó, nhà nước sẽ phải xuất ngân sách, và người dân, cuối cùng, sẽ là người đóng góp. Ông Tâm xác nhận : " Tham nhũng do đó chạm vào tất cả, chén cơm của người dân và phúc lợi của họ sẽ bị tham nhũng tước đoạt một phần dù rất khó nhận ra ". (Tuổi Trẻ 25 và 28.5.96)

Hà Nội : 10 lượng vàng/m² đất ở trung tâm thành phố

Giá đất tại trung tâm thành phố Hà Nội không ngừng tăng và hiện nay đã lên đến 10 lượng vàng/m² (tương đương 5000 đô la/m²) ở các khu phố ven hồ Hoàn Kiếm. Sau đó là những phố Hàng Gai (8 lượng), Hàng Ngang, Hàng Đào (7 lượng), Trần Hưng Đạo (6,5 lượng), Nguyễn Du, Quang Trung (6 lượng), Quan Thánh, Hàng Bột (4 lượng). Theo công ty tham vấn International Property, thủ đô Việt Nam được xếp thứ 13 trong số những thành phố có giá thuê văn phòng đắt nhất trên thế giới.

Nhằm giảm tình trạng căng thẳng về nhà ở cho người dân thủ đô, uỷ ban nhân dân thành phố chủ trương xây 14 200 căn hộ thông qua 15 dự án khác nhau : từ xây dựng khu phố mới ở Đầm Trấu (quận Hai Ba Trưng), Phúc Xá (quận Ba Đình) ; cải tạo nhà ở cũ tại các khu Nguyễn Công Trứ, Văn Chương, Giảng Võ ; xây dựng khu đô thị mới ở Trung Hòa – Yên Hòa và làng Thăng Long (huyện Từ Liêm), Định Công

(huyện Thanh Trì). Riêng dự án xây chung cư mới ở Định Công, vừa được chính phủ phê duyệt, sẽ huy động 287 tỷ vốn đầu tư từ người có nhu cầu về nhà ở (vốn ngân sách chỉ là 10 %). Ngoài ra, chính phủ cũng đã chấp thuận dự án tạo trung tâm đô thị mới ở khu vực hồ Linh Đàm (cách Hà Nội 7 km phía nam) với tổng đầu tư 10 tỷ đô la, chủ yếu từ nguồn trong nước. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 23 và 30.5 ; Tuổi Trẻ 16 và 30.5.96)

Sài Gòn : phá bỏ chợ Bến Thành ?

Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định xây dựng lại chợ Bến Thành và khu vực chung quanh (bao bọc bởi bốn con đường Lê Thánh Tôn, Lê Lợi, Phạm Hồng Thái và Nguyễn Trung Trực). Theo quy hạch được chấp thuận, chỉ có mặt tiền của chợ (có tháp đồng hồ) được giữ lại như cũ. Phía sau, sẽ là thương xá từ 3 đến 5 tầng. Xung quanh sẽ xây nhà cao 15 tầng, có cầu nối đi lại. Theo quyết định của uỷ ban, dự án sẽ bắt đầu tiến hành năm 1997 : hơn 800 hộ ở trong khu vực này sẽ phải dời nhà (giá đền bù là 1 500 - 2 000 đô la/m^2 đất và 150 đô la/m^2 sàn nhà), và trong thời gian xây dựng, chợ Bến Thành sẽ dọn đến chợ Dân Sinh. Hiện có khoảng 1 400 hộ kinh doanh ở chợ Bến thành và hàng trăm hộ khác buôn bán ở khu vực chung quanh.

Dự án nói trên đang gây bất bình lớn trong dư luận người dân thành phố, cho đến nay vẫn không được trưng cầu ý kiến. Người ta được biết uỷ ban nhân dân đã chọn trong 4 dự án : 1) giữ nguyên ngôi chợ ; 2) cải tạo lại khang trang hơn ; 3) xây dựng lại thành một trung tâm thương mại hoàn toàn mới, chỉ giữ lại mặt tiền ; 4) xây dựng lại nhưng không làm nhà cao tầng ở giữa mà chỉ ở xung quanh. Dự án thứ ba được tuyển chọn do một công ty Úc đề xuất. (Người Lao Động 17 và 31.5 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 6.6.96)

Thống kê : khai khống diện tích trồng lúa

Sau khi phát hiện hiện tượng khai khống diện tích trồng lúa, làm sai lệch tính toán về sản lượng lương thực so với thực tế năm 1995 đến 3 triệu tấn (xem DĐ số 50), tổng cục thống kê đã cho kiểm tra tình trạng này ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo kết quả của cuộc thanh tra đầu tiên ở tỉnh Vĩnh Long, có đến hơn 3 000 ha khai khống, làm tăng giả tạo diện tích lúa đông xuân của tỉnh 4 %.

Tình trạng trên không chỉ có tại Vĩnh Long mà xảy ra phổ biến ở nhiều tỉnh đồng bằng sông Cửu Long khác. Hiện tượng xuất phát từ xu thế chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa để làm vườn, làm thổ cư diễn ra khá nhanh. Trong khi đó, vì sợ bị cấp trên phê phán vi phạm chỉ thị của chính phủ về " khắc phục tình trạng giảm sút diện tích đất cấy lúa ", chính quyền xã đã không báo cáo phần đất lúa bị giảm. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 6.6.96)

15 triệu người hút thuốc lá ...

Việt Nam hiện nay có khoảng 15 triệu người hút thuốc lá, mỗi năm hút một số lượng thuốc tương đương 2,7 tỷ bao. Tỷ lệ hút thuốc ở đàn ông Việt Nam là 73 %, cao nhất ở châu Á, vượt cả Nhật Bản và Trung Quốc. Đàn ông hút trung bình 9 điếu/ngày, phụ nữ 7 điếu/ngày. Ở đàn ông, hút nhiều nhất là người ở lứa tuổi 25 - 44, sống ở nông thôn và có trình độ học vấn dưới tú tài. Ở phụ nữ, hút thuốc nhiều nhất là người lớn tuổi, học vấn dưới lớp 6 và đa số góa bụa. Tính bình quân hàng năm, mỗi người dân Việt nam đốt 61 đô la thuốc lá, gấp đôi tiền chi cho giáo dục và gấp sáu lần tiền chi cho sức khỏe. Số tiền trên đủ mua 169 kg gạo, đủ cho một người ăn trong một năm.

Đó là những số liệu rút ra từ một công trình điều tra nghiên cứu về tình trạng hút thuốc ở Việt Nam do trường đại học San Francisco (California, Mỹ), trường đại học thương mại Hà Nội, viện khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam và sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cùng thực hiện vào tháng 6 1995 với một mẫu 2226 người thuộc mọi thành phần xã hội ở 4 địa bàn : Hà Nội, Phú Linh (cách Hà Nội 50 km), Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh An (cách TPHCM 50 km). Công trình này còn dự báo 7,3 triệu người (10 % dân số) sẽ chết sớm do hút thuốc là, trong đó có 6 triệu người sẽ chết ở tuổi trung niên.

Trong khi nhà nước kêu gọi người dân bỏ hút thuốc thì công nghiệp thuốc lá không ngừng phát triển. Từ năm 1992 đến 1994, sản xuất thuốc lá nội địa tăng bình quân 14 % mỗi năm, và năm 1995 đã vượt 2 tỷ bao, tăng 23 %. Bên cạnh các doanh nghiệp quốc doanh (4 nhà máy thuộc trung ương và 17 nhà máy thuộc địa phương), bốn tập đoàn nước ngoài đã đặt cơ sở sản xuất ở Việt Nam : Rothmans (Dunhill), Philip Morris (Marlboro), British American Tobaco (555), Carreras - Samporena (Craven A và Jet). Năm 1995, kim ngạch nhập khẩu nguyên vật liệu và thiết bị cho công nghiệp thuốc lá lên đến 87,5 triệu đô la. Ngoài ra, từ năm 1990, lượng thuốc lá nhập lậu được ước tính là 180 triệu bao mỗi năm, trị giá từ 75 đến 80 triệu đô la.

Có lẽ ngoài dầu khí và bia ra, không ngành công nghiệp nào làm ra lãi và đóng thuế cho ngân sách nhà nước hơn thuốc lá. Năm 1994, ngành thuốc lá đã nộp cho nhà nước 1 056 tỷ đồng, chiếm 3,2 % tổng thu ngân sách. Công nghiệp thuốc lá còn tạo công ăn việc làm cho khoảng 15 000 công nhân lao động, 100 000 nông dân trồng cây thuốc lá và hàng chục ngàn người bán thuốc lá kiếm sống. Những số liệu nói trên cũng giải thích vì sao, đến nay, nhà nước Việt Nam vẫn chưa đề ra một chiến lược quốc gia phòng chống thuốc lá thực sự.

Giám đốc trung tâm lao và bệnh phổi Thành phố Hồ Chí Minh cho biết nhà nước thu hơn 1 000 tỷ đồng từ ngành công nghiệp thuốc lá trong khi đó, cả năm 1995, " chương trình toàn quốc chống lao và bệnh phổi " chỉ nhận được có 1,5 tỷ đồng. Theo một người trách nhiệm của sở y tế " ban chỉ đạo vận động không hút thuốc lá " của thành phố chưa có một cuộc họp nào từ đầu năm đến nay. Thậm chí, ngay trong các bệnh viện, thuốc lá vẫn được hút như thường. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 23.5 ; Tuổi Trẻ 30.5 ; Người Lao Động 31.5.96)

Ông Hoàng Minh Chính được trả tự do

Bị bắt từ một năm nay và bị toà án Hà Nội xử 12 tháng tù giam, sơ thẩm ngày 15.11, phúc thẩm ngày 18.12.1995, về tội " lợi dụng quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội và của công dân " (xem Diễn

Đàn các số 43 tới 48), ông Hoàng Minh Chính vừa được trả tự do ngày 14.6, hai tuần trước đại hội 8. Theo gia đình, ông bị tác động về mặt tinh thần nhiều hơn là về những điều kiện vật chất trong các nhà giam (ông bị xuống cân 3 kg). Trong phiên toà phúc thẩm, ông Chính đã tuyên bố không xin giảm án " vì không thừa nhận bản án này ".

Cùng bị bắt và ra toà với ông Chính, ông Đỗ Trung Hiếu đã bị kết án 15 tháng tù và vẫn tiếp tục bị giam giữ. Cũng trong tháng 12.95, các ông Nguyễn Xuân Tụ, bút danh Hà Sĩ Phu, và Lê Hồng Hà bị bắt và bị " tạm giam ", tới nay vẫn chưa được đưa ra xử.

Internet, triển lãm và kiểm soát

Theo nhật báo Saigon Times Daily ngày 3.6, Việt Nam đang chuẩn bị một cuộc triển lãm về Internet và các hệ thống thông - truyền tin vào tháng 9 tới tại Hà Nội, với khoảng 200 công ty tin học và viễn thông tham dự. Trong triển lãm, công ty Vinexad (công ty quốc doanh về mậu dịch và quảng cáo) sẽ tổ chức một loạt xêmina về Internet , từ 14 tới 17.9.

Có phải để chuẩn bị cho triển lãm mà tổng cục bưu điện và viễn thông (BĐVT) đã công bố một tuần trước đó (ngày 23.5) một bản *dự thảo các quy định về dịch vụ thông tin Internet*, nhằm chủ yếu vào các biện pháp kiểm soát thông tin vì " an ninh quốc gia và trật tự xã hội " ? Không ai có thể nghi ngờ về chứng hoang tưởng đụng đâu cũng thấy " địch " của các nhà cầm quyền Hà Nội. Song, đọc bản dự thảo với những điều khoản buộc những người mở dịch vụ đầu mối Internet điều gì cũng phải khai báo với tổng cục BĐVT, người ta có thể tự hỏi có phải mục tiêu thực sự của các quy định là dành độc quyền dịch vụ cho tổng cục. Một dịch vụ có tương lai béo bở : trước mắt còn hoàn toàn như đất trống, cả nước mới chỉ có khoảng 1 500 máy tính nối vào mạng Internet, phần lớn là của các công ty nước ngoài và một ít ở các đại học. Quyết định cuối cùng chắc phải đợi chính phủ mới sau đại hội đảng. (AFP 31.5 và 3.6.1996)

Ông Lê Mai từ trần

Nguyên thứ trưởng ngoại giao Lê Mai, người đóng vai trò chủ chốt về phía Việt Nam trong những cuộc thương lượng dẫn đến bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Mỹ, đã đột ngột từ trần ngày 13.6 vì bệnh tim, thọ 56 tuổi. Uỷ viên ban chấp hành trung ương đảng CSVN, ông Lê Mai được các nhà quan sát coi như một ứng cử viên có nhiều triển vọng vào chức bộ trưởng ngoại giao, thay ông Nguyễn Mạnh Cầm nếu ông này được cử vào chức vụ cao hơn sau đại hội 8 của đảng. Trong một phát biểu ra ngoài khuôn khổ ngoại giao bình thường, người phát ngôn bộ ngoại giao Hoa Kỳ, ông Nicholas Burns đã bày tỏ sự khâm phục nhà ngoại giao, " một người bạn đối với nhiều người Mỹ từng làm việc với ông ", và tỏ ý " rất đau buồn về cái chết đột ngột này ". Sinh năm 1940 tại Huế, ông Lê Mai từng công tác trong đoàn đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời tại hội nghị Paris từ 1969 tới 1975, đại sứ Việt Nam tại Thái Lan từ 1984 tới 1990...

Vài ngày sau, một nhân vật khác trong đảng, ông Nguyễn Đình Tứ, nguyên bộ trưởng bộ đại học, cũng đã đột ngột từ trần, sau khi được bầu vào bộ chính trị trung ương đảng. (AFP và Reuter 13 và 29.6.6.1996)

TIN NGẮN

• Dưới áp lực của chính phủ Đức sau mấy vụ thanh toán giết chóc lẫn nhau của mafia Việt Nam tại Berlin vừa qua (xem DD số 53), Hà Nội đã thoả thuận **tiếp nhận hồi hương 1674 người** trong một danh sách 5000 tên do phía Đức đưa ra. Thứ trưởng nội vụ Đức Kurt Schelter tỏ ý lạc quan rằng với bước đầu này, thoả tuận Đức - Việt năm ngoái về việc đưa hồi hương khoảng 40 000 người Việt sống bất hợp pháp tại Đức sẽ " mau chóng được thực hiện ".

• Hàng loạt **khách sạn mini ở Hà Nội** đang bị phá sản vì không có khách. Nguyên nhân là vì lượng khách đến Hà nội giảm (-13 % so với thời kỳ năm ngoái), chất lượng phục vụ không đáp ứng yêu cầu (mặc dù đã giảm giá cho thuê).

• Ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi ngày có **430 tấn rác** ném xuống kênh rạch, 1 m^2 mặt nước chứa 2 m^3 rác. 75 % dân nội thành thải phân ra kênh rạch và 90 % nước đá uống tại các quán giải khát bị ô nhiễm.

• 100 doanh nghiệp nhà nước **cổ phần hóa**, đó là mục tiêu mà chính phủ đề ra từ nay đến cuối năm 1997. Nhằm khắc phục tình trạng chậm chạp trong tiến trình cổ phần hóa đến nay (5 doanh nghiệp từ năm 1993), chính phủ sẽ chỉ định những doanh nghiệp được chọn chứ không để cho tự nguyện đăng ký như trước đây.

• Sau toà án Bình Định kết án tử hình một phụ nữ về tội lừa đảo, một phụ nữ khác, tên Trương Thị Nguyệt, 40 tuổi, vừa bị toà án tỉnh Tiền Giang kết án **tử hình về tội buôn lậu ma tuý**. Bà Nguyệt bị bắt năm 1994 trong lúc đang chuyên chở 150 kg marijuana vào thành phố HCM.

• Theo Tổng cục hàng không dân dụng, Việt Nam cần từ 5 tới 8 tỉ đôla từ đây tới năm 2010 để **hiện đại hoá các sân bay**, trong đó có ba sân bay quốc tế là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố HCM. Sân bay Huế, sau ba tháng đóng cửa để tân trang, với một đường bay 700 mét mới, sẽ được mở lại đầu tháng 7 này.

• Thủ tướng Võ Văn Kiệt vừa ra chỉ thị **bảo vệ thú rừng**. Theo chỉ thị, từ nay các quán ăn không được quyền làm những món thịt rùa, gấu, rắn, kỳ đà, cầy hương... Các khách sạn, cửa hàng cũng không được quyền bán những loại thú vật nói trên kể cả dưới dạng nhồi trấu.

• Hải quan Việt Nam đã phát giác **4 300 vụ buôn lậu** hàng tiêu dùng từ đầu năm nay, tăng 30 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Trị giá hàng xuất, nhập lậu lên tới 14 triệu đôla. Ngoài thuốc lá, xe máy, vàng, đá quý..., còn có 538 đồ cổ đã được chặn bắt lại.

• Việt Nam đã thành lập một **công ty quốc doanh trà** (tên tiếng Anh Vinatea Corp.) với vốn 102 tỉ đồng, nhằm tập trung sức vực dậy một khu vực sản xuất hàng xuất khẩu bị khó khăn. Năm 1995, Việt Nam xuất khẩu 16 000 tấn trà thay vì 17 300 tấn năm trước.

• Khoảng 200 cựu biệt kích miền nam được Mỹ gửi ra Bắc hoạt động trong những năm 1960, bị bắt rồi được trả tự do và đi Mỹ sau chiến tranh, vừa đòi được Nhà Trắng **bồi thường 20 triệu đôla** về những năm tháng bị giam giữ. Bộ quốc phòng Mỹ đã nhiều lần từ chối bồi thường này.

• **Việt Nam và Pháp** đã ký một nghị định thư về hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, nhân chuyến đi thăm Việt Nam vào cuối tháng 5 của ông Philippe Vasseur, bộ trưởng nông nghiệp. Ông Bruno Durieux, phái viên của tổng thống Pháp cũng đã tới Hà Nội trong một chuyến đi vòng nhiều nước châu Á để giải thích về hội nghị thượng đỉnh 7 cường quốc công nghiệp tại Lyon cuối tháng 6.

• Công trình **trùng tu các di tích thành nội Huế** đã được công ty dược phẩm Pháp Rhône-Poulenc, kết hợp với bộ văn hoá và UNESCO, khởi công từ đầu tháng 6, bắt đầu bằng Hiên Lâm các và lăng Tự Đức. Đầu năm nay, chính phủ Việt Nam đã quyết định dành một ngân khoản 65,5 triệu đôla trong 15 năm cho công trình này.

• Nghệ sĩ đàn cello lừng danh **Rostropovitch**, người Nga, đã biểu diễn hai tối ở Việt Nam, 28.5 ở Hà Nội và hôm sau ở Thành phố HCM, mở đầu một vòng lưu diễn ở nhiều nước châu Á.

• Cơ sở của ngân hàng thương mại Hồng Kông **Peregrine Ltd tại Thành phố HCM vừa bị công an tới khám**, lục soát và lấy đi nhiều giấy tờ, tài liệu ngày 3.6. Chính quyền Việt Nam lên án Peregrine là đã làm việc bất hợp pháp với 13 công ty thương mãi chuyên về xa xỉ phẩm. Song, những nhà quan sát nhắc lại là mới đây Peregrine đã đưa ra một báo cáo nói lên những hiểm hoạ lớn chờ đón các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

• Toà án phúc thẩm Thành phố HCM đã y án **12 năm tù** giam đối với Koh Yong Ng, một tay **buôn lậu thuốc lá** người Singapore, và gia tăng tiền phạt lên 760 000 đôla, trị giá của 1,2 triệu bao thuốc mà Yong Ng bị bắt nhập lậu vào Việt Nam trên 6 chiếc tàu.

• Gerald Herman, một người Mỹ, đã **bị xử phạt 2 700 đôla vì đã phát hành không có giấy phép tập san** *What's on in Saigon*, một tập san hướng dẫn du khách chọn khách sạn và quán ăn tại Thành phố HCM.

Uốn nắn báo chí

Tổng biên tập Thế Thanh (*báo Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh*) bị cách chức

Nếu không tình cờ đọc khung ban biên tập ở cuối trang hai của tờ báo *Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh* phát hành ngày 18.5 1996, có lẽ không mấy ai biết được tờ báo mà mình là độc giả đã thay đổi người trách nhiệm. Trong cả số báo, người ta không tìm thấy một lời giải thích nào về sự kiện nhà báo Nguyễn Thế Thanh, linh hồn của tờ báo từ hàng chục năm nay, không còn là tổng biên tập. Thậm chí, không có một lời tòa soạn thông báo về việc bà Hồ Thị Minh Nguyệt, trưởng ban tuyên huấn thành hội phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, được cử thay thế.

Không một lời nào, ngoại trừ những dòng phê phán tờ báo núp sau thư bạn đọc. Qua mục ***Bạn đọc & báo***, người ta có thể đọc : « *Tôi không đi tìm tin tức thời sự nóng hổi ở báo Phụ Nữ mà chỉ muốn đọc ở đây những vấn đề của phụ nữ* » (anh Vũ Bắc Thái) ; « *Dường như báo Phụ Nữ bỏ quên người đọc là những phụ nữ lớn tuổi như tôi. Nên tăng cường biểu dương những con người hiếu thảo, các bà mẹ nuôi con tốt, phụ nữ nghèo vượt khó khăn ...* » (bà Kim Anh) ; « *Báo Phụ Nữ có vẻ quý tộc quá. Thời trang thì toàn loại đắt tiền. Mua sắm thì dụ người ta đi siêu thị không hà. Săn sóc sắc đẹp, thể dục thẩm mỹ mà làm theo báo thì chỉ có nước bán nhà !* » (chị Nguyễn Thị Hồng) v.v... Đối với một tờ báo mà một số đông người đọc ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như ở thủ đô Hà Nội, giới lao động nghèo cũng như giới cán bộ cấp cao, đánh giá là can đảm, có chất lượng và được tín nhiệm, một cơ quan tuyên huấn muốn áp đặt tổng biên tập khác phải chăng không có cách nào khác hơn là phủ định quá khứ của nó ?

Thật ra, cái chết của tờ *Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh* đã được báo trước, chí ít từ cuối năm 1994 khi mà một thông báo của thường trực thành uỷ đảng cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị cho tổ chức đảng và thành hội phụ nữ " *kiểm điểm tư cách đảng viên của đồng chí Thế Thanh và xử lý kỷ luật thỏa đáng đối với những sai phạm kéo dài chậm khắc phục* ", đồng thời " *quy hoạch người thay thế tổng biên tập khi cần* ". Lý do là, theo ban lãnh đạo thành uỷ, lập trường chính trị của tổng biên tập báo Phụ Nữ " *chưa nhận thức những nhân tố tích cực trong đảng, từ đó dễ bị lung lay về niềm tin vào đảng, vào cấp uỷ, trước những suy thoái của một bộ phận cán bộ đảng viên* ". Bản cáo trạng còn ghi rằng tổng biên tập báo " *có biểu hiện mơ hồ đối với diễn biến hòa bình* " ; " *thiếu cảm nhạy đối với khuynh hướng cực đoan trong một số người đang cố lợi dụng diễn đàn báo chí để gây tác động xấu trong một bộ phận quần chúng* " ; " *coi việc chống tham nhũng, chống bất công xã hội gần như một sứ mạng mà báo chí không làm thì không ai làm được...* " (Thông báo ngày 7.10.1994 do ông Nguyễn Ngọc Ẩn ký — tài liệu « mật » này được ban văn hóa tư tưởng tán phát ở đại hội Hội nhà báo tháng 7.1995 tại Hà Nội). Đến cuối năm 1995, ban tư vấn về văn hóa tư tưởng của thành uỷ lại thúc giục ban bí thư trung ương đảng " thay đổi ngay tổng biên tập Thế Thanh " với nhận định : « *Cô này đã nhiều lần sai phạm, được kiểm điểm nhưng chứng nào tật ấy* » (Thư ngày 18.11 1995 của ông Bảo Định Giang ký — xem *Diễn Đàn* số tháng 4.1996).

Thật thế, trong một làng báo bị bộ máy quyền lực lần lượt uốn nắn, tờ Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh vẫn cầm cự và tiếp tục đón tiếp người tâm huyết không chịu uốn cong nhưng cũng không chịu gác ngòi bút. Cho đến ngày 18.5 vừa qua, khi chuỗi tổng biên tập bị cách chức dưới danh nghĩa là " thuyên chuyển công tác " hay " nghỉ hưu " — Nguyên Ngọc (*Văn Nghệ*), Bùi Minh Quốc (*Langbian*), Tô Hoà (*Sài Gòn Giải Phóng*), Kim Tinh (*Ấp Bắc*), Lê Phúc (*Đối Thoại*), Tô Nhuận Vỹ (*Sông Hương*), Nguyễn Hộ (*Truyền thống Kháng chiến*), Kim Hạnh (*Tuổi Trẻ*), Hoàng Phủ Ngọc Tường (*Của Việt*), Trường Giang (*Giáo dục và Thời đại*)... — nối thêm một trường hợp sau cùng mà trong làng báo, dù có nói ra hay không, cũng đều ngả mũ : Thế Thanh (*Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh*).

Hải Vân

Đại hội 8...

(tiếp theo trang 1)

Gulam Nabi Azad, tổng bí thư kiêm bộ trưởng thông tin Malaysia), Đảng PAP Singapore (ông Teo Chee Hean, uỷ viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Môi trường kiêm Bộ trưởng quốc phòng thứ nhì của chính phủ Singapore), Đảng ANC Nam Phi... Việt Nam rõ ràng đã trở nên thành viên của ASEAN, hội nhập vào khu vực Đông Nam Á.

Trong chừng mực nào đó, sự có mặt cùng lúc của hai người Hoa, một thủ lĩnh " cộng sản ", ông Lý Bằng (Bắc Kinh), và một chính khách phái hữu, ông Teo Chee Hean (Singapore) tại ĐH8 là một sự kiện rất ý nghĩa, không phải chỉ về mặt đối ngoại. Nó còn biểu tượng cho sự tìm đường, mò mẫm, của một đảng cầm quyền, trong một thế giới đang biến đổi nhanh lẹ, tại một nước biến thiên cũng nhanh lẹ không kém, biết mình muốn gì (chiếm giữ độc quyền), nhưng bị loay hoay, giằng xé vì chưa biết làm thế nào.

Tâm trạng *gân gà* ấy, ĐH8 đã thể hiện trên nhiều mặt : đường lối, nhân sự, cung cách.

Xin bắt đầu bằng khía cạnh cung cách, vì đó là sự việc cụ thể và rất có ý nghĩa.

Trước sự quan sát của báo chí quốc tế, và trên màn ảnh truyền hình Việt Nam, ĐH8 bắt đầu ngày thứ sáu 28.6, đến trưa chủ nhật, mới tới tiết mục *các đại biểu phấn khởi bỏ phiếu bầu Ban chấp hành Trung ương Khoá VIII* (BCH), sau đó BCH mới *họp để bầu Bộ chính trị và Ban thường vụ Bộ chính trị*. Danh sách BCH và hai cơ quan lãnh đạo tối cao này được công bố trưa thứ hai 1.7 : Ban chấp hành Trung ương 170 người, Bộ chính trị 19 người, Ban thường vụ Bộ chính trị 5 người (xem toàn bộ ba danh sách này ở trang 11).

Đọc danh sách BCH cũng như danh sách Bộ chính trị (ở vị trí số 17 trên 19) : Nguyễn Đình Tú, *Trưởng ban Khoa Giáo Trung ương*. Thế mà ông Tú, xuất thân là một nhà vật lý học, uỷ viên Ban bí thư (khoá VII), đã từ trần trong đêm thứ sáu 28 rạng ngày 29.6, sau một cơn đau tim, thọ 63 tuổi. Nghĩa là gần hai ngày trước khi các đại biểu *bỏ phiếu bầu* Ban chấp hành Trung ương !

Bầu cử gian lận chăng ? Trên thế gian, chỉ mới có chuyện dàn cảnh cho người chết đi bầu (như ở đảo Corse, nước Pháp), chứ chưa bao giờ có chuyện người sống bỏ phiếu cho người chết.

Sự thật đơn giản hơn nhiều. Như chúng tôi đã thông tin từ số trước : ĐH8 thực sự đã bắt đầu từ ngày 22.6, và đã bầu ra BCH Trung ương Khoá 8 từ ngày 25.6 ! Ông Nguyễn Đình Tú đã tái cử, và hơn nữa, đã được BCH bầu vào Bộ chính trị. Ba ngày sau, ĐH8 mới " chính thức " họp, và đêm hôm đó, ông Tú từ trần. Cái chết của ông đột ngột, nhưng không phải là duy nhất. Đầu tháng 6, ông Lê Mai, 56 tuổi, thứ trưởng ngoại giao, uỷ viên trung ương (từ Hội nghị Trung ương tháng 1.1994), cũng đột tử sau một cơn đau tim : theo những nguồn tin thông thạo, ông Mai cũng nằm trong " cơ cấu " Bộ chính trị, và được chuẩn bị làm ngoại trưởng thay thế ông Nguyễn Mạnh Cầm có thể sẽ giữ một chức vụ cao hơn.

Cái chết của ông Nguyễn Đình Tú còn rọi sáng cả một vùng tối của lịch sử ĐCSVN : lẽ ra ông Tú là người trí thức đầu tiên và duy nhất vào Bộ chính trị (66 năm sau khi ĐCS ra đời, 51 năm sau khi ĐCS nắm chính quyền) ; ngồi bên 4 tướng lĩnh quân đội và 2 tướng công an. Nhưng đó là câu chuyện dài, và lại là chuyện khác.

Ở đây, chỉ xin khuôn lại một điểm : cái cung cách *chiến tranh, bí mật, cảnh giác* của mấy thập niên, cho đến nay, ĐCS vẫn chưa muốn, hay muốn mà vẫn chưa thoát ra được. Nếu sự cố thảm thương xảy ra đêm 29.6 sẽ làm cho các nhà lãnh đạo dứt khoát quay lưng lại với tập quán chiến tranh, thì ít nhất cái chết của ông Nguyễn Đình Tú cũng đóng góp được cho sự đổi mới.

Thế *gân gà* của ĐCS còn biểu lộ về mặt đường lối tại ĐH8. Tất nhiên, với phương pháp *tập trung dân chủ* cố hữu, không có và không thể có thảo luận dân chủ về đường lối, ngay cả về đường lối xây dựng kinh tế. Dự thảo báo cáo chính trị, như đã được phân tích nhiều lần trên mặt báo này, là một chuỗi văn bia, phù chú mang màu mácxít-lêninít, thực chất là bùa yểm để khối tư tưởng – văn hoá mà hai đại diện chính là các ông Đào Duy Tùng và Nguyễn Hà Phan giương cao từ mùa thu năm ngoái, nhằm tiến lên thay thế tổng bí thư Đỗ Mười và loại trừ, hay ít nhất, án ngữ thủ tướng Võ Văn Kiệt. Tháng tư 1996, ông Phan đã bị quá khứ đuổi kịp (*xem Diễn Đàn số trước*), làm suy yếu luôn cả vị trí của ông Đào Duy Tùng. Sự suy yếu chính trị, không may, lại trùng hợp với sự suy yếu thể xác, nhân vật số 4 cũ của ĐCS đã phải sang Singapore nhập viện đúng dịp đại hội.

Tại Hội trường Ba Đình, không hề có một cuộc thảo luận về đường lối kinh tế. Ông Đào Duy Tùng vắng mặt (và bị loại), ông Võ Văn Kiệt có mặt nhưng không nói một câu (của đáng tội : những gì cần nói, ông đã viết trong lá thư 22 trang nổi tiếng rồi). Sáng chủ nhật, cựu tổng bí thư Nguyễn Văn Linh phát biểu một tràng về *nguy cơ tư bản nước ngoài sẽ xâm phạm chủ quyền độc lập của đất nước, và âm mưu diễn biến hoà bình*. Báo hại tổng bí thư Đỗ Mười, ngay sau đó, phải ra vườn hoa bên cạnh hội trường, để trấn an báo chí và dư luận quốc tế. Nghị quyết được thông qua hôm đó, theo các thông tấn xã quốc tế, đã phải bỏ đi một số điều lố bịch như chỉ tiêu 60 % mà khu vực kinh tế quốc doanh và hợp tác xã phải giành được trong nền kinh tế quốc dân để " *bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa* ". Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi chưa nhận được toàn văn các văn kiện, song, thông qua các nguồn tin tổng hợp, có thể tóm tắt kết quả cuộc *thảo luận không xảy ra* vào ba chữ : *hoà cả làng*. Nói khác đi, mỗi bước nhích lên, mỗi bước thụt lùi trên con đường cải tổ ở Việt Nam, trong mấy năm trước mắt, sẽ tiếp tục tiến hành không dựa trên một cương lĩnh, càng không có tầm nhìn xa, mà chỉ quy định bằng những tương quan quyền lực ở thâm cung, bởi sức ép khách quan của bản thân nền kinh tế, phần nào của xã hội, cũng như của những ràng buộc quốc tế.

Trong cái thế gân gà về đường lối ấy, cuộc đấu tranh về quyền lực đã diễn ra một cách kín đáo ở hậu trường, đằng sau khẩu hiệu *Đoàn kết, Đoàn kết, Đại đoàn kết*. Kín đáo nhưng không kém mãnh liệt, gay go đến độ gay cấn, xâu chuỗi những tình huống đảo lộn, và cuối cùng, sự thoả thuận đạt được về nhân sự cho thấy đây chỉ là sự thoả hiệp tạm thời.

Theo những nguồn đáng tin cậy và độc lập với nhau, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 họp đầu tháng 4 không đạt tới thoả thuận nào về nhân sự ban lãnh đạo mới, vì một phần lớn thời giờ đã dành cho vụ Nguyễn Hà Phan và sự phê phán những hành động của Đào Duy Tùng. Ngày 19.6, Hội nghị

trung ương đã phải họp một kỳ nữa (12, hay 11 bis). Vấn đề thay thế ba nhân vật đứng đầu (tổng bí thư Đỗ Mười, 79 tuổi, chủ tịch Lê Đức Anh, 75 tuổi, thủ tướng Võ Văn Kiệt, 73 tuổi) đã được đặt ra. Từ tháng 4, tên tuổi của các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Mạnh Cầm và Phan Văn Khải đã được đưa ra như một giải pháp khả dĩ tạo được sự đồng thuận tương đối. Lực lượng tướng lãnh không phấn khởi cho lắm với danh sách này, vì quân nhân hoàn toàn vắng mặt ở 3 vị trí hàng đầu. Vào hội nghị, cuộc bầu thử được bắt đầu để cử người thay thế hai nhân vật số 2 và 3 : đa số tán thành ông Nguyễn Mạnh Cầm thay thế ông Lê Đức Anh và ông Phan Văn Khải thay thế ông Võ Văn Kiệt. Tới chức vụ tổng bí thư, thì ứng cử viên Lê Khả Phiêu xuất đầu lộ diện để tranh cử với chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh. Tuy ông Mạnh nhiều phiếu hơn, nhưng sự tranh đua này biểu hiện một tranh chấp ngấm ngầm có nguy cơ trở thành đối đầu. Thế là yêu cầu *ổn định* đã dẫn tới giải pháp *liên tục* : ông Mười ở lại, kéo theo sự ở lại của hai ông Anh và Kiệt (kịch bản này ngược với kịch bản mười năm về trước, khi ông Lê Đức Thọ buộc và ông Phạm Văn Đồng khuyên ông Trường Chinh cùng ra đi).

Cuộc bỏ phiếu bầu ban chấp hành trung ương ngày 25.6 dường như đã diễn ra không mấy khó khăn, theo đúng truyền thống của ĐCSVN : một thủ tục để thông qua *cả gói* danh sách đề nghị của lãnh đạo (hay đúng hơn, của *hạt nhân lãnh đạo*, một thực thể mờ mờ ảo ảo). Nhưng đến khi ban chấp hành mới tiến hành bầu Bộ chính trị thì tình hình trở thành gay go, và việc cử Ban thường vụ càng trở nên gay cấn, gay cấn ngay từ số người.

Danh sách 19 uỷ viên Bộ chính trị đã được *phổ biến hẹp* ngay từ ngày khai mạc đại hội chính thức (28.6), nhưng thứ tự của nó, đã thay đổi mỗi ngày một lần, cho đến tối chủ nhật 30.6, chủ yếu về là số thứ tự của hai tướng Đoàn Khuê và Lê Khả Phiêu so với ba nhân vật dân sự Nông Đức Mạnh, Nguyễn Mạnh Cầm và Phan Văn Khải. Những con số 4, 5, 6, 7, 8 hoán vị quay cuồng như đèn cù, nhịp theo những cuộc mặc cả cung đình, mỗi lần tưởng xong, là tức khắc có người tung ra chưởng mới, đặt lại vấn đề.

Đến Ban thường vụ BCT thì còn ly kỳ hơn. Chiều thứ sáu, các nhà báo được *phổ biến hẹp* là có hai khả năng. Khả năng thứ nhất, 5 người, gồm Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Nông Đức Mạnh, Lê Khả Phiêu. Khả năng thứ nhì, 7 người, gồm 5 vị trên, thêm Phan Văn Khải và Nguyễn Mạnh Cầm. Chiều thứ bảy : khả năng 7 người được coi như chắc, nhưng tên ông Khải được thay bằng tên ông Đoàn Khuê. Sáng chủ nhật, chiều chủ nhật, mọi nguồn tin cung đình bật mí đều xác nhận kịch bản 7 người của chiều hôm trước. Đùng một cái, gần nửa đêm : 7 người rút lại còn 5, nhưng cũng không phải kịch bản 5 người của hai ngày trước. Ông Nông Đức Mạnh (số 4 trong BCT) không còn trong dự án Ban thường vụ nữa, tướng Lê Khả Phiêu nhích lên một chỗ, và hàng thứ 5 là một nhân vật vừa được cử vào Bộ chính trị, 47 tuổi (cùng tuổi nhưng hơn tháng ông Trương Tấn Sang, uỷ viên trẻ nhất) : Nguyễn Tấn Dũng, nguyên bí thư tỉnh uỷ Kiên Giang, từ hai năm nay là thứ trưởng Bộ nội vụ, đứng hàng 19 trong danh sách Bộ chính trị (*xem trang 11*).

Chuyện gì đã xảy ra nơi thâm cung vào canh Tý đêm 30.6 ? Với những lỗ rò hiện nay của bộ máy ĐCS, sớm muộn thế nào công luận cũng biết rõ thực hư. Trước mắt, giới quan chức của đảng giải thích : công việc của Ban thường vụ tất bật hàng ngày, nên các thành viên, đặc biệt là hai uỷ viên trẻ phải tập trung vào công tác này, không thể kiêm nhiệm chức vụ nào khác bên phía nhà nước. Không hoàn toàn vô lý, song hệ quả của nó là ông Mạnh, người có khả năng thay thế tổng bí thư Đỗ Mười, lại vắng bóng trong cơ quan này, trong khi người ít phiếu hơn ông, tướng Lê Khả Phiêu lại đóng chốt ở vị trí chiến lược.

Vượt khỏi sự tranh giành quyền bính cá nhân, sự thành lập và vận hành của Ban thường vụ Bộ chính trị đặt ra mấy vấn đề. Cơ quan này được đặt ra lần này (theo điều lệ mới vừa được thông qua) trước hết là để thay thế Ban bí thư, điều hành công việc hàng ngày của đảng. Nhưng quyền lực của nó vượt hẳn Ban bí thư, tất cả thành viên của nó đều là thành viên BCT. Theo dự thảo điều lệ mới, nó " *thay mặt Bộ chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng...* ", và nó nắm trong tay một số những quyền bính trước đây thuộc thẩm quyền của BCT và BCH trung ương. Nói khác đi, đúng theo mô hình Trung Quốc, nó là *Bộ chính trị của Bộ chính trị*. Rõ ràng không kém, nó được đẻ ra để phục vụ ý đồ của các ông Đào Duy Tùng, Nguyễn Hà Phan... nhằm khống chế vai trò của bộ máy chính phủ. Đồng thời, nó phản ánh sự bực bội, ẩn ức của bộ máy đảng trước tình trạng thực quyền cứ tuột dần về phía chính quyền theo đà cải tổ guồng máy kinh tế và hành chính.

Hôm nay, đứa con ra đời khi hai người cha đẻ của nó không còn nữa. Nó sẽ lớn lên ra sao ? Đóng vai trò tích cực để thực sự đổi mới ĐCS trước khi quá muộn, hay tiếp tục quá trình tách bạch bộ máy nhà nước với guồng máy đảng, chấm dứt tình trạng hai đầu đã gây ra bao nhiêu trì trệ, hoặc nguy ngại hơn, nó sẽ làm bàn đạp cho bộ máy an ninh, quân đội âm mưu tiếm đoạt quyền bính ?

Điều chắc chắn là những quyền hành lý thuyết mà điều lệ mới lập lờ dành cho Ban thường vụ Bộ chính trị đi ngược hẳn đòi hỏi dân chủ hoá, nó tập trung quyền bính vào tay một hai cá nhân, thể chế hoá tình trạng hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lũng đoạn quyền bính cách đây 15-20 năm. Và điều đó chắc chắn sẽ bị phản đối và vô hiệu hoá. Sự thật, sáng ngày mồng 1.7 (phiên họp bế mạc), một tiếng nói đã cất lên để phản đối, được hội trường vỗ tay, khiến chủ toạ Lê Đức Anh phải nhượng bộ, và nhấn mạnh trở lại tới vai trò của Bộ chính trị. Cảnh ấy, theo phóng viên nhật báo *San Jose Mercury News* (2.7), đã được chiếu trên đài truyền hình Việt Nam. Điều trớ trêu, người phản đối chính là ông Trần Trọng Tân, uỷ viên trung ương, nguyên trưởng ban văn hoá tư tưởng, cách đây hai tháng còn là phó bí thư thành uỷ Sài Gòn, người cầm trịch về tư tưởng ở phía nam, mà thành tích uốn nắn báo chí và văn nghệ đã được toàn dân toàn đảng biết tiếng. Nay tới ngày nghỉ hưu, ít nhất ông cũng phát biểu được một ý kiến lành mạnh. Mà với quá khứ Côn Đảo trung kiên, với công lao chống *nguy cơ diễn biến hoà bình* có hạng của ông, chẳng lẽ lãnh đạo ĐCS không biết nghe ra ?

◷

Trở lại thành phần của Bộ chính trị mới được bầu, sơ bộ có thể nêu ra mấy nhận xét. Nhận xét thứ nhất là tính liên tục : nó thể hiện ở sự duy trì ba nhân vật số 1, 2, 3 (sẽ ở lại đến năm 1998, hay mùa hè 1997, theo lời *bật mí* của ông Đỗ Phượng, tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam), và, có ý nghĩa không kém, ở sự duy trì vị trí của những nhân vật chủ trương tiếp tục cải tổ bộ máy, mà người ta vẫn quen gọi là

(*xem tiếp trang 14, cột 1*)

Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam

BAN LÃNH ĐẠO MỚI

BỘ CHÍNH TRỊ

1. **Đỗ Mười**, tổng bí thư (1)

2. **Lê Đức Anh** (2)
3. **Võ Văn Kiệt** (3)
4. **Nông Đức Mạnh** (10)
5. **Lê Khả Phiêu** (15)
6. **Đoàn Khuê** (5)
7. **Phan Văn Khải** (8)
8. **Nguyễn Mạnh Cầm** (14)
9. **Nguyễn Đức Bình** (12)
10. **Nguyễn Văn An**
11. **Phạm Văn Trà**
12. **Trần Đức Lương**
13. **Nguyễn Thị Xuân Mỹ**
14. **Trương Tấn Sang**
15. **Lê Xuân Tùng**
16. **Lê Minh Hương**
17. **Nguyễn Đình Tứ** (✝)
18. **Phạm Thế Duyệt** (11)
19. **Nguyễn Tấn Dũng**

Bộ chính trị mới được cử gồm 19 người (kể cả ông Nguyễn Đình Tứ đã từ trần ngày 29.6). Con số đứng trước tên là thứ tự trên dưới đã được chính thức công bố. Con số trong ngoặc là thứ tự trên dưới của Bộ chính trị khoá trước. Thí dụ : tướng Lê Khả Phiêu là người lên nhanh nhất : từ hàng 15, nay lên hàng 5. Những tên không có ngoặc là tên những uỷ viên được bầu lần đầu tiên vào Bộ chính trị.

Bộ chính trị cũ có 17 uỷ viên : 1 người bị khai trừ 2 tháng trước Đại hội (Nguyễn Hà Phan), 6 người ra đi : Đào Duy Tùng, Vũ Oanh, Lê Phước Thọ, Bùi Thiện Ngộ, Võ Trần Chí, Đỗ Quang Thắng.

BAN THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

1. **Đỗ Mười**, tổng bí thư (1) 2. **Lê Đức Anh** 3. **Võ Văn Kiệt**
4. **Lê Khả Phiêu** 5. **Nguyễn Tấn Dũng**

Danh sách cố vấn Ban Chấp hành Trung ương :

Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công

Danh sách Ban chấp hành trung ương khoá VIII

(*xem bình chú ở trang 15*)

1. Đỗ Mười
Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng
2. Nguyễn Văn An
Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
3. Lê Đức Anh
Chủ tịch nước
4. Lê Hồng Anh *
Bí thư Tỉnh Uỷ Kiên Giang
5. Đỗ Văn Ân
Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Sơn La
6. Võ Đông Ba *
Bí thư Tỉnh uỷ Tiền Giang
7. Nguyễn Bá
Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An
8. Nguyễn Đình Bin *
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
9. Đào Đình Bình
Tổng giám đốc Xí nghiệp liên hiệp vận tải đường sắt XV3
10. Nguyễn Đức Bình
Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
11. Nguyễn Mạnh Cầm
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
12. Nguyễn Văn Chi
Phó ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương
13. Trần Thị Trung Chiến *
Thứ trưởng Bộ Y tế
14. Đặng Vũ Chư
Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
15. Vũ Đình Cự
Uỷ viên Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học, Công nghệ & Môi trường của Quốc hội
16. Võ Văn Cương
Phó Bí thư Thành uỷ TPHCM
17. Phan Diễn *
Chánh Văn phòng TƯ
18. Nguyễn Cảnh Dinh
Bộ trưởng CTUB sông Mê Kông VN
19. Nguyễn Thị Doan *
Hiệu trưởng Đại học Thương mại Hà Nội
20. Hồ Nghĩa Dũng *
Tổng giám đốc Tổng công ty thép VN
21. Nguyễn Tấn Dũng
Thứ trưởng Bộ Nội vụ
22. Lê Văn Dũng *
Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 7
23. Phạm Thế Duyệt
Nguyên Bí thư Thành uỷ Hà Nội
24. Hà Quang Dự
Bộ trưởng phụ trách Thanh niên và Thể thao
25. Đỗ Bình Dương
Bí thư Tỉnh uỷ Hà Bắc
26. Nguyễn Khắc Dương *
Thiếu tướng, Phó tư lệnh Quân khu 4
27. Lê Văn Dỹ
Bí thư Tỉnh uỷ, chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
28. Trần Văn Đăng
Tổng TK UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
29. Nguyễn Văn Đăng *
Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
30. Nguyễn Khoa Điềm *
Thứ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin
31. Lư Văn Điền *
Bí thư Tỉnh uỷ Cần Thơ
32. Chamaléa Điêu *
Bí thư Tỉnh uỷ Ninh thuận
33. Lương Công Đoan *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND Phú Yên
34. Trương Quang Được
Phó Bí thư, Chủ tịch UBND Quảng Nam - Đà-Nẵng
35. Nguyễn Văn Được *
Thiếu tướng, Phó tư lệnh Quân khu 5
36. Trần Xuân Giá *
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư
37. Nguyễn Bình Giang
Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ninh
38. Phạm Minh Hạc
Thứ trưởng thứ nhất Bộ Giáo dục và đào tạo
39. Nguyễn Ngô Hai
Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái
40. Bùi Hữu Hải *
Bí thư Tỉnh uỷ-Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phú

41. Trần Mai Hạnh *
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Nhà báo Việt Nam
42. Nguyễn Thị Hằng
Thứ trưởng Bộ Lao động-Thương binh xã hội
43. Cù Thị Hậu
Phó Chủ tịch thường trực Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
44. Nguyễn Minh Hiền *
Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa Hà Nội
45. Nguyễn Huy Hiệu *
Thiếu tướng, Phó tổng tham mưu trưởng
46. Nguyễn Văn Hiệu
Chủ tịch Hội đồng Trung tâm Khoa học tự nhiên - Công nghệ Quốc gia
47. Trương Mỹ Hoa
Chủ tịch Hội Liênhiệp phụ nữ ViệtNam
48. Trần Hoà *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
49. Trần Đình Hoan
Bộ trưởng Bộ Lao động &Thương binh xã hội
50. Nguyễn Đức Hoan
Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị
51. Trần Thị Minh Hoàng *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Nai
52. Vũ Tuyên Hoàng
Viện trưởng Viện cây lương thực
53. Đặng Thành Học *
Bí thư Tỉnh uỷ Minh Hải
54. Hoàng Văn Hon *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình
55. Nguyễn Thị Kim Hồng
Thứ trưởng Bộ Thương mại
56. Võ Nhân Huân *
Đại tá, Phó tư lệnh Hải quân
57. Bùi Văn Huân *
Đại tá, Phó tư lệnh Quân khu 9
58. Vũ Quốc Hùng
Uỷ viên Uỷ ban kiểm tra Trung ương
59. Nguyễn Sinh Hùng *
Thứ trưởng Bộ Tài chính
60. Phan Thế Hùng *
Phó trưởng ban Nội chính Trung ương
61. Võ Đức Huy *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
62. Bùi Quang Huy *
Bí thư Tỉnh uỷ Trà Vinh
63. Lê Minh Hương
Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
64. Đặng Hữu
Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường
65. Phan Văn Khải
Phó Thủ tướng Chính phủ
66. Phạm Gia Khiêm *
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư
67. Hà Thị Khiết
Bí thư Tỉnh uỷ Tuyên Quang
68. Vũ Khoan
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
69. Đinh Hữu Khoa *
Phó Văn phòng Trung ương
70. Đoàn Khuê
Bộ trưởng Bộ quốc phòng
71. Cao Sĩ Kiêm
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
72. Phan Trung Kiên *
Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng quân sự TPHCM
73. Đoàn Văn Kiển *
Tổng giám đốc Tổng công ty than VN
74. Võ Văn Kiệt
Thủ tướng Chính phủ
75. Vũ Trọng Kim *
Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM
76. Hoàng Kỳ *
Thiếu tướng, Phó Tư lệnh & Tham mưu trưởng Quân khu 3
77. Vũ Ngọc Kỳ *
Bí thư Tỉnh uỷ Yên Bái
78. Mai Thúc Lân
Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng
79. Đào Trọng Lịch *
Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2
80. Mai Kiều Liên *
Tổng giám đốc Công ty sữa Việt Nam
81. Ngô Xuân Lộc
Bộ trưởng Bộ xây dựng
82. Trần Đức Lương
Phó Thủ tướng Chính phủ
83. Bùi Danh Lưu
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
84. Nông Đức Mạnh
Chủ tịch Quốc hội
85. Vũ Mão
Uỷ viên Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
86. Nguyễn Ánh Minh *
Bí thư Tỉnh uỷ Lâm Đồng
87. Nguyễn Thị Minh
Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
88. Đặng Vũ Minh *
Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên & Công nghệ Quốc gia
89. Nguyễn Thị Xuân Mỹ
Phó Chủ nhiệm thường trực UB Kiểm tra Trung ương
90. Đỗ Hoài Nam *
Viện trưởng Viện kinh tế Trung tâm KHXHNVQG
91. Mai Văn Năm *
Bí thư Tỉnh uỷ Đắc Lắc
92. Thái Phụng Nê *
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện Việt Nam
93. Phạm Thanh Ngân
Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
94. Hoàng Đức Nghi
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc và miền núi
95. Phạm Quang Nghị *
Phó trưởng ban Tư tưởng Văn hoá TƯ
96. Hồ Tiến Nghị *
Phó Tổng giám đốc Thông tấn xã VN
97. Hoàng Văn Nghiên *
Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội
98. Lê Huy Ngọ
Phó trưởng ban thường trực Ban Tổ chức Trung ương
99. Tạ Quang Ngọc *
Thứ trưởng Bộ Thuỷ sản
100. Trần Minh Ngọc *
Bí thư Tỉnh uỷ Nam Hà
101. Võ Hồng Nhân
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp
102. Nguyễn Dy Niên
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
103. Tráng A Pao
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh Lào Cai
104. Nguyễn Tấn Phát *
Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
105. Lê Khả Phiêu
Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
106. Phạm Thanh Phong *
Bí thư Tỉnh uỷ Long An
107. Tòng Thị Phòng *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La
108. Lâm Phú *
Phó Cơ quan đại diện Khmer Nam bộ
109. Võ Hồng Phúc *
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư
110. Đỗ Nguyên Phương *
Bộ trưởng Bộ Y tế
111. Ksor Phước *
Phó bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai
112. Lò Văn Puốn
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

113. Trần Hồng Quân
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
114. Nguyễn Văn Quân *
Bí thư Tỉnh uỷ Vĩnh Long
115. Nguyễn Duy Quý
Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia
116. Nguyễn Văn Rinh *
Thiếu tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng
117. Nguyễn Văn Róp *
Bí thư Tỉnh uỷ Tây Ninh
118. Tô Huy Rứa *
Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia HCM
119. Chu Văn Rỵ
Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
120. Trương Tấn Sang
Bí thư Thành uỷ TP Hồ Chí Minh
121. Nguyễn Văn Son *
Phó ban Đối ngoại TƯ
122. Phạm Thị Sơn *
Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh uỷ Bà Rịa-Vũng Tàu
123. Bùi Xuân Sơn
Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Nam Hà
124. Đỗ Trung Tá *
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông
125. Nguyễn Công Tạn
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
126. Hoàng Tanh
Bí thư Tỉnh uỷ Lạng Sơn
127. Sô Lây Tăng *
Bí thư Tỉnh uỷ Kon Tum
128. Nguyễn Văn Tâm *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây
129. Nông Hồng Thái
Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng
130. Tạ Hữu Thanh *
Tổng Thanh tra Nhà nước
131. Nguyễn Phúc Thanh *
Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần
132. Trần Thị Thanh Thanh
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em
133. Tô Tử Thanh *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định
134. Võ Thị Thắng *
Phó Chủ tịch thường trực Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
135. Trương Công Thận *
Bí thư Tỉnh uỷ An Giang
136. Đào Trọng Thi *
Phó giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
137. Ngô Yên Thi *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh Thừa Thiên-Huế
138. Nguyễn Hữu Thọ
Tổng biên tập báo Nhân Dân
139. Phạm Văn Thọ *
Bí thư Tỉnh uỷ Hải Hưng
140. Nguyễn Văn Thới *
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
141. Nguyễn Thị Hoài Thu *
Phó Chủ nhiệm Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
142. Hoàng Thừa *
Bí thư Tỉnh uỷ Hà Giang
143. Lê Thế Tiệm *
Thiếu tướng,Thứ trưởng Bộ nội vụ, Tổng cục trưởng Cảnh sát nhân dân
144. Nguyễn Khánh Toàn *
Đại tá, Tổng cục trưởng Bộ nội vụ
145. Ma Thanh Toàn *
Thiếu tướng, Phó tư lệnh & Tham mưu trưởng Quân khu 1
146. Tô Xuân Toàn *
Bí thư Tỉnh uỷ Ninh Bình
147. Phạm Văn Trà
Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tham mưu trưởng
148. Hà Mạnh Trí *
Uỷ viên Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Uỷ ban pháp luật QH
149. Nguyễn Thế Trị *
Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3
150. Nguyễn Minh Triết
Bí thư Tỉnh uỷ Sông Bé
151. Nguyễn Đức Triều
Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
152. Đỗ Ngọc Trinh *
Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư
153. Nguyễn Tấn Trịnh
Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản
154. Nguyễn Phú Trọng *
Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản
155. Trương Vĩnh Trọng
Uỷ viên Uỷ ban Kiểm Tra Trung ương
156. Đinh Trung *
Bí thư Tỉnh uỷ Bình Thuận
157. Đỗ Quang Trung
Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
158. Vũ Xuân Trường *
Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình
159. Lê Văn Tu
Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá
160. Trần Văn Tuấn *
Phó Bí thư Thành uỷ Hà Nội
161. Lê Xuân Tùng
Bí thư Thành uỷ Hà Nội
162. Trương Đình Tuyển *
Thứ trưởng Bộ Thương mại
163. Nguyễn Văn Tư
Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động VN
164. Nguyễn Đình Tứ (†)
Trưởng ban Khoa giáo Trung ương
165. Nguyễn Thị Hồng Vân
Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà
166. Hồ Đức Việt *
Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM
167. Hồng Vinh (Ng Duy Lự) *
Phó Tổng biên tập báo Nhân Dân
168. Trần Văn Vụ *
Bí thư Tỉnh uỷ Sóc Trăng
169. Lê Danh Xương
Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân Thành phố Hải Phòng
170. Nguyễn Văn Yếu *
Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Pháp luật QH.

Danh sách Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN (Khoá VIII) gồm 170 người (kể cả ông Nguyễn Đình Tứ, từ trần 3 ngày trước khi danh sách được công bố). Trong đó : 78 người là uỷ viên trung ương từ tháng 6.1991 (Đại hội VII) ; 92 người (có dấu hoa thị *) hoặc mới được bầu lần đầu, hoặc đã được bổ sung vào BCHTƯ hồi tháng 1.1994 (Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ : 19 người). Chức vụ (in nghiêng ở dưới tên người) là chức vụ lúc được cử vào Trung ương (tháng 6.1996), một số sẽ thay đổi trong những tuần lễ tới.

Tỷ lệ người mới như vậy là : 92/170 (54 %) nếu so với năm 1991, hay 73/170 (43 %) nếu so với năm 1994. Tại Đại hội VII, tỷ lệ người mới là 29 %, tại Đại hội VI : trên 50 %.

Một vài con số về thành phần :

- 54 uỷ viên (31%) là lãnh đạo địa phương (bí thư, phó bí thư hay uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ)
- 33 uỷ viên (19 %) là thủ tướng, phó thủ tướng, bộ trưởng hay thứ trưởng
- 18 uỷ viên (11 %) là tướng tá quân đội (ở Bộ chính trị, tỉ số này lên tới 21 %)
- 6 uỷ viên (3,5 %) là công an, nội chính (ở Bộ chính trị, tỷ số này lên tới 10 %)
- 16 uỷ viên (9,4 %) là phụ nữ (ở Bộ chính trị, tỷ số này tụt xuống 5 % — song đây là lần đầu tiên có một phụ nữ trong Bộ chính trị).

phe chính phủ. Sự suy yếu của khối *tư tưởng – văn hoá*, tuy nhiên, đã dẫn tới sự tăng cường của khối quân sự – an ninh *(xem những con số tỷ lệ ở trang 15)*, khiến cho dư luận bớt lo lắng về một sự siết chặt tư tưởng song không khỏi ngại ngùng vì mầm mống một cuộc phiêu lưu quân phiệt. Đi kèm sự *liên tục*, là sự *thay đổi nhân sự* : khoảng non nửa, ở cấp Bộ chính trị, cũng như ở cấp Ban chấp hành trung ương, và kéo theo đó là một sự *trẻ hoá* về tuổi trung bình của cơ quan lãnh đạo (tuổi trung bình của BCH là 54). Thành phần trẻ này sẽ hành xử ra sao ? Họ không còn những nếp suy nghĩ và bản năng của nửa thế kỷ chiến tranh và đấu tranh bí mật, có một cái nhìn mở hơn về thế giới, về xã hội Việt Nam, nhưng phương thức sàng lọc của chế độ đề bạt tập quyền lại dễ biến con người thành *cơ hội, xy-ních*. Dù có lý tưởng và nhiệt tâm đến đâu ở tuổi thanh xuân, nhưng trong quá trình thăng tiến, phải giấu mình, phân thân từng ngày từng giờ, thử hỏi khi leo gần tới đỉnh cao quyền lực, còn mấy ai giữ được *chính mình* ? Đó là những câu hỏi mà thời gian dành phần giải đáp, mọi câu trả lời bây giờ đều là quá sớm và chủ quan.

Sự *trẻ hoá* tương đối của lãnh đạo ĐCS, dẫu sao, cũng không che khuất sự *lão hoá* tương đối của tập thể đảng viên. Theo những thống kê chính thức, tỷ lệ đảng viên dưới 30 tuổi năm 1991 là 15 %, nay xuống 11 %. Trong một nước Việt Nam mà lứa tuổi dưới 30 chiếm hơn 60 % dân số, và tính riêng lứa 18-30 tuổi là 42 % số người trưởng thành (trên 18 tuổi). Nghiêm trọng hơn, khoảng cách giữa đảng và xã hội còn thể hiện rõ trong sự thờ ơ của dư luận đối với ĐH8 : đối với đại đa số dân chúng, sự kiện quan trọng của cuối tháng 6 tất nhiên không phải là *sự kiện lịch sử trọng đại* mà báo Nhân Dân đăng tựa tít lớn trên trang 1, mà là giải bóng đá Euro. Và ngày thứ hai 1.7, người dân Hà Nội bàn nhiều về tỷ số 2-1 giữa đội Đức và đội Tiệp hơn là về thành phần lãnh đạo mới của ĐCS. Khi mà ***Đảng bóng đá*** thắng điểm ***Đảng cầm quyền*** thì đất nước còn bị *penalty* dài dài.

Vẫn nói chuyện bóng đá, người lạc quan có thể nghĩ rằng, từ nay đến cuối thế kỷ, ĐCS còn 15 phút kéo dài để làm bàn gỡ danh dự trước khi trọng tài thổi còi kết thúc. Đội tuyển ĐCS có còn đủ nội lực hay không ?

Phong Quang

nhìn từ Hà Nội

Đại hội 8 của ĐCSVN bế mạc ngày 1.7. Chiều hôm đó, một trí thức Hà Nội, ông Nguyễn Kiến Giang đã nhận trả lời phỏng vấn của đài RFI qua điện thoại viễn liên.

Được hỏi về văn kiện ĐH8, ông Nguyễn Kiến Giang tán thành việc ĐCS nhấn mạnh đến hiện đại hoá đất nước, vấn đề mà sĩ phu Duy Tân đã đặt ra từ đầu thế kỷ.

« *Đặt vấn đề hiện đại hoá là đúng, tôi rất tán thành. Nhưng tôi cảm thấy khái niệm hiện đại hoá chưa được bàn đầy đủ. Qua văn kiện, hình như nó chỉ được hiểu chủ yếu là về mặt* ***công nghệ kĩ thuật****. Một xã hội hiện đại phải biểu hiện tính hiện đại của nó trên tất cả các lĩnh vực đời sống. Kinh nghiệm thế giới cho thấy sự phát triển phải cân bằng về mọi mặt, trong đó con người,* ***con người cá nhân****, phải là một trung tâm.*

« *Không có một xã hội hiện đại hoá nếu không có những yếu tố vừa là nội dung vừa là nền tảng cho nó.*

« *Tôi xin dùng một hình ảnh rất thô sơ là* ***cỗ xe hiện đại hoá phải có 4 bánh****, đó là :* ***xã hội công dân, kinh tế thị trường lành mạnh, nhà nước pháp quyền, chế độ dân chủ thực sự****.*

« *Không có* ***xã hội công dân*** *thì không thể có xã hội hiện đại, vì xã hội hiện đại là một xã hội trong đó cá nhân con người phải tự khẳng định vị trí của mình bằng chính sức lực của mình, bằng chính sở hữu của mình để trở thành những chủ thể đích thực của xã hội. Nếu chúng ta cứ để cho cá nhân lệ thuộc vào những cái gì đó ở ngoài nó một cách quá nhiều, nó không chủ động được, không phát huy sáng kiến của nó, thì không có xã hội hiện đại. Một trong những thành tựu của những năm đổi mới vừa rồi là xã hội công dân đã bắt đầu hình thành. Tất nhiên còn rất thô sơ, thậm chí còn có những yếu tố bệnh hoạn, nhưng nó đã hình thành, ở đó, cá nhân con người, cá nhân công dân tự xác lập được vị trí của mình. Một thí dụ : gần đây, quan tâm đối với các sự kiện chính trị không còn như trước nữa. Trước kia các sự kiện chính trị là tất cả ; bây giờ chính trị đã trở về đúng vị trí của nó :* một kích thước, một chiều, *của đời sống xã hội ; người ta quan tâm như thế là vừa đủ. Và bên cạnh chính trị, người ta quan tâm đến những thứ khác, đến cuộc sống của họ, sự làm ăn của họ, đến những EURO 96 chẳng hạn. Tôi nghĩ những cái đó hết sức hay. Mỗi người, bằng sức của mình, đang tìm cách xoay xở để vừa kiếm sống, phát triển, thậm chí còn nghĩ đến việc học hành như thế nào cho con cái.*

Một ***nền kinh tế thị trường lành mạnh****, là không có độc chiếm, không có độc quyền, không có mafia, được sự điều tiết về mặt luật pháp rất chặt chẽ, đồng thời bảo đảm sự vận hành tự do cho nó.*

Nhà nước pháp quyền *không phải chỉ đơn thuần là nhà nước có pháp luật (từ xưa cũng đã có). Trong quan niệm hiện đại, đó là một nhà nước chịu trách nhiệm trước các chủ thể công dân, không phải chỉ công dân chịu trách nhiệm trước nhà nước ; nhà nước phải bảo đảm cho công dân các quyền kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tư tưởng.*

Một ***chế độ dân chủ thật sự****, phản ảnh đúng, đầy đủ, nguyện vọng của các tầng lớp xã hội khác nhau, có sự trao đổi để đi tới sự đồng thuận.*

Tóm lại, một xã hội hiện đại hoá phải phát triển đồng bộ 4 mặt nói trên. Đó là chưa nói đến lĩnh vực văn hoá, đến hệ tư tưởng chẳng hạn. Xã hội hiện đại đòi hỏi một quan niệm khác về đời sống văn hoá, nhất là về hệ tư tưởng ».

Sinh năm 1931 tại Quảng Bình, ông Nguyễn Kiến Giang tham gia Việt Minh vào tuổi 14. Năm 1961, ông làm phó giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật. Từ 1964 đến 1976 ông bị đưa đi " *công tác thực tế* " (3 năm), giam không xét xử (6 năm) và quản thúc (3 năm) vì " *tội xét lại chống Đảng* " (vụ Hoàng Minh Chính). Ông là tác giả những công trình nghiên cứu giá trị về xã hội Việt Nam ; nhiều bài báo ký dưới bút hiệu Lương Dân, Lê Diên, Lê Minh Tuệ... (có bài hoặc tác phẩm phải mượn tên người khác) ; một số lần viết chung với Nguyễn Khắc Viện. Tác phẩm xuất bản tại nước ngoài : ***Tuyển tập Nguyễn Kiến Giang***, nxb Trăm Hoa, Garden Grove CA, 1993.

Góp ý với Đại hội VIII về chiến lược kinh tế

Vũ Quang Việt

LTS : *Trong bài viết dưới đây, tác giả, chuyên viên thống kê Liên Hiệp Quốc, muốn góp ý kiến với Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam về chỉ tiêu chiếm 60 % GDP như là cách để kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, cũng như chủ trương thành lập các tổng công ty. Việc Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 23.5.96 nhận đăng bài này phải chăng báo hiệu quyết định rút lại chỉ tiêu 60 % tại Đại hội VIII ?*

Trong bài góp ý nhỏ này, tôi sẽ trình bày lý do tại sao tôi thấy không cần thiết và không nên đặt mục tiêu là nhà nước và khu vực kinh tế hợp tác phải đạt được tỷ trọng khoảng 60 % GDP nhằm xác định vai trò chủ đạo của mình, và cũng thấy rằng việc coi hình thức tổng công ty là một phần của chiến lược phát triển khu vực quốc doanh là quá sớm, ta cần thấy cả mặt lợi lẫn mặt hại của các tổng công ty nhà nước nhằm có chính sách phù hợp.

Định nghĩa *chủ đạo là nắm hơn một nửa* là thái quá. Trong rất nhiều công ty trên thế giới hiện nay, người có ảnh hưởng quyết định ít khi nắm trên 20 % cổ phiếu. Nắm cổ phần ở mức độ đủ để có ảnh hưởng quyết định, nhất là khi những người khác có cổ phần nhỏ hơn nhiều, chính là hình thức tăng vốn cho công ty và như vậy tăng sức mạnh cho người có cổ phiếu nhiều nhất. Như vậy, việc nắm 60 % GDP là không cần thiết để xác định vai trò chủ đạo của mình. Vì vậy chủ đạo phải chăng như ta đang định nghĩa là GDP phát xuất từ các hoạt động nhà nước có trên 50 % cổ phiếu ? Hay phải chăng là GDP phát xuất từ các hoạt động nhà nước có ảnh hưởng quyết định ?

Theo thống kê Liên Hiệp Quốc, ảnh hưởng quyết định là cơ sở để xếp loại : sẽ coi là quốc doanh nếu nhà nước có ảnh hưởng quyết định, sẽ coi là xí nghiệp đầu tư trực tiếp của nước ngoài nếu nước ngoài có ít nhất 10 % cổ phiếu. Cũng cần phải thấy rằng việc nắm chủ đạo theo một trong hai định nghĩa trên không nhất thiết là nhà nước " chủ đạo " được nền kinh tế phục vụ dân sinh, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, nếu khu vực nhà nước hoạt động không hiệu quả.

Hơn nữa, xác định mục tiêu nắm 60 % này, tức là đẩy khu vực tư nhân này từ 58 % hiện nay xuống 40 %, có thể tạo nguy cơ thụt lùi cho nền kinh tế vì kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình đã và sẽ còn cần là động lực phát triển và tạo việc làm.

Theo số liệu hiện nay ở bảng 1, lao động cả nước là 34 triệu người, trong đó có 24 triệu làm nông lâm nghiệp, phần lớn là nằm trong dạng bán thất nghiệp. Chỉ có 8 triệu người hoạt động sản xuất khác thì 1,8 triệu làm trong doanh nghiệp nhà nước, 6 triệu kia làm chủ yếu cho khu vực kinh tế gia đình. Khu vực doanh nghiệp tư nhân còn nhỏ, lao động dưới 300.000 người, nhưng đây là lao động tạo thêm trong thời đổi mới.

Về mặt lao động, rõ ràng khu vực nhà nước không phải là nơi chủ đạo tạo ra công việc làm ăn. Hơn thế, trong thời kỳ cải cách kinh tế, nếu tính từ 1985 đến 1994, khu vực nhà nước cắt giảm gần 1 triệu lao động. Chính khu vực kinh tế hộ gia đình đã tạo thêm ra trên 2,3 triệu việc làm, và khu vực doanh nghiệp tư nhân tạo thêm gần 300 000 việc làm, và như vậy đã đóng góp quan trọng vào việc giải quyết việc làm cho những người bị thải (hoặc tự ý thải) từ khu vực nhà nước và thanh niên lớn lên cần việc làm. Chính sự phát triển của khu vực tư nhân đã tạo nên niềm tin vào đổi mới.

Khu vực doanh nghiệp còn cần phải cải tổ hơn nữa. Doanh nghiệp nhà nước hiện nay vẫn còn quá dư thừa lao động so với doanh nghiệp tư nhân, vì vậy vốn bình quân một lao động ở doanh nghiệp nhà nước là 27 triệu, trong khi độ vốn bình quân ở doanh nghiệp tư nhân là 52 triệu, gần gấp đôi doanh nghiệp nhà nước (Bảng 2). Nếu tính cho 11 tổng công ty nhà nước lớn nhất hiện nay, chiếm tới 65 % tổng số vốn, nhưng dưới 27 % số lao động của tất cả doanh nghiệp nhà nước thì vốn bình quân một lao động là 66 triệu, không hơn doanh nghiệp tư nhân là bao. Quan trọng hơn là số doanh nghiệp nhà nước còn lại (trên 6000), chiếm dưới 40 % vốn nhà nước nhưng lại có tới 73% số lao động doanh nghiệp nhà nước. Như vậy tình trạng dư thừa lao động phải ở mức kinh khủng. Cụ thể hơn là Công ty Dệt Nam Định cần 34 lao động mới tạo ra 1 tỷ đồng doanh thu, Công ty Dệt Hà Nội cần 17 lao động, trong khi Công ty Dệt Thành Công chỉ cần 9 lao động (theo *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, 19-03-96). Như vậy rõ ràng là còn cần phải động viên sự phát triển của khu vực tư nhân nhanh chóng hơn chứ không phải là giới hạn nó. Tăng tốc lao động hiện nay ở khu vực kinh tế gia đình đã chậm hẳn lại. Tốc độ tăng hàng năm năm 1991 là 5,9 %, năm 1992 là 2,8 %, năm 1993-1994 chỉ còn 1,2 %. Phải chăng

Bảng 1

Lao động trong nền kinh tế 1985 -1994

(*1.000 người*)

	1985	1990	1991	1992	1993	1994	Thay đổi 85/94
Khu vực doanh nghiệp	2634,2	2295,4	2035,2	1979,2	2102,9	2108,9	–525,3
Nhà nước	2634,2	2257,4	1990,3	1852,7	1826,7	1822,7	–811,5
Tư nhân trong nước		37,9	44,9	126,5	226,3	286,2	+286,2
Nước ngoài					49,9		
Khu vực dịch vụ công	1224,7	1164	1153,4	1122,5	1133,7	1110,9	–113,8
Khu vực kinh tế gia đình không phải NLN	3663,4	5370,1	5686,8	5846,8	5915,9	5986,9	+2323,5
Khu vực nông lâm nghiệp	18498	21455	22098,8	23565,5	23565,5	24300,5	+5802,4
Lao động cả nước	**26020,3**	**30294,5**	**30974,2**	**31818,9**	**32718**	**33937,2**	**+7916,9**

Nguồn : Tổng hợp số liệu từ ***Niên giám Thống kê 1994, Kinh tế Ngoài quốc doanh thời mở cửa, 1991-1995*** của Tổng cục Thống kê. Lao động khu vực kinh tế gia đình tính bằng cách lấy tổng lao động trừ đi lao động các khu vực khác, lao động trong doanh nghiệp nhà nước khác Bảng 2, vì bao gồm một phần nhỏ là không thuộc doanh nghiệp, nhưng không trừ đi được vì số liệu chỉ có cho năm 92-93.

khu vực tư nhân vẫn cần phải là khu vực thu hút lao động dư thừa trong nông nghiệp ?

Cần thấy rằng một đồng vốn ở khu vực tư nhân tạo ra nhiều việc làm hơn một đồng vốn ở khu vực nhà nước. Điều này không có nghĩa không cần đẩy vốn vào khu vực doanh nghiệp nhà nước ở những hoạt động trọng điểm cần vốn lớn và kỹ thuật tân tiến, có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Nhìn vào Bảng 3, ta thấy các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay đầu tư vào Việt Nam bằng 40 % tổng tích luỹ của cả nước và giá trị vốn của họ ở ta tới nay là 6 tỉ USD, tương đương với 66 000 tỉ đồng, đã lớn hơn giá trị vốn của doanh nghiệp nhà nước (48 000 tỉ đồng), và trong tương lai gần thì GDP phát xuất từ khu vực nước ngoài sẽ rất lớn. Hơn nữa, vai trò của đầu tư nước ngoài trở nên rất quan trọng trong tốc độ phát triển kinh tế những năm vừa qua. Theo tính toán của tôi, nếu không có đầu tư nước ngoài, tốc độ phát triển kinh tế năm 1995 chỉ là 5,2 % chứ không phải 9,5 %. Ảnh hưởng trực tiếp do không có đầu tư và ảnh hưởng gián tiếp là do các hoạt động kinh tế như xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và chi tiêu của lao động hoạt động trong các khu vực này giảm. Như vậy, giữ cho khu vực ngoài quốc doanh bằng 40 % GDP, phải chăng là đẩy lùi khu vực tư nhân Việt Nam xuống, hay là hạn chế mức đầu tư của nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển. Viết điều này, tôi nói ở thế tương đối, chứ không nói khu vực tư doanh không được phát triển.

Tôi nghĩ rằng nhà nước nên điều hành nền kinh tế bằng nhiều biện pháp, chính sách khác nhau trong đó có vai trò quan trọng của doanh nghiệp nhà nước, không nên xác định bằng chỉ tiêu nhất định kích thước của khu vực quốc doanh vì như vậy là tước bỏ khả năng linh động trong chính sách của nhà nước.

Vấn đề tổng công ty, mới được đưa ra thí điểm 1 – 2 năm gần đây, đã được đưa vào chiến lược phát triển là vội vã. Theo ông Phan văn Tiệm (*Nghiên cứu Kinh tế*, số 4-1994), năm 1993, công ty nhà nước lãi chỉ có 5,2 %, lớn hơn trước nhiều, nhưng thực ra không có lãi vì lạm phát cũng là 5,2 %. Việc lập các tổng công ty bằng cách gom các công ty con trong cùng một hoạt động sản xuất với nhau phải chăng là giảm thế mạnh của công ty con đầu đàn vì họ phải cưu mang công ty lỗ vốn, điển hình là Tổng công ty Dệt may ? (còn nếu không cưu mang thì tổng công ty chỉ là hình thức hành chính trung gian). Ngoài ra, các công ty đầu đàn có lợi gì khi họ phải tham gia tổng công ty ? Bị ép buộc hay thấy được mối lợi độc quyền ? Thay vì để các công ty cạnh tranh, tự phát triển thế mạnh để tiến lên hình thức tổng công ty thì việc dồn lại rõ ràng hại nhiều hơn lợi, trừ một vài trường hợp thật đặc biệt nào đó chẳng hạn như các tổng công ty thương nghiệp quốc tế hoặc hàng không quốc tế cần vốn lớn.

Quy luật các nơi đều rõ là công ty càng lớn, tệ quan liêu hành chính càng lớn, và đòi hỏi về khả năng quản lý lại càng cao ; điều trước thì nước ta có thừa, điều sau lại quá thiếu. Công ty càng lớn ở các nước ngày càng tỏ ra thiếu sức cạnh tranh, ù lì trong việc phát triển kỹ thuật mới. Đòi hỏi linh hoạt trong đổi mới kỹ thuật sản xuất, mặt hàng sản xuất đã khiến nhiều công ty trên thế giới ngày nay xé bé ra. Việc lập các tổng công ty nhà nước khó tránh khỏi đưa đến độc quyền kinh doanh, nếu chỉ có một công ty trong mỗi hoạt động sản xuất.

Vũ Quang Việt

Bảng 2

11 tổng công ty lớn nhất Việt Nam

STT	Tên	Vốn (tỉ đồng)	Lao động	Vốn bình quân một lao động (triệu đồng)
1	Dầu khí Việt Nam	8 562	20 700	414
2	Điện lực Việt Nam	8 000	65 000	123
3	Vật tư nông nghiệp Việt Nam	680	1 670	407
4	Cao su Việt Nam	2 527	188 000	13
5	Dệt may	3 504	97 734	36
6	Sắt thép Việt Nam	1 500	19 400	77
7	Xi-măng Việt Nam	1 870	8 760	213
8	Thuốc lá Việt Nam	1 094	6 376	172
9	Bưu chính Viễn thông VN	2 501	60 000	42
10	Hàng không Việt Nam	890	N/A	N/A
11	Giấy Việt Nam	890	5 640	157
	Tổng của 10, trừ Hàng không	31 128	474 280	66
	Tổng của tất cả doanh nghiệp quốc doanh	48 713	1 778 388	27
	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nước	14 753	286 159	52

Nguồn : Số liệu tổng doanh nghiệp nhà nước từ Tổng cục Thống kê, số liệu khác từ *Saigon Times*, số 255, 27-2 đến 1-3, 1996 và *Saigon Times* số 237, 20 đến 26-4-1996. Số liệu doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nước từ ***Doanh nghiệp ngoài quốc doanh thời mở cửa 1991 -1996*, TCTK.** Tên công ty dịch lại từ tiếng Anh nên có thể không chính xác.

Bảng 3

Tích luỹ trong nền kinh tế 1990-1995

(Tỉ đồng giá thực tế)

	1990	1991	1992	1993	1994	1995
GDP	41 955	76 707	110 535	136 571	170 258	222 840
Tổng tích luỹ	6 633	10 873	20 684	36 897	44 288	55 000
Nhà nước	2 704	4 504	7 566	6 752	16 799	7 500
Nước ngoài	419	940	2 254	7 145	12 489	22 000
Ngoài quốc doanh	3 510	5.430	10 864	13 000	15 000	15 400
Phường, xã	-	-	570	600	800	
Hợp tác xã	430	582	528	500	600	
Doanh nghiệp tư nhân	-	4 848	9 419	900	1 600	
Kinh tế gia đình	3 080	5 430	10 865	11 000	12 000	
Tỷ lệ tích luỹ so với GDP (%)	16	14	19	27	26	25
Cơ cấu tích luỹ (%)	100	100	100	100	100	100
Nhà nước (%	41	41	37	45	38	32
Nước ngoài (%)	6	9	11	19	28	40
Ngoài quốc doanh (%)	53	50	53	35	34	28

Nguồn : Tổng cục Thống kê, Năm 1995, từ *Saigon Times*, số 227, 10 đến 16-02-96.

Mô phỏng dự báo một vài chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam 1996 - 2000

Diễn Đàn số 51 đăng dự thảo chỉ tiêu phát triển kinh tế 1996-2000. Tôi trích ra một vài chỉ tiêu chính : mỗi năm, từ 1996 đến 2000, tổng sản phẩm quốc nội (TSPQN) tăng trung bình 9-10 %, xuất khẩu tăng 24-28 %, nhập khẩu tăng 22-24 %. Năm 2000 tỷ lệ đầu tư sẽ là quãng 30 % . Tò mò, tôi muốn biết kịch bản này có khả thi hay không. Tôi thử mô phỏng kinh tế Việt Nam từ 1996 đến 2000 qua một mô hình kinh tế vĩ mô rất đơn sơ như sau đây :

1. Mô hình

(1) PIB(t) + M(t) = CO(t) + IP(t) + IG(t) +X(t)

(2) Log(M(t)) = A + a(t) x Log(PIB(t))

(3) CO(t) = c(t) x PIB(t)

(4) IP(t) = b(t) x PIB(t)

(5) IG(t) = IG(t-1) x (1+d(t))

(6) X(t) = X(t-1) x (1+e(t))

với những ký hiệu sau đây :

t : năm t

PIB(t) : TSPQN ở năm t

M(t) : kim ngạch nhập khẩu ở năm t

CO(t) : tiêu dùng nội địa (tư nhân + nhà nước) ở năm t

IP(t) : đầu tư của tư nhân ở năm t

IG(t) : đầu tư của nhà nước ở năm t

X(t) : kim ngạch xuất khẩu ở năm t

Phương trình (1) là một đẳng thức giữa *cung* (TSPQN + nhập khẩu) và *cầu* (tiêu dùng trong nước + xuất khẩu) ;

Phương trình (2) là hàm tính kim ngạch nhập khẩu : nếu ở năm t, TSPQN tăng 1% thì kim ngạch nhập khẩu sẽ tăng theo a(t) % ;

Phương trình (3) : tham số c(t) là tỷ lệ tiêu dùng ;

Phương trình (4) : tham số b(t) là tỷ lệ đầu tư của tư nhân ;

Phương trình (5) : tham số d(t) là tỷ lệ tăng đầu tư của nhà nước ; tỷ lệ này do nhà nước quyết định ;

Phương trình (6) : tham số e(t) là tỷ lệ tăng xuất khẩu ; trong mô hình này chúng tôi làm giả thuyết là đó là chỉ tiêu của nhà nước.

Mô hình trình bày phía trên dựa theo học thuyết Keynes : sản xuất (TSPQN) đáp ứng nhu cầu. Vì vậy, phương trình (1), tuy là một đẳng thức, trở thành một phương trình cho phép tính TSPQN.

2. Giải mô hình

2.1 Số liệu

Với chuỗi số liệu (sau thời kỳ kinh tế kế hoạch hoá) quá ngắn ta không thể dùng phương pháp hồi qui kinh trắc (*régression économétrique*) để tính các tham số. Nên chỉ còn cách là mô phỏng qua nhiều kịch bản. Nhưng mô phỏng cũng cần số liệu nhất quán của năm khởi đầu. Một điểm khó khăn về số liệu : trong các niên giám thống kê, số liệu về đầu tư tư nhân năm có, năm không. May thay, năm 1992 ta có số liệu về đầu tư tư nhân. Chúng tôi sẽ dùng mô hình để mô phỏng từ 1993 đến 2000 và sẽ kiểm tra độ xác thực của mô hình qua so sánh các kết quả mô phỏng của những năm 1993, 1994, 1995 với kết quả thực đã được thông báo chính thức.

2.2 Tham số

Năm 1992, theo niên giám thống kê, c = 83 % , b = 10 %. Các tham số này sẽ được thay đổi tùy theo kịch bản. Chúng tôi quyết định cho a(t) bằng 1.6 từ 1996 đến 2000. Trị giá của tham số này, dựa theo các mô hình phương Tây, tương đối thực tế, biểu hiện một nền kinh tế chịu ảnh hưởng của hàng ngoại ở một mức khá cao. Trị giá của những tham số e(t), d(t) sẽ tuỳ thuộc vào kịch bản.

3. Kết quả

3.1 Kịch bản A

d(t) = 5% ;

e(t) tăng từ 17 % năm 1993 (con số chính thức : 16 %), đến 24% năm 1997 và ở mức ấy đến năm 2000 (phù hợp với chỉ tiêu của dự thảo) ;

c(t) giảm từ 83 % năm 1993 đến 72 % năm 2000 để phù hợp với chỉ tiêu của dự thảo (tỷ lệ đầu tư năm 2000 là quãng 30%).

Kết quả : trung bình mỗi năm từ 1996 đến 2000, TSPQN tăng 11 %, nhập khẩu tăng 18,3 %, xuất khẩu tăng 24 %.

3.2 Kịch bản B

Trị giá những tham số d(t), e(t), c(t) giống như trong kịch bản B. Nhưng từ 1997 đến 2000 đầu tư tư nhân IP(t), đầu tư nhà nước IG(t) **không tăng** và ở mức của năm 1996. Mục đích của kịch bản này là muốn biết **tầm quan trọng của xuất khẩu**.

Kết quả : trung bình mỗi năm từ 1996 đến 2000, TSPQN tăng 9,7 %, nhập khẩu tăng 16 %, xuất khẩu tăng 24 %.

3.3 Kịch bản C

Đối với tôi, giảm tỷ lệ tiêu dùng từ 83 % năm 1993 (năm 1994, tỷ lệ này, theo số liệu chính thức, là 85 %) đến 72% năm 2000 là không thực tế. Trong kịch bản này, tham số c(t) (tỷ lệ tiêu dùng) sẽ là 80 % trong suốt thời kỳ 1997-2000. Tư nhân và nhà nước sẽ tăng đầu tư như ở kịch bản A. Tôi giảm nhịp tăng xuất khẩu xuống mức 20 % (thay vì 24%) trong suốt thời kỳ 1997-2000.

Kết quả : TSPQN tăng trung bình 11,6%, nhập khẩu tăng 18,9%.

(xem tiếp trang 19)

Bầu cử tổng thống ở Nga

ĐẦY VỚI CHAI RƯỢU VODKA

NGUYỄN QUANG

Một ván bài quan trọng đang diễn ra ở Moskva. Đó là cuộc bầu cử tổng thống Nga. Suốt một nghìn năm, đây là lần thứ nhì có một cuộc phổ thông đầu phiếu (1). Ván bài quyết định ấy diễn ra y hệt một vở *opera* Nga : các vai tuồng đều sắc nét và các tình huống gay cấn liên tục nổ ra.

Giữa hai vòng phiếu

Vòng phiếu đầu (ngày 16.6) có 11 người tranh cử, nổi bật 3 người về đầu :

1) Về nhất là **Boris Eltsin**, tổng thống đương nhiệm. Năm 1991, ông Eltsin đã thắng cử với tỉ số 58,5 %. Nhưng với nền kinh tế suy vi và những cuộc phiêu lưu quân sự, uy tín của ông đã xuống dốc theo nhịp đồng rúp. Khởi đầu cuộc tranh cử, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy số người ủng hộ ông chỉ còn 5 % : không ai thèm đánh cá vào con người bệnh tật và búng ra rượu đó nữa. Ấy vậy mà sau một cuộc vận động kiểu Mỹ, gia giảm chút mắm muối trợ cấp kiểu Nga, và những mưu chước mị dân *không của riêng ai*, Elstsin đã về đầu vòng 1 cuộc bầu cử, với khoảng 35 % số phiếu.

2) Về sát gót là ứng cử viên cộng sản **Guennadi Ziouganov**. Nhân vật này trở về từ một nơi rất xa xôi, từ cái " thùng rác của lịch sử " mà năm 1991, sau cuộc đảo chính hụt, Eltsin tưởng đã quẳng Đảng cộng sản Liên Xô vào đó. Nhưng từ đó đến nay, ĐCS Nga đã được hợp pháp hoá trở lại, còn giữ lại được bộ máy và những đảng viên tích cực. Khác hẳn các đảng Đông Âu khác, ĐCS Nga không chịu đổi tên, vẫn giương cao ngọn cờ cộng sản, và đã tập hợp được lá phiếu của tất cả những người bất mãn, những người bị cuộc cải cách kinh tế tự do gạt ra ngoài lề : năm ngoái, họ đã chiếm được đa số tại Đuma (quốc hội Nga).

3) Về hàng ba, với 15 % số phiếu là tướng **Alexander Lebed**, người hùng một thời của chiến dịch bình định tại một vùng Transniestria xa lắc nào đó, nổi danh vì lối ăn nói toạc móng heo đả kích bọn *nomenklatura*, đã bị Eltsin cách chức vì chống lại cuộc chiến tranh tại Tchetchenia. Chủ trương trật tự, ổn định, xây dựng một nước Nga hùng mạnh (không cộng sản), ông tướng binh chủng nhảy dù có cái xương quai hàm bạnh và hếch đó không giấu giếm 3 thần tượng của mình là : Bonaparte, De Gaulle và... Pinochet.

Nếu căn cứ vào số phiếu thì kết quả vòng nhì cuộc bầu cử đã ngã ngũ rồi : ông Eltsin sẽ được tái cử. Tất nhiên, không thể loại trừ những bất ngờ giờ chót (thất bại của thủ tướng Shimon Peres vừa qua ở Israel là một thí dụ), song các nhân tố khách quan dưới đây làm nghiêng phần thắng về phía Eltsin :

– Mặc dầu tình hình kinh tế kiệt quệ và nhân tâm bất mãn, ứng cử viên cộng sản chỉ giành được một phần ba số phiếu. Không những thế, ĐCS đã huy động tất cả cử tri cổ truyền của họ rồi : dân cư nông thôn, các thế hệ cao tuổi và những người bị thất vọng vì cải cách kinh tế. Cử tri dự trữ chỉ còn những người quốc gia chủ nghĩa, song ở khối cử tri này, Lebed đã trấn ngự mất rồi.

– Mặt khác, có thể nói : mặc dầu kinh tế suy vi và tâm lý bất mãn phổ biến, B. Eltsin cũng đã giành được hơn một phần ba số phiếu. Tỉ số đi bầu vòng đầu tương đối thấp (70 %) cho phép ta nghĩ rằng Eltsin vẫn còn cử tri dự trữ : đây là một hiện tượng thường xảy ra, cử tri phản đối (trong trường hợp này là những người chống Eltsin) bao giờ cũng đi bỏ phiếu đông đảo. Hơn nữa, ông Eltsin có khả năng lôi kéo được những cử tri còn đang lưỡng lự bằng cách mang bóng ma cộng sản ra hù (phải nói là ông ta đã xào đi xào lại lá bài nguy cơ cộng sản quá nhiều trong cuộc vận động, tuy nhiên, sang vòng hai, đây vẫn là một nhân tố quan trọng).

– Cuối cùng, Eltsin đã nhanh lẹ phỗng tay trên những lá phiếu đã dồn vào Lebed bằng cách chộp cả ông tướng lẫn cương lĩnh của ông ta : từ nay, tướng Lebed là một thành viên của êkip Eltsin với cương vị có vấn đặc biệt của tổng thống, kiêm tổng thư ký Hội đồng an ninh quốc gia, kiểm soát Bộ quốc phòng, Bộ nội vụ, các cục tình báo, phản gián và bộ đội biên phòng, nghĩa là hầu như trọn vẹn bộ máy quân sự và bán quân sự. Thêm vào đó, Lebed (hay Eltsin ?) đã thừa cơ làm một đợt thanh lọc đầu tiên, cách chức một loạt bộ trưởng quốc phòng (Gratchev), giám đốc mật vụ (Barsoukov), cục trưởng bảo vệ tổng thống (Korjakov) và phát ngôn viên của phức hợp quân sự – công nghiệp (Soskovets). Đợt quét dọn này chắc chắn sẽ mang lại một số phiếu vì " bộ tứ " này bao quanh tổng thống Eltsin, vốn nổi tiếng là thối nát, bất tài và tạo phản.

Nửa chai

Bất luận vòng nhì kết quả ra sao, vấn đề vẫn đặt ra về ý nghĩa cuộc bầu cử, nhất là ý nghĩa dân chủ của nó. Một ngày hè 1991, khi leo lên chiếc xe tăng để đương đầu với bọn đảo chính, Boris Eltsin bỗng nhiên đã trở thành " hiệp sĩ áo trắng " của nền dân chủ Nga trong con mắt của phương Tây. Không có gì trật chìa hơn. Ai cũng biết con người ấy tham vọng quyền lực tới mức nào (người ta từng gọi ông ta là một " phó vương muốn làm vua thay vua "). Tham vọng lớn, nhưng xác tín chính trị thì nhỏ, và tinh thần dân chủ thì lại càng không có (một con người được đào tạo trong lò ấy ra, đòi hỏi phải có tinh thần dân chủ thì cũng khó). Ngược lại, năm năm trị vì càng làm cho " Sa hoàng " Boris tỏ rõ thiên hướng độc đoán và mị dân : chung quanh ông ta đã hình thành cả một triều đình và một đội kiêu binh, chuyên dùng mật vụ và quỷ kế, ưa ai thì thăng quan, ghét ai thì giáng chức, việc chính sự thì sớm nắng chiều mưa, việc quân sự thì phiêu lưu tuỳ hứng, mọi sự chỉ bàn thảo quyết định trong thâm cung. Xu hướng này càng dễ phát triển vì Hiến pháp Nga tạo ra sự thiếu quân bình quyền lực giữa hành pháp và lập pháp (Đuma Nga chỉ đóng vai chậu kiểng).

Quan niệm phi dân chủ về chính quyền nói trên càng biểu

lộ rõ rệt trong cuộc vận động tranh cử của Eltsin : cương lĩnh chính trị của ông ta dường như chỉ tóm tắt vào mấy chữ *Hãy tin tưởng ở tôi*. Từ chối mọi cuộc tranh luận với các đối thủ, Eltsin đã độc chiếm toàn bộ các phương tiện truyền thông của Nhà nước (đài phát thanh, truyền hình, báo chí...), dùng công quỹ để " tưới " cử tri, tung ra những tin đồn như hoãn tuyển cử, hoặc hù doạ không chịu thừa nhận kết quả cuộc bầu cử nếu đối phương thắng phiếu... nhằm làm cho dư luận e ngại tình hình bất ổn, lại tìm đủ cách phá hoại sự liên minh của lực lượng " dân chủ đối lập " (ứng cử viên của lực lượng này, nhà kinh tế học Iavlinski, rốt cuộc đã giành được 7,4 % số phiếu)... Bản thân việc " mua lại " 15 % phiếu của tướng Lebed cũng cho thấy Eltsin quan niệm ra sao về phổ thông đầu phiếu. Chiến thuật của Eltsin rõ ràng là *phát quang* mảnh đất giữa ông ta và ứng cử viên cộng sản, tạo ra sự đối đầu giữa phe *trắng* và phe *đỏ*. Một mưu mẹo khá thô lỗ : trước tiên, một đảng cộng sản đã chấp nhận luật chơi dân chủ " tư sản " thì có thể nói, một cách *hữu cơ*, nó không còn là cộng sản nữa ; sau nữa, đọc cương lĩnh của họ, ai cũng thấy là nó rất chừng mực (ưu tiên cho công nghiệp quốc dân, bảo vệ thị trường nội địa, củng cố vai trò của nhà nước...). Thô lỗ đấy, nhưng mưu mẹo vẫn *ăn tiền*, đầu tiên là tiền của thành phần " người Nga mới " (tên gọi của những *nhà giàu mới*), của giới đầu tư ngoại quốc (đi đầu là MacDonald's đã tài trợ cuộc hoà nhạc rock ủng hộ Eltsin), và của cả khu thương mại ở Istanbul (đã tổ chức gây quỹ cho Eltsin !). Quan trọng hơn nữa, Eltsin được sự ủng hộ của các cường quốc phương Tây, ủng hộ mồm (Bill Clinton, Warren Christopher...) hay ủng hộ bằng hành động (tuyên bố cho vay thật đúng lúc). Ngay cả báo chí và đài truyền thanh đối lập ở Nga, sau vòng đầu của cuộc bầu cử, vì sợ đảng cộng sản trở lại cầm quyền, đã nhất loạt đứng về phe Eltsin.

Còn nhân dân Nga thì sao ? Kết quả vòng đầu bỏ phiếu đã làm lộ rõ sự rạn nứt trong xã hội Nga, giữa phe " mới " (ủng hộ Eltsin) và phe " cũ " (ủng hộ đảng cộng sản), giữa thành thị và nông thôn, giữa những " người Nga mới " và những người bị bỏ ra ngoài lề... Với những người này, hù doạ gì cũng vô ích (trong một làng, người ta nói thẳng : « *Ở làng này, người chết phải lấy bao bố làm áo quan. Chúng tôi còn gì nữa mà bảo sợ Cộng sản cướp mất ?* »), nói lý luận dân chủ lại càng vô bổ (tại một hợp tác xã : « *Chúng tôi chỉ đòi một điều thôi : là Ziouganov đem lại công ăn việc làm, và xúc xích bán với giá vừa túi tiền* »). Điều đáng suy nghĩ là kết quả một cuộc thăm dò ý kiến về các giá trị mà người Nga coi trọng : 77 % thiên về trật tự, 9 % thiên về dân chủ. Cũng không nên đổ tội cho " truyền thống Nga " (mọi người còn nhớ câu của Tourgueniev nói với nông nô : « *Các người được giải phóng khỏi ách nô lệ, các người có tự do trong tay mà không biết làm gì* »). Nếu nói đến trách nhiệm, thì trước hết là trách nhiệm của chính quyền Eltsin, của bản thân Eltsin và cách cầm quyền của ông ta trong suốt năm năm qua, kể từ những ngày mùa hè 1991 đầy khí thế phấn khởi. Là chính khách duy nhất của thời kỳ hậu xôviết có đủ tầm cỡ để thành lập một chính đảng " chống Cộng " (theo nghĩa : một chính đảng dùng phương pháp cải tổ dân chủ để đưa nước Nga ra khỏi thời kỳ cộng sản), Eltsin đã chọn chơi con bài lãnh tụ cô độc và huyền lực (*charismatique*) — nay lại thêm con bài *người hùng* trời cho Lebed — kết quả là hình ảnh của dân chủ đã bị đồng hoá với bất bình đẳng, bất công, từ bỏ. Vô tình (hay cố ý ?) Eltsin đã trao vào tay đảng cộng sản ngọn cờ đấu tranh cho sự liên đới xã hội, cho nhân phẩm, cho sự bình đẳng... một cơ hội bằng vàng để những phần tử staliniên tân trang màng trinh chính trị.

Bất luận thế nào, công cuộc dân chủ hoá cũng đã giành được một thắng lợi : lần đầu tiên trong một nghìn năm lịch sử (1) nhân dân Nga cử ra nguyên thủ quốc gia bằng phổ thông đầu phiếu, trong một cuộc tuyển cử tự do, không có sự gian lận nào đáng kể... Chai rượu vodka ấy, bảo rằng nó đã vơi đi một nửa, hay bảo rằng nó còn đầy một nửa, thế nào cũng đúng cả. Đó không còn là câu chuyện vodka, mà là câu chuyện của tạng người nhắm rượu.

Nguyễn Quang

(1) Cuộc bầu cử năm 1991 được tiến hành trong khuôn khổ Liên Xô cũ, với những thể thức bầu cử hết sức đặc biệt.

Mô phỏng mô hình...

(tiếp theo trang 17)

4. Bình luận

a) Những chỉ tiêu đưa ra trong dự thảo có thể xem là tương đối khả thi. Các chỉ tiêu về ngoại thương, đặc biệt của nhập khẩu, có lẽ hơi quá cao.

b) Các kịch bản A và B cho thấy là chiến lược tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam chủ yếu dựa vào ngoại thương. Trước mắt, chiến lược này cũng có phần đúng vì theo số liệu năm 1992, tỷ lệ kim ngạch ngoại thương/ TSPQN là 59,7 %. Trong kịch bản B, mặc dầu không tăng đầu tư, nhịp độ tăng trưởng của TSPQN vẫn đạt trung bình mỗi năm gần 10 % nhưng rất lệ thuộc vào bên ngoài (ta có thể mường tượng một nền kinh tế như sau : nhập phụ tùng để lắp ráp máy, xe ô-tô... cho xuất khẩu). Các kịch bản A và B " yêu cầu " người dân tiết kiệm " dữ dội ", chú trọng ít đến thị trường trong nước (mặc dầu có 70 triệu người), đến đầu tư vào máy móc, *know how*.

c) Kịch bản C có lẽ hợp lý hơn : chú trọng đến cả thị trường trong và ngoài nước, tăng đầu tư, và như vậy ít nguy hiểm hơn vì nếu chẳng may kinh tế bên ngoài suy sụp làm ảnh hưởng xấu lên xuất khẩu (trong kịch bản này, tôi giảm tỷ lệ tăng xuất khẩu xuống mức 20 % thay vì 24 % của hai kịch bản kia) TSPQN vẫn có thể tăng trung bình 11 % mỗi năm. Dĩ nhiên về nợ nước ngoài, kịch bản A có lợi hơn kịch bản C. Nhưng câu hỏi đặt ra là Việt Nam có bắt buộc phải rất ít nợ hay giữ một mức nợ ổn định như Hàn Quốc ở thời kỳ 70-86 ?

d) Những kịch bản trên nên được xem như những đóng góp làm sáng tỏ việc định ra những đường lối tăng trưởng kinh tế. Nhưng quyết định đường lối là một vấn đề chính trị.

Lê Văn Cường
Giám đốc nghiên cứu CNRS

(Bài này được viết lại từ tham luận của tác giả ở bàn tròn của Hội thảo **L'Economie vietnamienne en transition : les facteurs de la réussite**, tổ chức tại Paris, 28 và 29-05-1996)

Hoàng Xuân Hãn : con người và chính trị

Nguyễn Ngọc Giao

(*tiếp theo kỳ trước*)

Tháng 7.1954 tại Genève, trưởng đoàn chính phủ kháng chiến Phạm Văn Đồng đề nghị hai ông Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Mạnh Hà tham gia một nội các Trần Văn Hữu ở miền Nam nếu chính phủ Mendès-France thực hiện được ý đồ này, nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Mỹ (lúc đó viện trợ Mỹ đã lên tới 80 % ngân sách chiến tranh Pháp ở Đông Dương, và Mỹ đã ép được Pháp đưa ông Ngô Đình Diệm về làm thủ tướng một tháng trước). Hai ông Hãn và Hà đã nhận lời. Ông Hãn điện về Hà Nội để bà Hoàng Xuân Hãn sang Paris gấp — bà Hãn đã ra đi, để lại tất cả gia sản — để cùng ông chuẩn bị về Nam.

Câu chuyện, như mọi người đều biết, không thành. Tôi thuật lại trước hết vì e rằng sự thoả thuận giữa ba ông Hãn, Hà và Đồng cách đây gần nửa thế kỷ ở Genève, sẽ chẳng còn ai biết, vì hai người đầu đã từ trần, còn ông Phạm Văn Đồng, không hiểu tuổi cao và sức khoẻ có cho phép ông viết (hay kể lại) hồi tưởng không, và nếu có, không rõ ông có muốn không. Nhưng điều chính tôi muốn nói là sự kiện 1954 cho ta hiểu rõ tấm lòng của người đã khuất. Thật vậy, trong cuộc phỏng vấn ông Hoàng Xuân Hãn năm 1989, khi nghe ông kể lại, chúng tôi mạo muội hỏi thẳng ông :

– Về Nam tham gia một chính phủ như vậy, ắt sẽ có người dị nghị, cũng như việc bác tham gia chính phủ Trần Trọng Kim 9 năm trước đó. Phải chăng khi quyết định tham gia chính trị, bác không tính tới việc dư luận hiểu hay không hiểu, mà chỉ xuất phát từ chỗ : việc ấy là cần thiết hay không cần thiết ?

– Đúng, cần thiết và khi có hiểm hoạ.

Hiểm hoạ trong tình hình 1954 là đất nước bị chia cắt lâu dài. Điều mà ông lo lắng, và đã sẵn sàng đứng ra " làm chính trị " góp phần ngăn chặn nó, chẳng may đã xảy ra, và kéo dài 21 năm, như mọi người còn nhớ (1). Hiểu điều ấy, người ta hiểu được niềm vui sâu đậm của ông năm 1975 khi công cuộc đấu tranh cho độc lập và thống nhất đã hoàn thành. Niềm vui ấy đã sớm nhường chỗ cho những quan tâm khác, chuyện này sẽ nói sau.

Ở đây, tôi xin trở lại thời kỳ kháng chiến lần thứ nhất để nói rõ thêm quan hệ của ông Hoàng Xuân Hãn đối với chính phủ kháng chiến.

Một câu hỏi đầu tiên chúng tôi đặt ra là : ngày toàn quốc kháng chiến (19.12.46) tại sao ông ở lại Hà Nội ? Ông cho biết : chiều ngày 19, ông đi thăm một người bạn trên phố, rồi chiến sự bùng nổ, ông bị kẹt luôn trong thành.

Tất nhiên, sau đó, vẫn có thể rời thành ra *vùng tự do*. Sự việc khách quan là ông vẫn ở lại Hà Nội. Tại sao ? Có thể đi tìm câu trả lời đích xác bằng hai cách. Một là suy luận từ thế đứng mà ông đã tự xác định từ thời điểm 45-46 đối với Đảng cộng sản Đông Dương và đối với cuộc đấu tranh vì độc lập chủ quyền. Ông có ra vùng kháng chiến, thì sự đóng góp của ông cũng sẽ bị hạn chế. Dẫu sao, suy luận từ chữ *nếu* thì dễ sa vào tư biện, ta có thể dùng cách thứ nhì : trong thực tế, ở lại Hà Nội, ông đã làm gì giúp nước ? Anh Bùi Mộng Hùng đã kể lại công phu của ông đi tìm từng cuốn sách, thậm chí từng tờ giấy bản hán nôm. Ở đây, không phải chỉ có sự say mê của nhà sử học, mà còn có ý thức rất sâu sắc về chút ít vốn quý của cha ông còn sót lại, thậm chí, sự linh cảm rằng, ít nhất trong một giai đoạn đầu của phong trào cách mạng, di sản văn hoá sẽ bị sàng lọc qua lăng kính của hệ tư tưởng, dễ làm mất đi, mãi mãi, những mảng lớn của di sản văn hoá. 5 năm ở Hà Nội, qua lời kể của ông đôi lần, tôi hiểu được ở ông sự khẩn trương sưu tầm, lưu trữ, dị khảo, hiệu đính những văn bản cổ, " *để sau này anh em về thành còn có cơ sở mà nghiên cứu nghiêm túc* ". Ở cái thời điểm ấy, trong không khí toàn quốc kháng chiến ấy, ông đã giữ được tầm nhìn xa và sâu như vậy, thì đó quả là một bài học để đám hậu sinh suy ngẫm. Cũng trong thời kỳ ấy, ông làm việc trên các văn bản thế kỷ XIX để năm 1950, công bố *Hà thành thất thủ và Hoàng Diệu*. Công trình khoa học, nhưng thời điểm 1950 không phải ngẫu nhiên : đó là lúc chính quyền thực dân đẩy mạnh việc tranh thủ trí thức *trong thành* hợp tác với chế độ " Quốc gia Việt Nam " của cựu hoàng Bảo Đại ; qua những áng văn cổ đầy nhiệt huyết, ông muốn nhắc nhở đồng bào ở vùng bị chiếm, và đặc biệt giới trí thức, nghĩ tới quyền lợi của Tổ quốc.

Vừa kể trên là phần học thuật, cho dù lòng yêu nước và tôn trọng sự thật luôn luôn quyện vào nhau, kết thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời khoa học của Hoàng Xuân Hãn. Ở đây, tôi muốn đặc biệt nói tới những việc làm âm thầm của ông để ủng hộ kháng chiến. Sự tình cờ của ngày 19.12.1946 khiến ông ở lại Hà Nội, và ông quyết định làm tại Hà Nội những việc có ích cho đất nước. Về phía chính phủ kháng chiến, sự có mặt của một nhân sĩ như ông Hoàng Xuân Hãn cũng là một điều thuận lợi. Kết quả của sự *gặp nhau* đó : hiệu thuốc của bà Hoàng Xuân Hãn trở thành nơi cung cấp thuốc men cho kháng chiến, nhà của ông bà ở Hoàng Mai là nơi đi về của người kháng chiến, nhiều lần là nơi chữa trị cho những chiến sĩ bị thương, những người kháng chiến bị tra tấn, đánh đập vừa ra tù... Ông Hãn liên lạc bằng thư từ với đại tướng Võ Nguyên Giáp, cung cấp cho kháng chiến những tin tức và nhận định về tình hình. Mặt khác, nhà cầm quyền Pháp ở Hà Nội thừa biết thái độ của ông đối với chính phủ Hồ Chí Minh. Họ theo dõi, nhưng vì những lý do chính trị hiển nhiên, họ cũng chẳng dại gì dùng biện pháp mạnh đối với một nhân vật

(1) Nếu trí nhớ của tôi không lầm, thì câu nói nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946 " *Nam Bộ là thịt của thịt, máu của máu Việt Nam* " là do ông Hoàng Xuân Hãn gợi ý. Vì không ghi chép khi nghe ông kể lại điều này, nên tôi không dám đoan chắc. Nay chỉ xin ghi chú dưới bài, với tất cả sự dè dặt, để các nhà nghiên cứu thẩm tra, đối sánh với những chứng từ khác.

như ông, tuy đã hơn một lần, quan chức chính quyền Pháp thông báo là họ đã bắt được liên lạc viên đi lại nhà ông. Vả lại, ít nhất trong thời gian đầu của cuộc kháng chiến, một bộ phận chính quyền Pháp cũng còn muốn tìm kiếm một giải pháp hoà bình : chính phái bộ Alain Savary (đảng viên SFIO, sau này làm bộ trưởng giáo dục khi ông François Mitterrand thắng cử tổng thống) đã tìm gặp ông để nhờ ông bắt liên lạc với chính phủ kháng chiến.

Chiến tranh kéo dài và ngày càng khốc liệt, tình hình trong thành mỗi ngày càng căng. Hai sự việc xảy ra gần cùng một lúc dẫn tới việc năm 1951, ông rời Hà Nội sang Pháp. Một là, một hôm liên lạc viên của kháng chiến tới nhà trao cho ông một chứng minh thư, có dấu đỏ đàng hoàng, " phong " ông làm đại diện của kháng chiến tại Hà Nội. Đây chỉ có thể là hành động của một cấp trung gian, nhiệt tình nhiều nhưng không mấy kinh nghiệm nên không ý thức được những nguy hại có thể xảy ra nếu người liên lạc lọt lưới mật thám hay nếu mật thám đến khám nhà ông. Hai là, ông Nguyễn Hữu Trí, lúc đó là thủ hiến Bắc Phần, cho biết : trong chính quyền Bảo Đại, có cánh muốn bắt giam ông ; còn ông Trí sắp sửa bị cách chức, nên ông ta sẵn sàng ký giấy xuất ngoại cho ông. Trước tình thế ấy, ông Hoàng Xuân Hãn quyết định sang Pháp (bà còn ở lại Hà Nội cho đến năm 1954 như đã kể ở trên). Giấy tờ xuất ngoại của ông còn ghi lý do : sang Pháp tìm tài liệu nghiên cứu. Đó chỉ là cái cớ, nhưng trong trường hợp này, cái cớ lại phù hợp với sự thật. Từ đó cho đến ngày ông mất, 45 năm trường, ông đã dành phần lớn thời gian và gần trọn tâm trí cho học thuật.

Cố nhiên, tình hình và vận mệnh đất nước luôn luôn là mối quan tâm của ông. Ở trên, tôi đã nói tới niềm vui của ông đầu tháng 5 năm 1975 khi cuộc kháng chiến hoàn thành. Chính trong những ngày này, ông nhận lời tham gia việc hợp nhất Liên hiệp Việt kiều tại Pháp, Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp và các nhân sĩ thuộc lực lượng ba, tiến tới việc thành lập Hội người Việt Nam tại Pháp (tháng 4.1976), trong đó ông là một thành viên của Ban chủ tịch.

Niềm vui được thấy nước nhà độc lập thống nhất, chẳng mấy lúc, không còn nguyên khôi. Đầu tiên là chủ trương học tập cải tạo. Trong bài thơ chúc Tết năm 1977, ông đã nhẹ nhàng cảnh giới chính quyền. Bài thơ ấy, cũng như các bài thơ mừng Xuân những năm sau, ông không công bố, chỉ sao tặng trong vòng thân mật, với một biệt lệ, là tháng tư 1977, khi thủ tướng Phạm Văn Đồng sang Pháp, quốc khách của tổng thống Giscard d'Estaing : ông cũng đã trao tặng ông Đồng một bản, và nếu tôi hiểu không lầm, ông Đồng cũng đã tỏ ý hiểu thông điệp ý nhị ấy bằng phong cách riêng của ông.

Rồi cuộc cải tạo tư sản, rồi những đợt di tản. Và song song, cùng thời điểm, chiến tranh của Pol Pot, của Đặng Tiểu Bình. Một mặt, ông luôn luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên, dứt khoát ủng hộ cuộc chiến tranh tự vệ của Việt Nam, mặt khác, ông không bỏ lỡ những dịp bày tỏ ý kiến của mình về những sai trái ngày càng nghiêm trọng của chính quyền với những người ông đã quen từ nửa thế kỷ, cụ thể là hai ông Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp. Được biết, cuối hè năm ngoái, khi sức khoẻ còn cho phép, ông còn chống gậy cuốc bộ từ nhà riêng ở thông lộ Théophile Gautier tới đại sứ quán ở phố Boileau để gửi thư cho hai nhà lãnh đạo kể trên.

Một điều cần nói là liên quan tới việc nước, ông không bao giờ để cho việc riêng chi phối. Cuộc cải cách ruộng đất diễn ra, ông đã im lặng gánh chịu những tang tóc xảy đến cho người thân : cụ thân sinh của ông thoát khỏi tử thần vì người quen (và hình như có cả sự can thiệp của chính quyền trung ương) đã kịp thời đưa ra Hà Nội, nhưng hai người em của ông đã bị đấu tố và cuối cùng, đã bỏ mạng trên rú ở vùng Nghệ Tĩnh.

Song, bằng cách làm của mình, ông không nề hà nói lên ý kiến về công việc trọng đại của đất nước mỗi khi cần thiết. Tôi xin được phép kể vắn tắt hai sự việc mà tôi được trực tiếp chứng kiến vì có can dự. Tháng 1 năm 1990, anh em chúng tôi soạn bức tâm thư " *gửi các vị lãnh đạo Việt Nam cùng đồng bào trong và ngoài nước về việc cải tổ hệ thống chính trị* ". Tôi thưa chuyện với ông và được ông nhận lời ký tên vào tâm thư (cùng với ông, lần ấy, có ông Nguyễn Mạnh Hà, người bạn tri kỷ tuy rất khác tính của ông). Vài ngày sau, ông điện thoại cho tôi : " *Bác thấy bác không nên ký tên, mà nên viết một lá thư riêng cho các anh ấy hiểu* ". Ông gọi tôi tới nhà để cho tôi đọc lá thư ông định gửi hai ông Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ. Lời thư súc tích, cô đọng, vài dòng là đủ nói lên ý chính của bức tâm thư nhiều trang viết tay, lại giải thích cho người nhận thư biết thiện ý của những người ký tâm thư. Ít lâu sau, ông lại gọi dây nói để đọc cho tôi nghe bức điện hồi âm của hai nhà lãnh đạo, đại ý tiếp nhận xã giao, song cũng nói rõ họ hiểu ý và sẽ đối xử đúng với thiện ý của tâm thư. Thực tế sau đó diễn ra thế nào là chuyện khác, xin miễn kể ở đây. Điều cần nói là cho đến những tháng cuối đời, ông luôn luôn tìm cách tạo ra một cuộc đối thoại thành khẩn giữa chính quyền và những người còn thiết tha với vận nước. Và đó là điều làm cho tôi xúc động mỗi lần nghĩ tới ông.

Lần thứ nhì ông nhận ký tên, là khi nhà văn Dương Thu Hương bị bắt giam, mùa xuân năm 1991. Lúc đó, tôi vắng mặt ở Paris một tuần, không trực tiếp liên lạc với ông, nên không rõ ông đã cân nhắc ra sao trước khi quyết định ký tên công khai, thay vì viết thư riêng như lần trước. Về sau, cũng không có dịp hỏi lại, song nhiều lúc tôi tự hỏi phải chăng ông thấy với việc bắt giam chị Hương, nhà cầm quyền đã vượt lằn ranh rồi ? Tôi cũng không rõ mấy trăm chữ ký đòi trả tự do cho nhà văn đã tác động như thế nào tới nhà cầm quyền, song tôi tin rằng chữ ký của ông đã góp phần quan trọng vào tác động ấy.

Từ đó đến nay, ông vẫn giữ quan hệ tốt với chính phủ Việt Nam, và ngược lại, nhà cầm quyền luôn tỏ thái độ trọng thị đối với ông. Song, như mọi người đều biết, ông rời Hà Nội từ năm 1951 mà không một lần về nước. Có thể năm 1975 ông sẵn sàng hồi hương, song lúc đó chính quyền e dè, nếu không nói là từ chối. Khoảng đầu thập niên 80, anh Lý Hải Châu (nhà xuất bản Văn Học) được ông đồng ý xuất bản cuốn ***Truyện Song Tinh***, song cũng phải vất vả mấy năm mới được *cấp trên* bật đèn xanh. Những năm gần đây, nhiều nhà xuất bản trong nước đã tái bản sách của ông mà chẳng có một dòng thư xin phép tác giả, thậm chí cũng chẳng gửi tặng tác giả một bản. Tình hình trong nước, dẫu sao, cũng đã đổi thay nhiều, đời sống vật chất cũng như tinh thần nhiều mặt đã thoải mái hơn hẳn trước. Mấy lần, khi sức khoẻ của ông còn tốt, tôi có hỏi ông về ý định về nước thăm nhà. Có lần, tôi mạnh bạo góp ý kiến với ông là ông nên về một chuyến. Một hôm, ông trả lời : " *Chừng nào trong nước chưa có tự do tư tưởng thì bác không về* " nên từ ấy tôi không hỏi lại nữa.

Đó là đôi điều tôi được biết về ông.

Tâm lý học trong đạo Phật

Mặt mũi trước khi bác mẹ thọ thai ra anh nó là thế nào ?

bùi mộng hùng

Một khi đã lấy câu hỏi " *Anh kia ! anh là gì ?* " làm vấn đề cốt lõi của mình. Lại đem ra mà vấn nạn mỗi người chúng ta một cách rốt ráo, chẳng cho dừng lại với một giải đáp nửa vời mà mỗi bước mỗi mổ xẻ thêm, thêm mãi. Đến chỗ tận cùng của vấn đề. Thiền tông với cung cách riêng của mình, chuyển câu hỏi ra công án" *Mặt mũi trước khi bác mẹ thọ thai ra anh nó là thế nào ?* "

Đặt vấn đề như vậy, hỏi có thể nào mà đạo Phật không quan niệm một tâm lý học thích ứng ? Nhưng trong bước đầu tìm hiểu, bạn và tôi, những người của thời đại chúng ta không thể tránh né thảo luận vấn đề phương pháp học.

I. Đôi điều về phương pháp quán nội tâm

Chính vì căn bản phương pháp của đạo Phật là quán xét nội tâm. Cái lối quay nhìn vào trong lấy lòng tự xét lòng này trường phái hành vi luận (behaviourisme) phê phán rằng nào có khác chi " *Đứng sau cửa sổ mà nhìn chính mình đi qua*". Chỉ trích phương pháp quán nội tâm không có khả năng tách biệt chủ-thể-đi-tìm-hiểu với sự-vật-được-quan-sát. Điểm ngón tay vào cái tính chất hoàn toàn chủ quan của phương pháp. Tâm lý học tây phương ngày nay đồng tình, không ít thì nhiều, và nói chung là nghi ngại phương pháp nội quán.

Quả là hành vi luận nêu lên một vấn đề lý thuyết căn bản : truyền đạt cho người khác những sự kiện nội tâm – vốn là cái rất riêng tư thầm kín của mỗi cá nhân – có thể được hay chăng ? Vấn đề chẳng giản đơn. Đối với một nền tâm lý học có tham vọng khách quan thì lại càng hóc búa.

Có điều, đạo Phật không đặt trọng tâm tâm lý học của mình nơi điểm đó. Vì rất thực dụng. Chỉ nhằm cho bạn cho tôi cho mỗi ai ai trong chúng ta đều có thể tự mình biết lấy mình. Đặt vấn đề như vậy thì thử hỏi ngoài phương pháp lấy lòng tự xét lòng còn có cách nào khác chăng ?

Tất nhiên, đạo Phật thấu đáo những cạm bẫy, những điểm yếu của quán nội tâm. Và, có biện pháp điều chỉnh.

Một là người tu tập cần sự hướng dẫn của một người có kinh nghiệm, tương tự như trong phân tâm học phương Tây ngày nay. Bên lề sự hướng dẫn của người thầy, theo truyền thống nhà Phật mỗi năm còn mỗi có mùa kết hạ. Đó là thời gian một số người cùng chí hướng họp lại sống cộng đồng, tương thân tương trợ trên con đường đi tìm sự thật.

Hai là với phương pháp nhà Phật, khả năng nhận định nội tâm của người tu tập mỗi ngày mỗi thêm chân thực, tinh tế, chính xác. Đó là hệ quả của một quan niệm khác biệt với tư duy tây phương quen thuộc với chúng ta : phương pháp tâm lý nhà Phật không tách rời hiểu biết với hành động. Biết mình là đã tác động một cách có ý thức vào chính mình, là đã chuyển biến chính mình, là thêm một bước biết mình hơn, tác động vào mình hiệu quả hơn, và cứ như vậy, như vậy...

Ba là phương Đông có những kỹ thuật làm cho lòng yên lắng tĩnh lặng, tâm trí không bị nhiễu vì thường xuyên giao động như trạng thái thường tình, nhờ đó mà phản ánh trung thực sự việc. Các kỹ thuật thiền định nhà Phật nói chung có những điểm tương đồng không ít thì nhiều với kỹ thuật của nhiều trường phái Ấn Độ và Trung Quốc. Riêng tuệ quán (vipassana) là đặc trưng, không có trong môn phái nào khác.

Tuy là thực dụng, nhưng chẳng vì vậy mà phương pháp nhà Phật thiếu cơ sở lý thuyết. Cơ sở ấy là một quan niệm tâm lý học động và phân tích.

II. Một tâm lý học phân tích với quan điểm động

Bài này chủ yếu dựa vào giáo lý nguyên thuỷ để tìm hiểu tâm lý học nhà Phật. Vì nó gần với lời của chính đức Phật cũng có. Nhưng chủ yếu vì đó là căn bản. Các hệ phái về sau khai triển gốc ấy ra thêm, nhưng không phủ nhận hay mâu thuẫn với căn bản của đức Phật dạy. Biết từ gốc rễ biết đi, chúng ta hiểu rõ hơn, có cơ sở để thấy toàn diện cây đại thụ cội rễ vững chãi vươn lên cho cành lá xum xê. Và nhất là tránh được thái độ sai lầm, đem đối lập gốc với ngọn.

Tìm hiểu đạo Phật thường khi chúng ta rối trí với thuật ngữ. Đến quên mất từ ngữ muốn nói những gì. Bài này tuy sơ lược nhưng gắng đi vào nội dung đôi khi bị che lấp sau từ ngữ. Thuật ngữ trong bài chỉ là những mốc chỉ đường.

Tâm lý học nhà Phật đứng trên quan điểm động, nhìn cả bề dày kích thước lịch sử của sự sống. Phân tích những thành phần tâm lý cá nhân, đã đành, nhưng nó còn đi sâu vào nguyên nhân và điều kiện hình thành tâm lý một con người. Vì vậy mà phân tích các cơ quan, các chức năng sinh lý làm nền tảng cho đời sống tâm lý.

Cái nhìn nhà Phật rất tổng quát, không giới hạn vào con người, vì xem con người như một trong các sinh vật, như một thành phần trong cuộc sống nói chung. Cuộc sống, theo đạo Phật, là một tiến trình miên man không ngừng trôi. Dòng sống ấy có nguyên nhân và điều kiện, được quan niệm như chuỗi liên hoàn mười hai khâu nối tiếp nhau không bao giờ dứt. Thuật ngữ gọi đó là mười hai nhân duyên, dịch từ pali paticcasammuppada. Đời sống tâm lý dĩ nhiên không ra ngoài đời sống nói chung. Bài này chỉ đề cập đến khía cạnh tâm lý của chuỗi nhân duyên.

II.1. Phân tích nguyên nhân và điều kiện tâm lý con người

Cái nhìn nhà Phật có nhiều điểm rất gần với tâm lý học ngày nay. Nói đến tâm lý thì có thể bắt đầu bằng cảm giác. Tâm lý học nhận định rằng cảm giác đến với ta, một người trưởng thành, là đã trải qua một quá trình phức tạp. Trẻ con trong thời gian tìm hiểu thế giới xung quanh, khi chưa tích lũy trong trí hình ảnh tham chiếu thì cảm nhận còn thô sơ, chưa xác định thuộc tính riêng lẻ của sự vật. Chỉ sau khi so sánh đối chiếu hình ảnh nhận được với những hình ảnh tàng trữ trong trí nhớ khi đó mới rõ nét đặc tính của sự vật.

1. Nhà Phật cũng vậy, xem cảm thọ – mà thuật ngữ nhà Phật gọi là " thọ ", vedana theo tiếng pali – là đã có phản ứng chủ quan, với những trạng thái khó chịu không thoải mái – nhà Phật gọi là " khổ " – hoặc thích thú, hoặc trung hoà không khổ mà cũng không sướng.

2. Vì thế, trước khi cảm giác xuất hiện, đã có một cảm

nhận thô sơ khi giác quan tiếp nhận kích thích. Giai đoạn này thuật ngữ gọi là " xúc ", phassa.

3. Điều kiện thiết yếu để tiếp xúc sự vật là phải có cơ quan tiếp nhận kích thích. Thuật ngữ gọi là " lục nhập ", sáu cửa mở ra đón nhận, salayatana.

Sở dĩ sáu, vì ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi và thân xác, nhà Phật còn thêm một giác quan gọi là ý (mano). Để ứng với năng khiếu đặc biệt phát triển nơi con người, cái khả năng tạo hình ảnh, ý tưởng, ước muốn. Hình ảnh sự vật, hiện tượng bên ngoài hay trong nội tâm, thuật ngữ gọi là " pháp ". Chính vì vậy mà kinh Pháp cú (Dhammapada, 1) nói :

Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ, ý tạo (các pháp)

4. Hoạt động của giác quan cần phải có sự phối hợp điều khiển. Chức năng này thuật ngữ gộp chung trong một từ kép " danh sắc ", namarupa. Khái niệm có hai vế : "danh " và " sắc ". Chuyện đáng lưu ý là nhà Phật quan niệm phải có sự kết hợp tâm thần và thể xác trong chức năng phối hợp điều khiển giác quan.

Theo Tương ưng bộ kinh, " danh " là hoạt động của tâm thần cùng ngôn ngữ chỉ những hoạt động đó." *Cảm giác, ý niệm, ý chí, cảm xúc, ý thức – những cái ấy gọi là* ***danh***... " (S II,3) [1].

Nó đi cùng với thân xác. Vì " Sắc ", rupa, chính là thân xác, là " *cái không gian gói ghém trong xương, thịt và da là* ***sắc***" (M I 190)[1]. Nhưng khái niệm " sắc " không thuần giản đơn như vậy. Trong câu" *Tôi sẽ họa* ***sắc*** *trên tranh này và làm hiển hiện ra* ***sắc*** " (M I 127) thì " sắc " ở đây chỉ một vật thuộc thế giới bên ngoài. Dù sao từ " sắc " còn dùng để chỉ định một vật có tính cách vật chất. Nhưng trong câu" *Khi tỉnh táo, chuyên chú và tinh cần, ta trông thấy ánh sáng và* ***sắc***. " (M III 157) thì chúng ta phải hiểu " sắc " trong trường hợp này là hình ảnh hiện ra trong tâm trí lúc thiền định. Nghĩa là một hình ảnh chủ quan.

Tai sao đạo Phật đem lẫn lộn khách quan với chủ quan ? Ta hiểu lý do khi đọc trong Tương ưng bộ kinh : " *Tại sao ta nói là* ***sắc*** *? Ta bị quấy rầy : bởi vậy từ* ***sắc*** *được sử dụng. Quấy rầy vì những gì ? Quấy rầy vì lạnh và nóng, vì đói và khát, vì ruồi và muỗi, vì nắng và gió và vì rắn* " (S III 86). Thân xác của chính ta, ta chỉ nhận định được bằng cảm giác. Thế giới bên ngoài có đấy, nhưng ta chỉ tiếp nhận nó qua hoạt động của tâm trí. Đức Phật không phủ nhận thực chất của thế giới vật chất, nhưng không đối lập duy vật duy tâm, vật chất với tinh thần. Và đó là một quan điểm nhất quán.

Xét cho cùng, quan điểm của Phật không xa cách nhìn của khoa học luận ngày nay. Khoa học là một một biểu tượng của thế giới với một số quy luật của nó. Khoa học dự đoán được những gì xảy ra theo quy luật với một xác suất nhất định, nhưng dù sao đó cũng chỉ là một biểu tượng sử dụng những khái niệm do tâm trí con người tạo ra.

5. Chức năng và các cơ cấu vật chất để xử lý các thông tin do giác quan nhận được, nhà Phật gọi là " tâm thức ", viññana.

Mỗi giác quan có tâm thức của mình, vậy tất cả có sáu " thức ". Như mắt có nhãn thức. Hình thái, màu sắc thế giới bên ngoài lọt vào mắt phải qua chức năng xử lý của một bộ phận riêng. Ngày nay ta biết bộ phận đó gồm có võng mạc mắt cùng hệ thần kinh với dây thần kinh và những phần vỏ não dành cho thị giác.

Đặc tính của " thức " là phân biệt tính cách riêng của sự vật : " *Ta phân biệt chua và đắng, cay và ngọt, kiềm tính hay không kiềm tính, mặn hay lạt, vì vậy từ* ***thức*** *được sử dụng.* " (S III 87).

Khi đã xử lý thông tin ra cảm xúc, hình ảnh riêng biệt, " thức " có khả năng tàng trữ những cảm xúc, hình ảnh ấy, nghĩa là nó đảm bảo chức năng trí nhớ. Và nó không ngừng " *... trở nên nảy nở, phát triển, phong phú* " (D III 228)[1]. Vì vậy mà nó luôn luôn chuyển biến. Chuyển đi đâu là một vấn đề sẽ bàn tới trong một đoạn sau.

6. Hình dung, ý thức sự vật tuỳ thuộc hành động, tuỳ thuộc năng khiếu tổ hợp hoạt động của thể xác và tâm thần tạo nên sinh hoạt tâm lý, hoạt động của sinh vật. Khả năng này nhà Phật gọi là " hành ", sankhara. Đó là năng khiếu sáng tạo :" *Tại sao ta gọi là* ***hành*** *? Vì chúng tạo nên những gì được tạo ra ; vì vậy chúng được gọi là* ***hành***. " (S III 87).

7. Theo nhà Phật sinh vật không ngừng hành động, tạo tác là do " vô minh ", avijja. Nghĩa đen là ngu tối, mặt phản diện của hiểu biết, của cái tri thức thấu triệt nguồn căn sự vật mà nhà Phật gọi là trí tuệ.

Quan hệ " vô minh " với " hành " được quan niệm như một thứ quy luật tự nhiên : " *Có* ***vô minh*** *làm nhân duyên thì có* ***hành***. *Thế tôn* (Phật) *có xuất hiện ở thế gian hay không thì vẫn cứ hằng có nguyên lý ấy, quan hệ ấy, tính quy củ ấy, tính nhân duyên đặc trưng ấy. Thế tôn chỉ phát hiện ra nguyên lý ấy, thấu rõ nguyên lý ấy...* " (S II 25).

Động cơ của quy luật đó là thèm khát sống, bấu víu vào cuộc sống, phát triển khả năng thích nghi để mà sống. Và cứ thế, mọi sinh vật đều bị cuốn theo những chu kỳ sinh ra, phát triển, tàn lụi. Hết chu kỳ này đến chu kỳ khác tiếp nối theo nhau. Tiềm tàng trong quan niệm này là ý niệm có một sức mạnh thúc đẩy mỗi chủng loại sinh vật phát triển năng khiếu của mình để sống còn.

Khi đã bấu víu vào một xu hướng, một khả năng thì tất nhiên phải để thui chột những khả năng khác. Đó là nguyên nhân nhận thức một chiều, mù quáng trước những kích thước khác, là nguồn gốc của si mê. Nó là mầm mống mâu thuẫn, tiếc nuối, mất mát. Đạo Phật gọi trạng thái không được thoải mái ấy là " khổ ". Và khẳng định rằng nhận ra nguyên nhân khổ thì có con đường diệt khổ, giải thoát khỏi khổ. Vô minh cũng có nghĩa là không biết những sự kiện ấy. " *Không biết là* ***khổ***, *không biết nguyên nhân của* ***khổ***, *tận diệt của khổ và con đường dẫn đến diệt* ***khổ*** *– ấy gọi là* ***vô minh*** " (S II 4)

Phân tích nguyên nhân và điều kiện của sự sống là cơ sở một số quan niệm nhà Phật khá gần với cách nhìn ngày nay.

Xét vào cốt lõi " vô minh " ta nhận ra ý niệm một sức mạnh thúc đẩy sự phát triển khả năng của mỗi chủng loại để sống còn. Một cái gì từa tựa như quan niệm sinh vật tiến hoá. Nó hàm ý nghĩa con người quan hệ hữu cơ với mọi sinh vật khác. Nó chất chứa nguyên nhân của những điểm khác biệt giữa các loài sinh vật trong khả năng ưu tiên phát triển để được sống còn. Loài thì chọn lựa sức lực của cơ bắp, sắc bén của móng vuốt. Loài người thì phát triển về trí não...

Khái niệm " danh sắc " đem "danh ", đem ngôn ngữ, làm một trong những nguyên nhân của tâm lý con người. Quan niệm ngôn ngữ có liên hệ nhân duyên đến hình ảnh, tư tưởng trong tâm trí làm ta liên tưởng đến Phúc âm theo thánh Jean :

" *Khởi thuỷ là Lời* " . Và đến quan điểm triết học Tây phương ngày nay : tiếng mẹ đẻ tác động từ thuở nằm nôi vào tình cảm, cách nhìn, lý luận, tâm lý mỗi người.

Ngôn ngữ là một yếu tố quan trọng của văn hoá, khái niệm " danh " sáp nhập kích thước văn hoá vào tâm lý con người. Nhìn từ quan điểm này thì con người là sản phẩm của văn hoá, sinh ra là đã được thừa hưởng văn hoá của gia đình, của dân tộc, của nhân loại.

II. 2. Đời sống tâm lý

Từ cảm giác, yếu tố sơ khởi của tâm lý, bạn và tôi, chúng ta đã ngược dòng đi tìm hiểu quan niệm của đạo Phật về nguyên nhân và điều kiện của tâm lý con người, với những kích thước văn hoá và sinh vật tiến hoá tiềm tàng trong quan niệm ấy. Bây giờ chúng ta cùng nhau xuôi theo dòng phát triển của các yếu tố tâm lý nảy sinh từ cảm giác ban đầu.

1. Cảm giác vừa nhận được, tâm trí liền xử lý thông tin ấy. Và, khi tiếp nhận một cảm giác thích thú đến từ bất cứ một giác quan nào, mắt, mũi,thân, ý, ... phản ứng thường tình là thèm muốn, khát khao được thêm nữa. Thuật ngữ gọi đó là " ái ", tanha.

2. Thèm muốn khát khao cho nên gắn bó với cái mình thích, ghét bỏ những gì không ưa, thu thập, tích lũy kinh nghiệm đi đến sự hình thành các xu hướng của tâm lý, của cá tính. Thuật ngữ gọi đó là " thủ ", upadana.

3. Cá tính phát triển với hoạt động của thể xác, tâm thần : học tập, thói quen, sở thích... Sự tăng trưởng của yếu tố tâm lý, của cá tính, thuật ngữ gọi là " hữu ", bhava.

4. Cái tiến trình tăng trưởng các cảm giác, xúc động, ý chí cũng là tiến trình đưa đến sự nảy sinh ra những trạng thái tâm lý mới, nét cá tính mới. Đó là "sinh ", jati. " Sinh " là một sự kiện có tính cách lịch sử, thường kèm theo trông chờ, lo lắng, ước ao thèm khát. Vì đó mà nhà Phật cho rằng " sinh " liên hệ hữu cơ với " khổ " .

5. Đã sinh ra thì có ngày tàn lụi, thuật ngữ gọi là " lão, tử ", marana. *"...tư tưởng, thân xác, ý thức, cảm giác êm dịu, khó chịu hay trung hoà, tất cả đều sinh ra rồi tàn lụi "* (S IV 26). Đó là một nguyên nhân " khổ " khác.

Tuy nhiên thói thường tâm trạng con người xuôi theo sở thích, thành xu thế. Tàn lụi đi, nhường chỗ cho một trạng thái khác sinh ra. Khác đấy mà chẳng khác : *" Quá khứ một người trở lại cách nào ? Người ấy nghĩ : '* Mắt , thân, tai, mũi, lưỡi, ý tôi trước đây như thế này' *và tâm thức của hắn gắn bó với những ý niệm ấy do khát vọng và ước muốn ; vì tâm thức bị gắn bó bởi khát vọng và ước muốn, hắn thích thú với những ý niệm ấy ; vì thích thú những ý niệm ấy hắn làm cho quá khứ của hắn trở lại "* (M III 196). Theo cái nhìn nhà Phật, sinh thường chỉ là tái sinh.

Phải có ba yếu tố mới tái sinh được, " tâm thức " là thiết yếu : *" Hành động là đất ruộng, tâm thức là hạt giống, thèm muốn là khí ẩm ướt "* (A I 223)[1]. Nguyện vọng in trong tâm thức là yếu tố quyết định xu hướng của cá tính, gặp được nếp hành động thuận theo cùng chiều, thì khác nào hạt giống gieo vào đất màu mỡ, thêm sẵn lòng thiết tha gắn bó với xu hướng ấy như mưa móc tưới cho hạt nảy mầm thành cây bói quả, giống ấy tiếp tục sinh sôi phát triển.

Cứ như vậy, tâm trạng nối tiếp nhau chết đi để sống lại, không ngừng. Chết đi là sinh ra cái mới. Có mới thật, hay sao y bản cũ hoặc tô đậm thêm nét, cái đó tuỳ theo hành vi, theo " nghiệp " của mỗi người.

Nhà Phật quan niệm cuộc sống nói chung và đời sống tâm lý nói riêng với kích thước lịch sử. Con người mở mắt chào đời là đã nổi trôi trong một tiến trình lịch sử. Là đã thừa hưởng một gánh di sản. Di sản văn hoá nhân loại, và di sản dã thú để lại trong mỗi người.

Với vốn liếng ấy mỗi người có phần tự do, cũng là phần trách nhiệm, tạo ra mình, ra lịch sử cá nhân mình. Một lịch sử cỏn con và phù du, nhưng là đơn vị thành phần của lịch sử nhân loại, lịch sử cuộc sống.

Tâm lý học của nhà Phật có tính cách thực dụng, trong nghĩa lý thuyết dùng để soi sáng phương pháp cho mỗi người có thể tự tạc ra mình, chuyển hoá di sản kể cả phần dã thú trong mình. Trước khi bàn đến phương pháp thực dụng, chúng ta hãy xét cấu trúc của một cá tính.

III. Phân tích cá tính

III.1. Những yếu tố của cá tính

Ta nhận ra một cá nhân nhờ những nét riêng biệt của mặt mũi, thân thể, những đặc điểm về cảm xúc và nhận thức, hành động và tư duy của người đó.

Nhà Phật cũng theo cách nhận định ấy. Những yếu tố nói trên được xắp loại ra năm nhóm phức hợp, chỉ vì thuật ngữ mà ta thấy có gì xa lạ khi nghe gọi chúng là năm uẩn, khanda : a) sắc, rupa ; b) thọ, vedana ; c) tưởng, saññа ; d) hành, sankhara ; e) thức, viññana.

Bốn yếu tố đã được đề cập trong chuỗi mười hai nhân duyên. " Sắc " ở đây chỉ thân xác, và ta biết rằng đạo Phật quan niệm thân xác là có thật, tuy nhiên hình dung được thân xác là qua cảm giác, hoạt động của tâm trí. " Thọ " chủ cảm giác. " Hành " chủ hành động và sáng tạo của thể xác cũng như của tâm thần. " Thức " hình dung ý thức sự vật thế giới bên ngoài và hình ảnh, suy diễn xuất hiện trong nội tâm.

" Tưởng " là chức năng nhận thức sự vật với những đặc tính của chúng, theo Trung bộ Kinh" *Hắn nhận thức, hắn nhận thức : vậy đó gọi là* ***tưởng****. Và hắn nhận thức thấy gì ? Hắn nhận thức thấy xanh, vàng, đỏ, trắng "* (M I 293).

III. 2. Yếu tố cá tính và chuỗi nhân duyên

Nhưng ẩn sau những nét riêng biệt về dáng vẻ, hành vi, tính nết của một người là thể chất thừa hưởng từ quá trình tiến hoá của sinh vật, khí huyết mẹ cha, là truyền thống văn hoá... tóm lại là mười hai nhân duyên.

Vậy các khâu nhân duyên là những thành phần trong mỗi cá nhân, là những tiến trình chuyển biến song hành với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau trong suốt thời gian một đời người.

" Vô minh ", " hành ", " thức ", " danh sắc ", " lục nhập " là những yếu tố cấu tạo nên thể chất, làm cơ sở cho mọi hoạt động, mọi thể nghiệm, mọi sáng tạo. Đó là cái vốn mỗi người được phú bẩm lúc sinh ra. Vốn liếng ấy tiến triển ra sao là phần tự do và cũng là phần trách nhiệm của mỗi cá nhân.

" Xúc ", " thọ ", " tưởng " lãnh chức năng tiếp nhận thông tin. " Ái " đưa đẩy chúng ta dấn thân vào trần giới, chọn lựa giá trị. Cá tính phát triển theo nội dung của " thủ " mà hướng về thiện hay không thiện ; các trạng thái tâm lý cứ vậy mà nối tiếp nhau " sinh " ra rồi "tàn lụi ", thành tiến trình tâm lý.

Lĩnh vực của tâm lý gồm hoạt động của các giác quan và

của hệ thần kinh. Trong đó dĩ nhiên có hoạt động tâm thần. Nhưng vì nhận định rằng không thể quan sát " tâm " một cách khách quan được, tâm lý học ngày nay tránh đề cập trực tiếp vấn đề này. Chỉ xét tâm một cách gián tiếp qua hành vi, qua những biến số của tâm lý.

Một trong những biến số ấy là chức năng thông tin về chính chúng ta và thế giới xung quanh. Chúng ta đã thấy trong một đoạn trên những điểm tương đồng giữa các khái niệm " xúc ", " thọ ", "tưởng " nhà Phật với quan niệm nhận thức của tâm lý học ngày nay.

Chúng ta xét vài biến số khác, tiềm thức, trí nhớ, ... trước khi bàn qua về cái khái niệm nhà Phật không ngừng nhắc tới, nhưng tâm lý học ngày nay cố tình tránh né : cái tâm.

III. 3. Tiềm thức, trí nhớ, ý chí, tri thức...

1. Nhà Phật có khái niệm tiềm thức trong nghĩa tình cảm, ý niệm không hiện ra rõ rệt trong ý thức : " *Ngay cả khi hắn không có ý muốn hay ý định, nếu vẫn còn một thiên hướng thì đó là cơ sở hình thành của thức* " (S II 65).

Nhưng không thấy nói như Freud về đặc điểm của tiềm thức : tình cảm, ý niệm bị đè nén, không trồi lên ý thức, chỉ lộ ra được trong giấc mơ, trong câu nói lịu, mặc dù chúng tác động vào tâm trạng như những lượng sóng ngầm.

Tuy nhiên nhà Phật biết rõ đè nén tình cảm nơi này là nó bật lên chỗ khác. Bất ngờ, dữ dội. Phương pháp nhà Phật không đè nén, nguyên tắc là lửa dục tắt vì củi đốt không còn.

2. Nhà Phật sử dụng trí nhớ. Từ đời đức Phật đã có phương pháp thiền quán, gợi lên trong ký ức những hành vi gần, rồi xa ra, xa dần, xa mãi đến vô tận.

Tuy nhiên Phật giáo nguyên thuỷ ít bàn đến trí nhớ, chỉ xem đó là một phần trong tâm thức. Phái Duy thức phát triển thêm khái niệm tâm thức, định rõ vị trí và vai trò của ký ức. Ngoài sáu thức cổ điển (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) duy thức học còn thêm vào thức thứ bảy, mạt na thức mà chức năng là làm chỗ dựa cho ý thức hoạt động. Và, từ hình ảnh, hành vi ghi trong trí nhớ, thức thứ bảy này sinh ra ảo tưởng có " cái tôi " có " ngã ". Trí nhớ đó là một chức năng của thức thứ tám – a lại gia thức, – còn được gọi là tàng thức vì nó tàng trữ hạt giống của hành vi, ý nghĩ, lời nói của cá nhân.

3. Theo đạo Phật, yếu tố quyết định hướng tiến trình của mỗi người là hệ quả của hành động, là cái " nghiệp "của người ấy. Và vì thế động cơ thúc đẩy hành vi của mỗi người là một vấn đề được đạo Phật lưu tâm.

Theo phân tích của nhà Phật động cơ chính của hành vi con người là lòng yêu ghét. Thường tình thì yêu hay ghét đi đôi với nhận thức của giác quan. Vì vậy tham ái đứng vào địa vị một khâu trong chuỗi nhân duyên." *Tham ái sinh ra người* " (S I 37).Tham ái có thể đưa đẩy con người đến hành vi bất thiện. Nhưng động cơ những việc làm ấy chẳng phải bẩm sinh, mà duyên do từ nhận thức của giác quan mà ra. Tăng chi bộ kinh nhận định" *Tâm vốn trong sáng nhưng mờ đục đi là do nhơ bẩn bên ngoài che lấp* " (A I 10).

Động lực để kiên trì hành động là ý chí. Tuy nhiên, nhà Phật ít nhắc đến, mà hay nói " tinh tấn ", viriya, ý nghĩa không hoàn toàn trùng lặp với " ý chí ".

Ý chí hàm nghĩa dấn thân với cả năng lực, tâm trí vượt khó khăn để đạt mục đích. Trong ý chí có " cái tôi ", ít nhiều đậm nét, mà thường thì nhiều hơn là ít.

" Tinh tấn " cũng hàm nghĩa tập trung năng lực, kiên quyết và bền bỉ thể hiện mục tiêu. Tuy nhiên, nặng về tập trung năng lực thì có, mà lại nhẹ yếu tố " cái tôi ". Thản nhiên như thác đổ vào chướng ngại vật. Cái thản nhiên của hiện tượng thiên nhiên. Tất cả năng lượng dồn vào việc đang làm, và chỉ vào việc đó mà thôi. Không phung phí với việc bên lề, cho mát lòng đẹp mặt " cái tôi ". Chính vì thế mà " tinh tấn " thì được không kiêu, bại không nản. Việc làm còn chưa dứt thì còn bền bỉ hành động. Nước chảy đá mòn.

Sức bền bỉ kiên trì của ý chí có thể chẳng kém tinh tấn. Khác biệt tí ti. Nhưng đối với người tu tập đạo Phật, cái tí ti mong manh đó là khoảng cách giữa trời với vực. Dùng ý chí tu tập thì luyện càng lâu ý chí càng mạnh. Và ảo tưởng " cái tôi " dẻo dai không mệt mỏi thẳng tiến tới đích cũng theo đó mà vươn lên, to lớn. Kết quả hoàn toàn trái ngược với chủ trương nhà Phật, nhưng đó là chuyện dành cho một đoạn sau.

4. Nhà Phật trân trọng phân biện, lý luận và tri thức đạt được qua lý luận. Lý luận nhà Phật theo biện chứng pháp. Engels trong **Biện chứng pháp của Tự nhiên** (Dialectique de la Nature, Editions Sociales, tr. 225) từng nhận định : " ... *tư duy biện chứng – chính vì nó cần điều kiện tiên quyết là có nghiên cứu bản chất của bản thân các khái niệm – chỉ có thể có nơi con người ; và ngay cả với con người, nó chỉ có thể có được ở một trình độ phát triển tương đối cao (nhà Phật và cổ Hy lạp)...* "

Lôgíc nhà Phật là một vấn đề nếu có dịp sẽ đề cập một khi khác. Ở đây xin bàn về " tuệ ", paññā, cũng có khi gọi là " huệ " mà nhà Phật thường nói tới luôn, xem nó như một dụng cụ tri thức mở sáng mắt, dẹp tan mê muội của " vô minh ", cắt đứt cái vòng luẩn quẩn nhân duyên liên hoàn vô tận : " *Nếu **trí tuệ** phát triển, kết quả sẽ là gì ? **Vô minh** sẽ hoàn toàn tiêu tan*" (A I 61).

Trường bộ kinh phân tích " tuệ " có ba yếu tố : " **Tuệ** *nảy sinh do suy luận, do những gì nghe được, do trau dồi tâm thần* " (D III 219) Yếu tố đầu rõ là do trí năng phân biện, lý luận mà ra. Yếu tố thứ nhì là tri thức nhờ học hỏi, nhưng chẳng phải là thứ hiểu biết của những bụng chỉ chứa đầy kinh sách mà thôi :" *Có những kẻ ngu xuẩn đi học thuộc lòng giáo lý... ; họ chẳng tìm hiểu ý nghĩa giáo lý bằng **trí tuệ**, và vì vậy chẳng bao giờ thấu hiểu giáo lý*" (M I 133).

" Trau dồi tâm thần " tạm dịch từ " bhavana " thường được dùng cho các trường hợp tu luyện thiền quán. Tuy nhiên " trí tuệ " không bắt buộc phải đi đôi với trạng thái tĩnh lặng. Ta thấy Tăng chi bộ kinh phân biệt bốn loại người. Người có cả " trí tuệ " lẫn " tĩnh tâm ", người không có " trí tuệ " và cũng chẳng có " tĩnh tâm ", người " trí tuệ " nhưng không được " tĩnh tâm ", và người " tĩnh tâm " nhưng không có "trí tuệ "(A II 92). Yếu tố " tuệ " do thiền quán là một loại trực giác thể hiện qua trau dồi nội tâm : " *Những sự việc trước đây tôi chỉ được nghe qua lời dạy, nay tôi không ngừng thể hiện với chính bản thân tôi. Tôi thấy tận mắt như tôi thấu đáo những sự việc ấy bằng **trí tuệ*** " (S V 226).

" Trí tuệ " có thể xem là một loại tri thức nhạy bén, thấu đáo những quan hệ, quy luật che lấp sau hiện tượng của sự vật. Nó một phần do học hỏi, phân biện, lý luận nhưng cũng có phần do cái trực giác được trau dồi bởi phương pháp thiền quán. Quan hệ trực giác và sự thật, nhà nữ triết gia sắc bén Hannah Arendt từng tâm tình với Mary Mac Carthy : " *Theo ý tôi, ảo tưởng lớn chính ở chỗ nghĩ rằng Chân lý là kết quả*

cuối cùng của một quá trình tư duy. Trái lại, Chân lý luôn luôn là khởi thuỷ của Tư tưởng. Hành động tư duy bắt đầu sau khi một nghiệm sinh chân lý loé sáng".

Tuy nhiên nếu ta chỉ quan niệm " trí tuệ " như dụng cụ, như phương tiện tri thức thì lại là cái nhìn quá hẹp hòi. Vì quên mất rằng quá trình thể hiện " trí tuệ " chính cũng là cả một tiến trình chuyển hoá toàn diện con người – " ***Nhờ trí tuệ*** *ta trở nên thanh tịnh* " (S I 214).

III. 4. Cái Tâm (citta) và " cái ta "

" Tâm " là gì, từ đâu sinh ra, theo Tương ưng bộ kinh " ***Tâm*** (citta), *nghĩa là tư tưởng, sinh ra là do có danh sắc* " (S V 184).

Vậy nhà Phật quan niệm " tâm " là do hoạt động hợp lực của tâm thần (danh) và của thể xác (sắc) mà ra. Là tư tưởng, " tâm " quan hệ gắn bó với " thức ": nó " *ẩn hang sâu* " (Dhammapada, 37), hang sâu chỉ trú xứ của " thức ". Cũng như nó quan hệ với các chức năng cảm giác, nhận thức (M I 301) ; chức năng tình cảm ; khả năng hành động (A III 437).

Tóm lại, " tâm " là trung tâm của ý thức, cảm giác, tình cảm, hành động. Nó là yếu tố tâm lý để cho mỗi cá nhân nhận thức ra tính cách duy nhất của mình, nhận ra " tôi " (je). Như vậy cái " tâm " nhà Phật rất gần với khái niệm " cái tôi " (le moi) của Freud. Và, nếu phân tâm học quan niệm có " cái trên tôi " (le surmoi) phê phán " cái tôi ", thì nhà Phật cũng cho rằng " tâm " mỗi người chúng ta có khả năng tự chuyển đổi – từ trạng thái thường tình, lang bạt mờ tối trở nên mênh mông, trong sáng, tĩnh lặng, trí tuệ.

Tuy nhiên nhà Phật phân tích cho đến tận cùng cái " tâm " – yếu tố trung tâm nhận thức ra một " tôi " duy nhất – thì chỉ gặp những trạng thái tiếp nối nhau không ngừng chuyển biến. Thấy đó, nhưng trong khoảnh khắc là đã khác rồi. Như bản nhạc vọng ra từ một cây đàn. Hiện hữu trong thời gian dạo nhạc, nhưng nhạc dứt, có đập vỡ đàn ra cũng không tìm thấy là đâu.

Đó là lý do nhà Phật cho " cái tôi " chỉ là một ảo tưởng. Trong cái nghĩa không có tính chất thực thể, không đổi thay. Thuật ngữ gọi đó là " vô ngã ".

Phân tâm học phân tích ra " cái tôi " , " cái trên tôi " và ngừng với những khái niệm ấy. Nhà Phật cũng theo con đường tương tự đến khái niệm " tôi ". Nhưng phân tích đến tận cùng cái " tôi " này thì chỉ thấy toàn là những trạng thái phù du tiếp nối nhau. Vì thế mà nhận định " tôi " để rồi vượt qua và phủ nhận " cái tôi ".

Tâm lý học nhà Phật sắp xếp các khái niệm thành chuỗi tác động nhân duyên với nhau, cho nổi lên những điểm then chốt trong lịch trình tự tạo của con người, với chủ ý lấy đó làm cơ sở cho phương pháp thực hành. Bước đi từ lý thuyết qua thực hành là chủ đề của phần sau.

(xem tiếp trong một số tới)

bùi mộng hùng (6.1996)

(1) Kinh tạng pali trích dẫn theo bản Pali Text Society, quyển đánh số lamã, trang đánh số arạp. Tên các bộ kinh viết tắt :

D, Digha Nikaya, Trường bộ kinh

M, Majjiima Nikaya, Trung bộ kinh

S, Samyutta Nikaya, Tương ưng bộ kinh

A, Anguttara Nikaya,Tăng chi bộ kinh

Bến sông mơ

Anh muốn em như bông hoa đồng nội
Chợt một ngày bừng nở bên sông
Sương gió đi qua vường bụi đôi lần
Anh đến muộn — còn mưa rào mùa hạ.

Như cô Tấm từ trong quả thị
Em bước ra giữa cuộc đời thường
Trong giấc ngủ ngàn thu anh bỗng nhớ
Có một thời, xưa thế — bến sông mơ...

Nguyễn Nguyên Thanh
1989
(**Lửa hồng hoang**, Berlin 1995)

Ngày sương giá

Sáng nay trời vắng trong sương
đường một đoạn bỗng là đường hút xa
mờ mờ nhân ảnh vòn qua
loang loáng bụi phấn biết ta hay mình

Nửa toan trốn nửa lại tìm
nửa như nói nửa là im một đời
đã khi gần lại lửa đôi
sương giăng giăng trắng mặt người chưa quen

Sương buông lời giận cũng mềm
rồi thơ thới dễ thành niềm mến yêu
vạ gì mù mịt sang chiều
li ti hạt góp nên điều hoài nghi

Nói gì em cứ nói đi
đừng vì sương toả đừng vì sương giăng
vành xe mình cuốn băng băng
tóc em chuyến với mùa sang bên này

Mùa đã hẹn trước tầm tay
sợ gì đang sót một ngày sương giăng

Phạm Ngọc Cảnh
1989 – 1996
(**Văn Nghệ** số 18, 1996)

Huyền thoại

truyện ngắn

Nguyễn Thị Thu Huệ

Mỗi năm, tôi gặp anh vài lần. Mỗi lần thường hai ba tiếng. Tôi ở Hà Nội - Anh ở Sài Gòn. Chẳng bao giờ thư từ, điện đóm cho nhau, thế nhưng cứ mỗi lần gặp lại, y như chúng tôi chẳng hề xa nhau, lại xa lắc xa lơ nữa.

Anh hỏi : *Em vô đợt này bao lâu ?* Tôi nghĩ ngợi, nhẩm tính : *Khoảng tám ngày.* Anh cũng ngây ra tính toán, và lẩm bẩm : *Chốc, mình đi ăn. Ăn món gì em thích. Rồi em về khách sạn. Mai, anh phải gặp bọn đầu tư. Mốt, đi Vũng Tàu ký hợp đồng...Phải rồi, bốn ngày nữa mình gặp nhau. Anh chở em đi mua đồ ; rồi tặng em một món gì em thích...* Anh cười, ngó tôi : *Còn ngón nào đeo nhẫn không ?* Tôi xoè tay ra trước anh. Sáu ngón tay có thể đeo nhẫn đều đã kín, còn vài cái cất ở nhà. Mỗi năm vào Sài Gòn có một cái dây. Tôi cười : *Bốn ngày nữa, mua cho em một con chó, thật đẹp.* Anh cười : *Mua cho em cả ba con.*

♋

Rồi, tôi việc tôi, anh việc anh. Tôi cắm đầu cắm cổ làm những việc cơ quan giao, vì họ thanh toán tiền tàu xe và lưu trú sáu ngìn đồng một ngày cho tôi. Ăn cơm chúa, múa cho đẹp mà. Anh chắc cũng giống tôi, ngược xuôi để hoàn thành những bản hợp đồng đã ký. Bốn ngày sắp qua. Cô bạn tôi hỏi : *Sao bảo bồ ruột của mày ở đây ? Tao toàn thấy mày độc thân ?* Tôi cười : *Bồ ruột tao bận.* Cô bạn bĩu môi : *Thế cũng đòi là bồ. Có vài ngày, không Đà Lạt, Vũng Tàu mà toàn công chuyện ? Yêu kiểu gì vậy, hả đồ kinh tế thị trường ?* Tôi im lặng, bị những lời khích bác của nó, lại lao vào những công việc để lấp đầy giấy đi đường, giấy giới thiệu thủ trưởng ký.

Anh đến. Đúng hẹn. Mặt mũi anh có vẻ mệt hơn hôm đón tôi ngoài phi trường. " *Đi, ăn gì hả em, anh đói mấy ngày* ". " *Toàn nhậu sao anh* ". " *Toàn nhậu. Rồi xỉn, rồi ký. Rồi nhậu. Anh chưa có một hột cơm nào suốt mấy ngày xa em* ". Chúng tôi xông vào một hàng ăn ở ngoại ô Sài Gòn. Mới chín giờ sáng mà gọi toàn lẩu mắm, cá kho tộ, tôm chiên và cơm. Anh cắm đầu cắm cổ ăn như thể đói đã vài năm. Tôi cũng ăn, tự nhiên và ngon lành như ở nhà. Vả lại, họ làm đồ ăn ngon quá, cộng với mấy ngày toàn hủ tiếu, và các loại bánh.

No say xong, anh bảo : " *Uống nước nhé, em ?* " Tôi lắc : " *Không còn chỗ nào mà chứa nữa* ". " *Thế thì đi mua đồ* ". Tôi gật. Anh phóng như bay đến khu siêu thị. Dừng ở tầng một, anh bảo : " *Bây giờ mua cho ba hay mẹ trước ? Còn em, phải để sau cùng. Vì chỉ mua chó khi chuẩn bị lên máy bay thôi* ". " *Cho mẹ trước Ậ.*

♋

Ngày mai, tôi về. Ngày mai, trước khi lên máy bay, anh sẽ tặng tôi một con phốc con, cụt đuôi. Bảy rưỡi tối, anh đến : " *Đi em. Em mặc bộ gì ?* " Tôi may sáu bộ quần áo, váy vung để diện với dân Sài Gòn, với anh. Nhưng chỉ có tối nay được mặc thôi. Bao lần trước cũng thế, xách đi, xách về đâu có mặc hết nhưng vẫn không chừa. Anh lật qua lật lại trong đám váy áo, chọn bộ váy ngắn, màu đen : " *Màu đen đang mốt, em trắng, trông huyền bí* ". Và lần đầu tiên, sau bảy ngày tôi gặp lại anh, anh hôn nhẹ lên tóc tôi một cái, nhẹ nhàng lắm, chỉ đủ để thấy anh ở bên tôi, rất gần.

Hai đứa về khách sạn, ra đường. Đêm mùa thu ở Sài Gòn hơi lạnh. Hầu hết người ta khoác áo ngoài nhẹ nhẹ. Đường phố sạch, không khí tinh khiết, và sáng lung linh. Anh bảo : *Anh đổ đầy xăng, đi bao giờ hết, mình về.* Tôi cười và nhẹ đặt tay vào hông anh.

Tôi ôm con phốc con. Anh bảo đặt tên nó là Si. Tiếng loa gọi mọi người vào phòng chờ chuẩn bị lên máy bay. Anh ngồi bên cạnh, im lặng hút thuốc, chẳng ra buồn hay vui. Rồi đến lúc, còn mình tôi ở phòng đợi, mọi người đi hết rồi. Tôi bảo : " *Em về đây* ". Anh bảo : " *Ừ, đến giờ rồi* ". Và đẩy cho tôi chiếc valy. Đến gần cửa ra vào, nơi mà tôi sẽ đi một mình tôi, anh đứng lại một mình anh, tôi dè dặt : " *Em nghe nói, anh sắp lấy vợ ?* ". Hỏi xong, mới biết là mình đàn bà và dại dột. Hỏi để làm gì cơ chứ ? Anh nhìn thẳng vào tôi, khẽ gật như thể tôi không phải là bồ của anh, đã hơn chục năm. Như thể chúng tôi đã từng có những kỷ niệm vừa đẹp, vừa buồn và thơ mộng hết sức chứ không mang bản sắc của nền kinh tế thị trường mà cô bạn tôi nói.

" *Anh cũng nghe người ta đã ăn hỏi em rồi, chỉ đợi ngày lên xe hoa thôi ?* " Tôi lại nhìn thẳng vào mắt anh, và gật. Hoá ra, tôi không phải là đàn bà khi hỏi anh điều đó, tôi và anh yêu nhau, và những người yêu nhau đều có thể hỏi nhau như vậy.

Anh ngập ngừng : " *Nhà anh ấy có đông không ?* ". " *Có tám người* ". " *Em sẽ ở riêng chứ : Mẹ anh ấy có quý em không ?* ". " *Em có một phòng 6,5 m2. Mẹ anh ấy quý em, bây giờ thôi, còn mai kia, em không dám nói trước* ". Tiếng gọi người ra máy bay và tiếng động cơ máy bay rú lên. Còn sáu phút nữa. Tôi vội vã quay đầu kéo chiếc valy, và giữ chặt con phốc hơn. Nó bắt đầu sợ. Anh nắm lấy vai tôi, nói nhỏ " *Anh yêu em. Mong em hạnh phúc. Sang năm lại vào nhé* ". Tôi gật. Và bỗng nước mắt tuôn rơi. Sang năm. Tôi không còn là tôi nữa, chính tôi cũng không biết tôi có thể này được không ?

Máy bay vút lên sau khi chạy vòng trên đường băng. Sài Gòn còn lại sau ô cửa kính bé xíu. Có một cơn mưa đang đến. Không biết anh về, có ướt mưa không ? Anh lấy ai nhỉ, người ấy có xinh không ? Tại sao, chúng tôi đã có những lúc đi với nhau cả mấy tiếng và nói đủ mọi chuyện sau một năm xa cách, và đủ để hiểu và nhớ về nhau đến sang năm. Tôi không hỏi anh và anh không hỏi tôi để giờ đây, tôi chẳng hiểu anh sẽ đâm đầu vào lấy ai làm vợ ?

Anh hẹn sang năm. Đời người đâu có dài gì mà mỗi lần hẹn xa quá. Liệu có ai, trên thế gian này, hẹn hò như chúng tôi ?

Tôi nhìn qua ô cửa, cố tìm dưới kia một cái gì tôi cũng chẳng rõ. Chỉ có mây và mây vẫn về bao lấy máy bay. Tôi đang ở cõi hư vô. Chẳng có nghĩa gì khi đã ngồi ở đây, giữa trời xanh thăm thẳm. " *Mẹ anh ấy có quý em không ?* ". Anh lo cho tôi, khi về nhà chồng và đối mặt với cái sự " mẹ chồng nàng dâu ", một cái lo của người yêu, hay người anh ? Tôi bỗng trào nước mắt, và tưởng tượng rằng, dám lắm, sang năm, tôi bắt đầu nói dối, để vào với anh. Và anh, dám lắm, cũng nói dối, để chở tôi đi ăn, đi mua đồ, và tối nào trước ngày tôi về, cũng đi khắp Sài Gòn bằng bốn lít xăng.

Còn 35 phút nữa máy bay hạ cánh, 35 phút đủ để tôi tưởng tượng rằng, giờ này, sang năm, tôi lại gặp lại, giữa đất Sài Gòn, và lại bắt đầu, một tình yêu huyền thoại.

24-02-96

Hạn hán và Cơn mưa

Câu chuyện của tâm hồn

Bút ký của NGUYỄN DUY

Lời chào từ Paris

« *Kính thưa các quí bà, và toàn đoàn...*

Trong buổi tối nay, các bạn là sứ giả của một đất nước thân thuộc với chúng tôi, một đất nước sáng tươi lịch sử, văn hoá và hy vọng.

Qua ***Hạn hán và Cơn mưa****, một tác phẩm của Ea Sola, các bạn sẽ đưa chúng tôi, trong một khoảnh khắc đặc biệt, đối diện với chính tâm hồn mình.*

Thời gian quả có phai mờ, nhưng lương tâm chúng tôi vẫn hướng về những giờ phút đau thương mà các bạn, những vũ công thời trẻ, đã phải sống qua cuộc chiến lần thứ nhất mà chúng tôi là người có lỗi.

Giờ đây, các bạn là những Vệ sĩ của truyền thống, *một truyền thống hoà hợp lịch sử cận đại và lịch sử đương đại.*

Các bạn chính là ký ức của những động tác, những huyền thoại, những biểu tượng, liên kết cuộc đời mỗi người trong chúng ta. Hãy giữ gìn tài sản quí giá đó.

Chúng tôi xin là những khán giả chăm chú, lắng nghe những điều các bạn chia sẻ trong buổi tối này.

Ngôn ngữ khác biệt không gây cách trở, bởi thông điệp mà các bạn loan truyền vượt trên giới hạn ngôn ngữ.

Đó là vấn đề của ***Hạn hán và Cơn mưa****, hẳn nhiên, nhưng đồng thời cũng là của hoà bình, của cảm xúc, nói cho cùng, là của nhân bản* ».

Đó... lời chào mừng của một ông già tóc bạc, râu bạc — ông Michel Caserta, giám đốc Liên hoan Nghệ thuật tỉnh Val de Marne. Ông đã xem ***Hạn hán và Cơn mưa*** hồi năm ngoái, và thu xếp mời *Đoàn Ea Sola* về nhà hát Jean Vilar (Vitry-sur-Seine, ngoại ô phía nam Paris), tối nay, 20.5.1996. Chỉ có thể được một xuất diễn thôi, vì sáng sớm mai (21.5), Đoàn phải ra sân bay, sang Mỹ.

Tất cả *affiches* quảng cáo ***Sécheresse et Pluie*** đều đã bị một băng giấy dán chéo : COMPLET (hết chỗ).

Nhà hát Jean Vilar chật ních người. Toàn người Tây. Lẻ tẻ mươi lăm người Ta, có người đã xem vở múa này tại Paris, Bruxelles, nay vẫn đặt vé, xem nữa.

Hôm vừa tới Pháp, tình cờ gặp đạo diễn Huy Thành, nhà điện ảnh Thẩm Võ Hoàng và đoàn làm phim về cụ Tôn Đức Thắng, chúng tôi mời họ tới xem. Nhưng không xoay được chỗ. Ban tổ chức hội diễn cho biết, không thể nhận thêm người. Chưa bao giờ người *đầy* như thế này. Chỗ hết từ tuần trước, kể cả chỗ *thoả thuận* trên từng bậc thang lối đi. Ea Sola đành mời khách xem buổi dượt vở trước khi biểu diễn chính thức.

Lại tình cờ gặp các nghệ sĩ kịch nói, Đoàn Dũng, Trần Minh Ngọc, Thành Lộc... (sang để biểu diễn vở ***Ông Jourdain ở Sài Gòn***), tới đây xem với vé đặt trước.

Tay bắt, mặt mừng. Người chen người nêm chặt các hàng ghế.

Tiếng ồn tào náo nhiệt lặng dần, lặng dần theo ánh đèn nhà hát từ từ tối, rất từ từ, như nắng chiều lịm đi trên cánh đồng lô nhô gốc rạ đầu người.

Hoàn toàn đêm.

Và hoàn toàn im...

Sự im lặng đến nín thở chính là lời chào mừng vô ngôn trang trọng nhất.

Là ta, ta hát những lời của ta

Một bóng trắng đội nón thình lình hiện cuối màn đêm tiền sử — hình ảnh người đưa đường vào câu chuyện nắng mưa.

Tiếng mơ hồ đâu đó lao xao. Tiếng suối ? Tiếng lá ? Tiếng vọng về một cõi xa xăm nào ? Chầm chậm gần hơn, chầm chậm nét hơn... tiếng chuông — tiếng mõ — tiếng trống — tiếng đàn... nhẹ và mỏng, nhuyễn vào nhau, se thành sợi âm dẫn lối.

Bình minh trở về cánh đồng sân khấu, cũng bần thần như khi hoàng hôn ra đi. Trùng điệp núi non của phương đông thuỷ mặc hiện lên. Hiện lên một miền quê vời vợi, nhấp nhô hình tượng ông bà, tổ tiên người Việt. Không gian nghi lễ thật thiêng liêng. *Khúc hát giáo đầu* rấn rúc :

Sinh ngang ngù...ọn *(ngọn) núi*
Sống dọc trì...iền *(triền) sông*
...
Giọt màu mỡ phù sa pha máu
Tổ ti...iên *(tiên) tôi mở* cù... õi *(cõi) từ xưa...*

Giọng chèo gốc khoẻ và sáng của bà Đoàn Thị Kết (51 tuổi) còn nguyên chất quê nhà, cách phát âm chưa bị pha chế. Nước mắt làm sao, khi thấy và nghe, giữa thủ đô nước Pháp, người nông dân thứ thiệt của làng mình hát rất tự tin trước đám đông *tây, đầm* lạ hoắc :

Người nay cù...òn *(còn) nhớ kiếp xưa không*
Rơm rạ rri...iối *(rối)* rri...ien *(ren) những cánh đồng*
...
Thần ti...iên *(tiên) bảy sắc cầu vồng xa xôi*
Giấc mơ ở phi...ía *(phía) chân trời*
Chứ này ai ơi...

Một giọng hát nhà nghề nào đó không thể *đứng* được trong khúc hát mộc mạc lúa khoai ấy. Nhớ, hôm tôi đi cùng Ea Sola tìm đến nhà bà Kết (xã An Khê, Quỳnh Phụ) để thử giọng, bà đang lặn lội ngoài đồng. Rét và tối. Bà lật đật chạy về, quần ống cao ống thấp, lép nhép bùn ruộng. Thắp đèn lên. Và hát. Vừa đó thôi, đã tháng giêng năm 1995...

Tùng... Tùng ! Cắc tùng... Cắc tùng... Cắc tùng...

Tôi thầm nhịp theo tên người đánh trống : Bác Tùng... Bác Tùng... Bác Tùng...

Dàn nhạc chèo điêu luyện, do lão nghệ sĩ Đỗ Tùng (66

tuổi) cầm cái, dồn dập truyền đi những rung động tinh tế. Lúc nhẹ gió, lúc mạnh sấm, lúc khắc khoải thân phận... Tuyệt kỹ công phu !

Trên nền nhạc xa xưa như nền ruộng, đoàn lão nông " ra đồng ". Áo mưa. Nón lá. Động tác múa cổ sơ biểu tượng nghề nông. Cặm cụi gì vậy ? Nhổ mạ ? Cấy lúa ? Làm cỏ ? Múa ? Không múa ? Múa như không múa ?... Đan nhau, thực và ảo, hình và siêu hình.

Bà cúi lom khom tìm gì trong đất — Đất soi bà vạn vết chân chim — Bà đi tìm hạt gạo...
Em cúi lom khom tìm gì trong đất — Để mái đầu ngậm vết rêu phong — Em đi tìm hạt gạo...

(Khúc hát hạt gạo)

Những hình người giấu mặt vô danh như đời người, mỏng manh trong cuộc chơi vô thức của Nắng và Mưa — hai thế lực siêu nhiên ngự trị bầu trời, thi nhau khắc nghiệt và thản nhiên hành hạ sinh linh mặt đất.

Nắng ơi... nắng toả — Ta chói lọi thì ta thiêu đốt..
Nắng tuôn dòng... Nắng cuồn cuộn cháy... thiêu...

(Khúc hát Mặt trời)

Mưa rơi ngan ngát bên trời — Pháo ran sấm sét — Chớp ngời hoa đăng — Mây đen xoã tóc xoay vần...

(Khúc hát Cơn mưa)

Chứng kiến con người vô danh chịu đựng nhẫn nại và chống chọi thiên nhiên quyết liệt, *Ông Nắng* cùng *Bà Mưa* ý thức dần về cuộc chơi độc ác của họ, cả hai chung kết *Khúc hát Lập mùa* :

Hỗn mang cùng trời — Rối loạn cuối đất — Gập ghềnh đường trần gian... Dọc ngang mưa nắng phân ranh giới — Kẻ mù loà nay đau chung cõi người...

Nghệ sĩ ưu tú Văn Mởn (Đoàn chèo Thái Bình) và nghệ sĩ ưu tú Thanh Hoài (Nhà hát chèo Trung ương) song song đạt thêm thành công mới với những khúc hát của *Ông Nắng, Bà Mưa*, theo các làn điệu cổ và khó. Khó, ngay cả trong mấy câu " lẩy Kiều " đơn sơ tưởng như là quá dễ :

Cánh cò trắng tóc ưu tư
Cong cong bông lúa cúi như lưng người.
...
Mây trôi nhờ gió của trời
Là ta ta hát những lời của ta...

Âm nhạc là sợi dây thần kinh, câu hát thổi linh hồn vào điệu múa.

Bao đời một nắng hai sương

Bộ gõ phát lôi, thôi thúc nhịp trống trận.

Mười bốn " nữ diễn viên bậc cụ " đột ngột xuất thần. Thoắt đi. Thoắt chạy. Thoắt đứng. Động tác múa biến hoá, phức tạp.

Trang phục biểu tượng được thay bằng trang phục thường ngày. Áo cánh trắng. Quần đen. Con người ảo trở về con người thực. Vừa giống nhau, vừa khác nhau. Cao. Thấp. Mập. Gầy. Răng đen. Tóc vấn. Chân đất. Không hoá trang. Không bợn chút son phấn. Nôm na sân khấu chiếu cói. Ba mươi chiếu cói trắng Đoàn mang từ Việt Nam, khâu liền thành một chiếu chèo lớn.

Tôi rưng rưng nhận diện từng người cụ thể với những cái tên rất chỉ là trừu tượng :

Vin – Răm – Thơi – Thốp – Mấm – Canh – Cát
Lũu – Bé – Rược – Riu – Kết – Tưởng – Xuân

Hai câu thất ngôn thuộc trường phái *cực tắc tị* ấy, tôi đã chép vào lòng từ hồi ở Quỳnh Phụ, tháng 3 năm ngoái, khi viết giùm các bà những bản khai lý lịch và đơn xin xuất ngoại lần đầu.

Hoàn cảnh gia đình các bà, không nói ra thì chả ai biết. Bà Trịnh Thị Răm có chồng hy sinh năm 29 tuổi (thời chống Pháp), con trai một hy sinh năm 25 tuổi (thời chống Mỹ), ba cháu ngoại hiện vẫn tại ngũ.

Bà Bùi Thị Rược – nữ chiến sĩ pháo binh từ 1950 đến ngày hoà bình (1954), hội viên Hội cựu chiến binh.

Bà Nguyễn Thị Riu từng đứng trong đội ngũ " *chị em du kích Thái Bình, ca lô đội lệch vừa xinh vừa giòn, người ta nhắc chuyện chồng con, lắc đầu nguây nguẩy : em còn đánh Tây* " (Ca dao kháng chiến).

...

Hầu như ai cũng có người thân chết đói trong nạn đói Ất Dậu (1945). Hầu hết, đều có chồng hoặc con là bộ đội, thương binh, liệt sĩ. Nghề nghiệp chuyên môn : làm ruộng, làm ruộng và làm ruộng... Tất cả cùng *can tội* đông con, ít nhất ba, nhiều nhất chín. Bà Nguyễn Thị Vin, 77 tuổi, có đông cháu chắt nhất : " *Khoảng ba mươi đứa* " !

Không ai là diễn viên chuyên nghiệp. Thời trẻ, các bà tham gia ca múa hội làng. Những bài hát xưa, những điệu múa cổ ngủ yên lâu rồi trong những cơ thể đã đi qua thời con gái quá xa rồi, nay đột nhiên được đánh thức dậy. Người đánh thức, không ai khác, là Nguyễn Thuỷ Ea Sola mà các bà quen gọi trìu mến : " *Cô giáo Thuỷ* ".

Lúc này, tôi thầm hỏi, các bà đang múa đấy ư, hay là đang trình bày chính cuộc đời họ ?

Bao đời một nắng hai sương
Chìm nổi con đường lặn lội bước chân.
...
Nước mắt là nước mắt sa
Dòng nước mắt lượn như là dòng sông
...
Cánh đồng mặn muối mồ hôi
Cây lúa đội trời đạp đất đứng lên

(Khúc hát cánh đồng)

Những gương mặt người mẹ khắc khổ mà cương nghị. Những lòng bàn tay trắng chìa ra. Những lòng bàn chân xác chìa ra. (Tôi ớn lạnh, lần đầu nhìn thấy hình tượng táo tợn đến thế trên sân khấu : các bà quì sấp bái lạy tổ tiên, đồng loạt chìa tất cả lòng bàn chân về phía khán giả).

Những nụ cười tiêu tốn nhiều nước mắt.

Và, ảnh chân dung những con gái, con trai hy sinh trong chiến tranh, các bà rút từ túi áo cánh trắng, chìa ra, ấn thẳng và mạnh, đóng dấu vào ký ức người đối diện.

Múa. Không múa. Múa như không múa...

Khi khoan thai. Khi ào ạt. Khi lặng im. Mạnh mẽ, dẻo

dai và đẹp đến không ngờ, các *diễn viên lão nông* của chúng ta kéo liền một mạch cuộc thôi miên đầy cảm hứng nghệ thuật suốt 75 phút diễn.

Múa không cần phiên dịch. Ngôn ngữ cơ thể truyền thẳng tới cơ thể. Khoảng lặng im cũng cuồn cuộn cảm ứng. Lặng im ở đây có tiếng nói và âm nhạc riêng của nó, ru cả khối người đầy ứ nhà hát im phăng phắc, im dằng dặc...

Luân hồi Hạn hán với Cơn mưa
Nhân định thắng thiên tâm đã niệm
Còn người còn thấm nước non xưa...

(Khúc hát Vĩ Thanh)

Bao nhiêu người vừa nước mắt long lanh vừa vỗ tay cuồng nhiệt, khi vở múa kết thúc bằng *Khúc hát Vĩ Thanh* và những bức vẽ truyền thần các danh nhân nước Việt lửng lơ rơi xuống từ trời. Át cả tiếng trống ếch tưng bừng của chú bé chăn trâu Nguyễn Quang Đạt, tiếng pháo tay nổ rạp, từng đợt, từng đợt, lại từng đợt. Ba phút. Năm phút...

Hình như chỉ còn mỗi một tôi ngồi lặng im, đực mặt.

Thao thức

Về khách sạn, 2 giờ sáng ngày 21.5. Tôi ở chung phòng với nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Minh Nhương (Đoàn chèo Thái Bình), một cây nhị *thần sầu* trong quốc gia chèo, trong cả thế giới chèo. Thấm mỏi và thấm rượu champagne, tôi lăn quay ra giường, chắc mẩm đánh một giấc, sáng dậy sớm. Chập chờn tiếng vỗ tay xối xả mưa rào quấy rối mộng mị. Leng keng tiếng va chạm gì đó. Anh Minh Nhương đang thu xếp hành trang cho chuyến đi sắp tới. Tôi uể oải dậy, rít một hơi điếu cày đã đời. Vẫn chập chờn tiếng vỗ tay đảo điên cơn say thuốc lào.

" *Này*, tôi hỏi anh Nhương, *ở những nơi khác, người ta có vỗ tay tợn như đây không* ? ". " *Còn tợn hơn ấy. Ở Bờ-rúc-xen, ở Trung tâm Pông-pi-đu, nhà hát lớn hơn, người đông hơn, vỗ tay động trời hơn đây nhiều. Tụi tôi chào xong, lại phải ra, chào nữa, chào mãi, chào đến cả chục lần. Vỗ tay đủ các kiểu, rào rào có, rầm rập có, đứng dựng cả dậy mà vỗ tay. Có khi đến mười phút, đến lúc bà con ta mệt quá, không ra chào nữa, mới thôi* ".

... Chập chờn tiếng nổ champagne đôm đốp. Tiếng chạm ly lanh canh. Tiếng cười nói chúc tụng. Tiệc tiếp tân, cũng là tiệc tiễn đoàn sau đêm diễn, do ông già râu bạc Michel Caserta làm chủ xị.

" *Xin mời các quí bà... vì thành công lớn, vì sức khoẻ...*" " *Chúng* em *không uống rượu đâu*, một bà nói, *chỉ uống cô-ca thôi*." " *Xin cụng ly tượng trưng vậy* ". " *Nếm tí tẹo cũng được*, một bà khác đỡ lời, *nhưng chỉ* nhấp môi *thôi đấy* ".

Một bà Tây trang sức sang trọng : " *Cảm ơn rất nhiều. Các bà vừa cho tôi thấy thế nào là cuộc đời dũng cảm của người mẹ Việt Nam. Đêm nay, tôi nhận được, từ các bà, nhiều cảm xúc phức tạp, rất mới, rất mạnh, tập hợp lại là rất Đẹp. Cái Đẹp mà tôi sẽ giữ gìn nó trong tim như một thứ thuốc trợ lực* ".

Một ông Tây, nói qua lời người bạn Việt của ông : " *Tôi đã nhiều lần nghe âm nhạc Việt Nam, nhưng lần này mới đúng là nghe âm nhạc Việt Nam* ".

Ông già Caserta còn nói thêm nhiều điều. Tôi thao thức một câu : " *Cao hơn một vở diễn,* ***Hạn hán và Cơn mưa*** *là tâm hồn con người* " — vừa nói, ông vừa giơ ngón tay cái về phía Ea Sola – Thuỷ.

... Tôi gọi Thuỷ bằng em, ngôi thứ được xác lập ngay từ lần đầu gặp mặt — tháng 9 năm 1994. Trước đó ít lâu, em gọi tôi từ Paris, vào khoảng giữa đêm Sài Gòn. Em nói về công việc của mình và mời tôi viết ca từ cho các bài hát theo làn điệu chèo, trong một vở múa đồng quê mà em sắp dàn dựng...

Không thể hiểu nổi về một tác phẩm trời ơi đang còn lửng lơ mơ hồ trên đường sóng viễn thông, lại chả biết chi về chèo với chống, tôi lựa lời từ chối. Em lại gọi, vào một đêm khuya khác. Ba lần gọi. Cả ba lần tôi từ chối.

Rồi gặp, nghe em giãi bày câu chuyện của ***Hạn hán và Cơn mưa*** — bằng thuyết trình, bằng văn bản, hình ảnh — đi cùng em một chuyến đò đầy, tìm gặp các diễn viên tương lai trong vở múa, tôi dần hiểu em lẫn công việc của em, càng hiểu càng ngạc nhiên, kính nể.

Cha mẹ em (ông người Việt, bà người Hung – Ba Lan) lấy nhau tại Pháp và cùng nhau về Việt Nam, sống ở Tây Nguyên. Em sinh ra trong rừng, tuổi thơ đầm đìa cỏ cây — hoa lá — khe suối — chim muông... Âm nhạc dại và múa hoang nhập vào em như ma nhập, từ lúc nào không hay.

Trước 1975, em theo mẹ sang Pháp, ở hẳn Paris từ năm 14 tuổi. Tự sống. Tự học múa. Cùng bạn bè lập ra những ban múa ngẫu hứng, múa rong chơi, rồi tham dự các liên hoan Múa của Pháp và châu Âu.

Không thấy Việt Nam đâu, trên sân khấu nhà nghề quốc tế. Tại sao không ? Được nhận học bổng nghệ thuật, em từng đi nghiên cứu múa dân gian tại nhiều xứ sở — ở với thổ dân châu Úc, với người lùn Pygmée châu Phi, người Esquimau vùng băng giá Bắc cực... Mỗi nơi có một giá trị riêng, lực hấp dẫn riêng. Cuối cùng em chọn Việt Nam, tìm đường về với chèo — một nghệ thuật cội nguồn có nghìn năm tuổi.

Ba năm (1991-1994) đầy ắp kỉ niệm đa chiều, em đi làm nghệ thuật chẳng khác gì đi thám hiểm. Gặp các nhà chức trách xin làm việc không công cho văn hoá Việt Nam. Gặp nhiều văn nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu lịch sử, nghệ thuật và đặc biệt là chèo... Học hỏi, tìm kiếm một lối đi khám phá miền chèo cổ. Từ chối khu vực chèo thành thị, em lùng sục các lễ hội, lặn lội làng này sang làng nọ — Nam Hà, Hà Bắc, Bắc Thái, Vĩnh Phú, Hải Hưng... và dừng lại Thái Bình.

Người thương, người giúp có nhiều. Người cản trở, người gây khó cũng có. Có người bảo em là con điên. Có nơi bắt giữ em vì... tình nghi gián điệp ! *Thân gái dặm trường* lắm nỗi éo le. Em chấp nhận mọi gian nan, thậm chí phải trả giá, vì một nỗi đam mê nghệ thuật cuồng nhiệt cao hơn chính bản thân mình.

Tắm nước ao. Ở nhà lá. Em cùng ăn cùng ngủ với các bà lão nông *cổ lai hy* — hấp thụ tinh thần văn hoá làng để *đẻ* ra cái kịch bản vở múa. Và mò mẫm từng làng tìm người múa.

Lại phải loay hoay *xoay* tiền dựng vở. Tiền ăn — tiền ở — tiền bồi dưỡng luyện tập. Tiền trang phục — thiết kế mĩ

thuật — thiết bị âm thanh, ánh sáng. Tiền tàu xe — tiền điện thoại — fax. Tiền vé tàu bay đi diễn — bảo hiểm ở nước ngoài — thuê các chuyên viên kĩ thuật sân khấu. Hàng trăm bức vẽ truyền thần — hàng trăm thứ bà rằn khác... Hai bàn tay trắng hoang mang mò trong không khí tìm đồng tiền khổng lồ.

Chỉ còn trông chờ vào nguồn tài trợ giao lưu văn hoá quốc tế, các nhà hát hào hiệp, và các liên hoan nghệ thuật châu Âu. Tất bật những chuyến du thuyết cơ cực. Lận đận Pháp — Bỉ — Thuỵ Sĩ — Đức... " *Em tự biết mình đã kiệt sức, nhưng không được phép ngã bệnh. Những khó khăn không thể tưởng tượng nổi, chúng bắt em phải tranh đấu đến cùng. Em phải thắng.* ***Hạn hán và Cơn mưa*** *phải sống...* ", em thốt lên như vậy, trong lá thư gửi cho tôi, viết vội trên chuyến tàu đêm từ Thuỵ Sĩ trở về Pháp (tháng chạp năm 1994). Tôi hình dung em già đi nghìn năm — một lão nông tối cổ đang mò cua bắt ốc khắp chân mây cuối trời để nuôi dưỡng giấc mơ đương đại

Bởi thế tôi đi tìm lại dấu xưa
Phận người điêu đứng (mà) vẫn tấm thân sắt son đi tìm
Cái bóng hình... ai thấy nó đâu không...

(Khúc hát Người Vô Danh)

Em đã vắt hết mình làm cơn mưa trên cánh đồng hạn hán, vực dậy một mùa màng vinh quang không phải cho riêng em. *Hạn hán và Cơn mưa* là thành công chưa từng có của sân khấu xứ ta trên *đấu trường* quốc tế. Và, theo nhà báo Nguyễn Thuỵ Kha — trong bài viết đăng trên tờ *Thanh Niên Thời Đại*, tháng 5.1995 : " *là một ấn tượng văn nghệ lớn nhất thế kỷ của Việt Nam* ".

Đêm nay, em có quyền ngủ ngon. Nhưng chắc rằng, cũng như tôi, như mọi người ở đây, em không thể không thao thức...

Số phận của những số phận

... Hình như tôi nằm mơ, một giấc mơ thần tiên : *Hạn hán và Cơn mưa* đang diễn ở Việt Nam !

Đợt lưu diễn trong mơ này, lẽ ra đã trở thành hiện thực từ tháng Tư vừa rồi. Nơi diễn đã sắp xếp : Thành phố Hồ Chí Minh — Hà Nội — Thái Bình. Báo chí đã loan tin. Chương trình và giấy mời đã in. Diễn viên sẵn sàng lên sân khấu... Bỗng, dừng lại !

Dừng lại vì không đủ tiền tổ chức biểu diễn. Theo tính toán của Đoàn, kinh phí còn thiếu khoảng *ba trăm triệu đồng Việt Nam* (chi tiêu chủ yếu vào vé tàu bay — thuê nhà hát — thiết bị sân khấu — ăn ở, cho những người trong nước, và một phần cho 5 chuyên gia sân khấu từ Pháp sang). Một ngân khoản tương đương giá một xe du lịch Mazda lắp ráp ở trong nước — hoặc tương đương những bữa tiệc nào đó.

Dù đã có hơn ba chục bài báo ta viết về vở múa này và tác giả của nó, song, phần nhiều trong số đó được viết dựa theo lời kể hoặc theo báo chí nước ngoài. Một số ít thực sự được viết bằng trực cảm của tác giả qua xem buổi biểu diễn báo cáo duy nhất (2.5.1995) trước khi Đoàn ra nước ngoài lần đầu.

Đầu tháng 5 năm nay, có thêm hai buổi diễn — một báo cáo lãnh đạo Bộ văn hoá – thông tin, một báo cáo chính quyền tỉnh Thái Bình. Công chúng yêu chuộng nghệ thuật vẫn chỉ " nghe nói " mà chưa " nhìn thấy " một vở diễn thật đáng ngắm và nghĩ.

Trước hôm rời Hà Nội, tình cờ tôi gặp mấy người bạn văn chương nổi tiếng, nơi quán nhậu bờ hè. Một ông chân thành " cưa " với tôi ly rượu Tây Môn Khánh : " *Đi với các em chèo, làm mưa sướng nhé. Toàn thôn nữ măng non, tha hồ mà quờ quạng...* ". Thì ra, ông lầm tưởng ***Hạn hán và Cơn mưa*** là vở mới của Đoàn chèo Thái Bình đang trẻ hoá.

Tiếc quá — một thành tựu to lớn của sân khấu nước nhà, dân Tây biết, dân ta thì... chưa biết.

Nguồn tài trợ giao lưu văn hoá quốc tế đã, đang, và còn tiếp tốn kém những chi phí không nhỏ để đưa ***Hạn hán và Cơn mưa*** qua các châu lục và qua hàng chục quốc gia (riêng 1996 : Pháp, Mỹ, Na Uy, Đan Mạch, Anh, Thuỵ Điển, Hà Lan, Thuỵ Sĩ, Áo). Hy vọng dân ta, nhà nước ta, ưu ái lo cho ***Hạn hán và Cơn mưa*** — một đứa con nghệ thuật của dân tộc mình, thoải mái hành hương trên đất nước mình.

Tôi... hy vọng, và hình như đang mơ...

...Lại chập chờn tiếng lịch kịch, lục cục từ các phòng bên, từ ngoài hành lang khách sạn. Tiếng gõ cửa cộc cộc. " *Dậy thôi*, bác Đỗ Tùng gọi, *cho tôi xin cái chảo để đóng gói* ".

Anh Minh Nhương cũng đang đóng gói. Bát – đĩa – nồi – bếp – ấm – chén – chai – lọ – trà – thuốc – mắm – muối – hành – tỏi – tiêu – ớt – gạo – miến – bột canh – ruốc bông – tăm xỉa răng... Bà con đều đang đóng gói, hệt cái hồi đi dân công. " *Không ăn được cơm Tây, phải nấu cơm ta thôi* ". Và tiết kiệm nữa chứ !

Đoàn đi dự liên hoan nghệ thuật, không kinh doanh. Và không thể kinh doanh. Riêng vé bay khứ hồi Hà Nội – Paris – Hà Nội 35 000 USD. Tiền khách sạn... Tiền ăn... Tiền quảng cáo... Tiền tổ chức biểu diễn... Tiền bán vé (trung bình 10 USD/vé) chỉ đủ chi phí cho chính buổi diễn : thuê nhà hát, thiết bị kĩ thuật, trang trí sân khấu, thù lao bảo vệ và tạp dịch... Ban tổ chức liên hoan bao thầu toàn bộ, nhờ vào nguồn tài trợ mà họ tìm được. Đoàn chỉ đến, ở, diễn, rồi đi, nhận thù lao tượng trưng xuất diễn một. Đâu cũng vậy. Vậy mà, nhiều người ở quê lầm tưởng bà con đi " hốt bạc ". Đi làm văn hoá, vậy thôi.

" *Năm ngoái ở Đức*, bà Rược kể, *người ta không phát tiền ăn. Bữa ăn họ dọn sẵn, to như tiệc ở nhà. Nhưng không ai ăn được, toàn bơ sữa, phó-mát, với cái mùi gì ghê lắm. Ở Bỉ, chúng tôi phải tự nấu ăn. Người ta đi chợ, chở về các thứ mình cần, để mình nấu. Về Pháp, chúng tôi được phát tiền, tự đi chợ, tự nấu, ngon hơn, lại để dành được tí quà cho ông cháu và các cháu...* ".

Giá Paris, một bát phở : 40 F (qui ra 8 USD). Một ổ bánh mì kẹp thịt : 20 F (4 USD). Một đĩa cơm, tuỳ theo món ăn đi kèm : 40-50 F (8-10 USD). Một bữa cơm Việt Nam cỡ bình dân có thêm một chai bia : 100 F (20 USD)/mỗi suất — qui ra thóc thì mỗi bữa hốc hết một tạ. Hãi quá. Tiền ăn cho Đoàn tại Pháp : 100 F/một người/một ngày — nếu ăn quán, 2 đĩa cơm thòm thèm, cộng một ly nước ngọt. Nếu tự nấu, no và ngon, và dư chút đỉnh.

Gia vị Việt Nam, lo đủ cho chuyến đi. Gạo nhà mang

theo được càng nhiều càng tốt, thiếu đâu mua đó — gạo quốc tế. Nồi cơm điện, chảo điện — Trung Quốc. Bếp điện — Nga. Đến bữa, phòng phòng nấu ăn, người người nấu ăn. Hôm Đoàn vừa tới, cầu giao chính nổ tách, cả khách sạn mất điện. Rút kinh nghiệm, luân phiên mà " nổi lửa ".

Đêm nay, ai cũng thao thức. " *Đến Mỹ, quyết diễn cho thật oanh liệt. Phải thắng lớn. Dù khó khăn thế nào, nhất định chị em chúng tôi phải thắng lớn !...* " Dù rằng, vẫn canh cánh một nỗi lo, mấy bà cùng hỏi tôi : " *Ở Mỹ, điện trăm mười hay hai trăm hai, hở bác ?* "

Cánh cò vượt Đại Tây Dương

Cánh cò dân ca từ đồng quê Thái Bình đã nhiều lần bay cao qua bầu trời châu Á, châu Âu — cùng với những người thân của nó, những bà Vin, bà Rược, bà Riu, bà Thóp, bà Thơi...

Trên chuyến Boeing 747 của Air France (Hà Nội – Paris, ngày 15.5.96) tôi lặng nhìn và nghe được, bao nhiêu là tiếng nói không lời đầy ý nghĩa, vọng thầm tự những động tác thông thường tưởng như vô nghĩa của các bà : đi lại thoải mái — sử dụng thành thạo dây an toàn — ngả và dựng lưng ghế — mở và gập bàn ăn — tự tìm chọn nước uống — ra vào *toa-lét* tự nhiên.

Mới hôm nào, các bà đi tập múa như đi lội ruộng. Mưa dầm. Rét. Nón áo le te. Quần xắn cao. Bàn chân trần ngập bùn. Một chú choai thị trấn Quỳnh Phụ nhăn nhở diễu cợt : " *Bà lão sắp đi Tây ơi, học được tiếng Tây nào chưa ?* " Một bà đốp liền : " *Bà mày vừa học được tiếng* toa-lét... "

Nói cho nghiêm túc, cái chữ Tây đó, các bà học được ở cô giáo Thuỷ. Dạy múa đã đành, cô còn dạy cả cách đi đứng trên đường phố, cách sử dụng nhà vệ sinh, vòi nước nóng lạnh, cách ăn mặc đẹp hợp với lứa tuổi. Quần áo, giày dép, túi xách du lịch... cũng do cô mua cho, chọn màu, chọn cỡ hợp với từng người. Cách sinh hoạt trên tàu bay, cũng cô giáo Thuỷ dạy, bây giờ thì các bà thuộc rồi, quen rồi.

Chỉ một thứ gặp hoài trên tàu bay mà không thể nào quen : cơm Tây ! Thịt gì nhạt thếch. Bánh gì dai ngoách. Bơ hôi. *Phó-mát* chỉnh chỉnh. Với mùi gì ghê ghê... Các bà nếm qua rồi bỏ, rồi đồng loạt lấy từ trong tay nải ra, những thứ làm cho tôi trố mắt : cơm nắm, muối vừng, trứng luộc — thức ăn đường quen thuộc bao đời nay của người đi xa. " *Mời bác xơi quà nhà quê ạ* ". Trời ơi, tôi hau háu mong một lời mời như thế. Đột ngột quà tặng của Thượng Đế, miếng cơm muối vừng nhớ đời, giữa trời — cách mặt đất mười ngàn mét và đang xẹt qua Ấn Độ Dương 850 km/giờ.

Tôi chưa dứt cơn ngẩn ngơ thả hồn vào tứ thơ cơm nắm, các bà đã đồng loạt co cả hai cẳng lên ghế từ lúc nào, ngả lưng, nghẹo đầu, và du dương vài điệu khò trầm bổng.

Lại thêm một ghi nhận thú vị : tính tập thể của các bà rất cao. Hầu như cùng tỉnh giấc lúc tàu bay chuẩn bị đáp xuống phi trường Charles de Gaulle, đồng loạt cài dây an toàn, bấm nút dựng đứng lưng ghế. Tàu bay chạy chậm dần trên đường băng, một bà nhắc mọi bà : " *Chờ cho tàu bay* họ *rồi hãy cởi dây, nhá* ". Cô giáo Thuỷ hỏi tôi : " *Em chưa hiểu, tiếng* họ *nghĩa gì ?* ". " Họ *là tiếng người đi cày ra lệnh cho trâu bò* dừng lại — *một động từ chỉ dành riêng cho trâu bò* ". Em cười ngất, trên tàu bay lại học thêm được một từ mới, một mệnh lệnh của người đi cày.

Tám giờ sáng 21 tháng 5, bà con lục tục xuống đường chờ xe đi sân bay Orly Sud. Chuyến đi Mỹ đầu tiên không thể không hồi hộp, âu lo những trắc trở bất ngờ.

Nghe nói Hải quan Mỹ rất khắt khe. Nhạc cụ và trang phục biểu diễn đóng thùng, họ bắt khai ra giấy từng thứ một, từng bức vẽ truyền thần, con dao, cái kìm, cây búa. Lại nghe nói họ không cho mang thức ăn vào Mỹ. " *Bỏ mẹ, lại cơm tây à ?* ". " *Thực phẩm khô, ai nỡ cấm* ". " *Nhưng còn ruốc, nước mắm, ngửi thấy hôi, họ vứt đấy* ". " *Mặc kệ, lúc đó hãy vứt...* ". Đủ điều bàn tán thắc thỏm.

Thắc thỏm như hôm rồi, đi làm visa nhập cảnh vào Mỹ. Cả Đoàn đã được nhắc nhở, ai có đồ vật bằng kim loại hãy để lại phòng. Vậy mà khi vào cửa sứ quán Mỹ tại Paris, từng người một vẫn bị bắt đứng giơ tay cho " máy dò mìn " rà xét. " *Trong người chúng tôi chỉ có thịt với xương thôi, không có sắt với đồng đâu* ". " *Ở nhà mình đâu có vậy, nhỉ* " ...

Giấy tờ xong cả rồi, lúc này lại thắc thỏm chuyện bay. " *Nghe nói phải bay qua biển gì rộng lắm, hở bác ?* ". " *Biển Đại Tây Dương, rộng như Biển Đông ở nhà ta* ". " *Bay bao nhiêu lâu hở bác* ". " *Chín mười tiếng đồng hồ gì đó* ". " *Nói dại, liệu có khi nào nó hết xăng ngoài biển không, hở bác* ". " *Làm gì có chuyện đó. Mà chẳng may lỡ có, thì các cụ cứ vẫy cánh con cò bay lả bay la mà bay tiếp, sợ gì* ". Cười...

Trời Paris se lạnh. Mặt đường ươn ướt mưa bụi, giờ này còn lưa thưa bóng người. Tôi run run đứng bên hè phố vắng, cảm hết nỗi cô đơn tái tê chạy dọc ống xương sống. Tiếc thay, tôi không thể đi cùng Đoàn, để chứng kiến những bà mẹ anh hùng trong ***Hạn hán và Cơn mưa*** tung hoành trên đất Mỹ. Thiết nghĩ " *các vệ sĩ của truyền thống* " không quân-hàm quân-hiệu này đang mang nặng trên vai, âm thầm, cả sứ mạng của một nền văn hoá dân tộc.

Một đạo quân nông dân chính hiệu đi chinh phục tâm hồn người tứ xứ, vẫn lỉnh kỉnh hành trang những nồi, chảo, gạo, muối, lương khô... như lính trận năm nào đi chiến dịch. Tôi thầm gửi theo họ lời cầu chúc chiến thắng.

Lặng im nước mắt hai hàng...

Rue du Roi de Sicile, Paris, tháng 5.1996

Nguyễn Duy

Cùng bạn đọc

Theo thông lệ, DIỄN ĐÀN sẽ nghỉ một tháng hè. Số 55 sẽ phát hành ngày 1.9.1996.

Chúc bạn đọc nghỉ hè vui vẻ và xin hẹn đầu tháng 9.